

CƠ HỘI & THÁCH THỨC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

GIỚI THIỆU Ban Tổng Giám Đốc



01
Mr. Đặng Huy Hiệp
Tổng Giám đốc

02
Mr. Nguyễn Bình Trọng
Phó TGD thường trực

03
Mrs. Nguyễn Hồng Châu
Phó TGD Thương mại - Dự án



04
Mr. Nguyễn Văn Tiến
Phó TGD Hành chính Nhân sự

05
Ms. Nguyễn Ngọc Ý Nhi
Phó TGD Tài chính - Kế toán

06
Mr. Trương Văn Minh
Phó TGD Sản xuất - Mạ - Ống

01

Mr. Đặng Huy Hiệp
Năm sinh: 1961
Tổng Giám Đốc
Kỹ sư Cơ khí

04

Mr. Nguyễn Văn Tiến
Năm sinh: 1953
Phó TGD Khối Hành Chính - Nhân Sự
Cử nhân chuyên ngành
Xã Hội Học

02

Mr. Nguyễn Bình Trọng
Năm sinh: 1963
Phó TGD Thường Trực
Cử nhân Kinh tế
Chuyên ngành Tài Chính Kế Toán

05

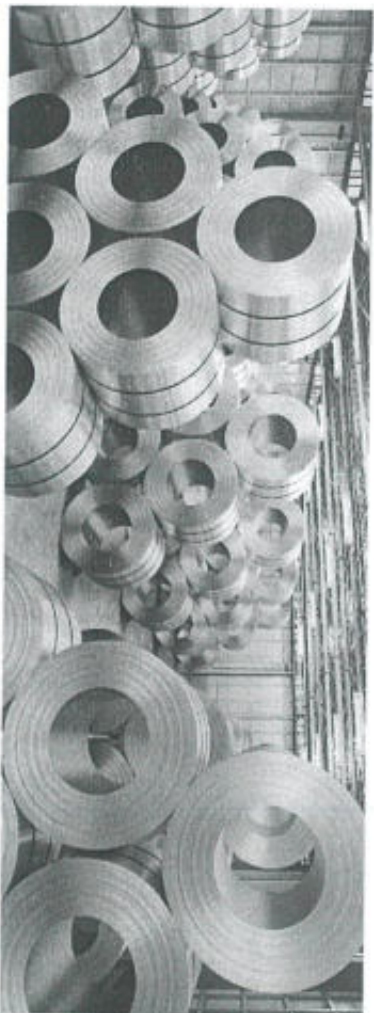
Mrs. Nguyễn Ngọc Ý Nhi
Năm sinh: 1983
Phó TGD Khối Tài Chính Kế Toán
Thạc sỹ Kinh Tế
Chuyên ngành Tài Chính Ngân Hàng

03

Mrs. Nguyễn Hồng Châu
Năm sinh: 1974
Phó TGD Khối Thương mại - Dự Án
Cử nhân Ngoại Thương

06

Mr. Trương Văn Minh
Năm sinh: 1983
Phó TGD Khối SX Cán Tẩy Mạ - Ống
Cao đẳng
Chuyên ngành Quản lý Công Nghệ
Sản Xuất



1,35 Triệu
TẤN THÉP
TIÊU THỤ

BÁO CÁO Của Ban Tổng Giám Đốc

Đánh giá các yếu tố tác động và kết quả SXKD năm 2020

Đại dịch Covid-19 xuất hiện và lan rộng khắp ngay từ đầu năm 2020 đã trở thành sét sấm vô hình đẩy nền kinh tế toàn cầu rơi vào giai đoạn khó khăn. Thêm vào đó là các ảnh hưởng từ thiên tai, thảm họa, biến động từ cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, căng thẳng thương mại, bất ổn kinh tế chính trị xã hội bùng phát mạnh mẽ tại nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới. Giá cả hàng hóa cơ bản trong năm như giá vàng, giá dầu, giá kim loại cơ nhiều biến động trái chiều và bất ngờ. Nhiều quốc gia giảm lãi suất điều hành, nới lỏng tài khóa, tung ra các gói cứu trợ Covid và gói hỗ trợ nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế và ổn định thị trường. Theo tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), kinh tế thế giới giảm 4,2% trong năm 2020. Trong đó Mỹ giảm 3,5%, khu vực EU giảm 7,4%, Nhật Bản giảm 5,4%, Singapore giảm 6,2%, Thái Lan giảm 7,8%, Philippines giảm 8,5%... Trong bối cảnh đó, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia có thành tích nổi bật trong năm 2020 khi đạt được mức tăng trưởng tích cực nhờ các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh hiệu quả và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Chỉ số GDP tăng trưởng dương cao nhất khu vực Châu Á Thái Bình Dương là 1 trong 10 quốc gia trên thế giới có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất và nằm trong nhóm 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất năm 2020. (1) Lạm phát được kiểm soát tốt với CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% - đạt mức tiêu chuẩn 5% đã đề ra. (3) Quy mô nền kinh tế tăng đồng thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á với mức xuất siêu đạt kỷ lục là 19 tỷ usd (4) Thu hút vốn FDI dự kiến hơn so với năm trước nhưng vẫn rất đáng ghi nhận trong bối cảnh đại dịch. (5) Tỷ giá VND duy trì sự ổn định, dự trữ ngoại hối ở mức cao, lãi suất và thanh khoản thị trường được điều chỉnh ở mức phù hợp hỗ trợ cho nền kinh tế vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của Covid.

Covid làm đứt gãy nguồn cung ứng như chuỗi sản xuất trên thế giới. Trong những tháng đầu năm 2020, Covid đã khiến giá thép giảm mạnh và nhu cầu tiêu thụ thép không lại trên phạm vi toàn cầu. Ảnh hưởng của Covid cũng đã khiến cho Brazil và Úc - các quốc gia xuất khẩu quặng sắt hàng đầu thế giới phải đóng cửa các mỏ quặng lớn, gây gián đoạn và thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu sản xuất thép. Trong khi đó, việc thúc đẩy đầu tư xây dựng từ chính phủ Trung Quốc làm tăng nhu cầu tiêu thụ thép trong khi nguồn cung trong nước chưa bắt kịp nhu cầu trong ngắn hạn. Điều này đã khiến giá quặng sắt và giá thép các loại tăng mạnh đột biến trong các tháng cuối năm 2020. Kết thúc một năm đầy biến động và bất thường, giá thép toàn cầu duy trì ở mức cao với giá quặng sắt 62% Fe đạt mức gần \$160/tấn, tăng 78% so với đầu năm, giá thép cán nóng HRC xoay quanh mức \$710/tấn, tăng 45% so với đầu năm, và giá thép cuộn wire rod đạt mức \$660/tấn, tăng 42% so với mức đầu năm. Tại thị trường nội địa, nhu cầu tiêu thụ năm 2020 cũng tăng trưởng chậm lại do ảnh hưởng bởi thị trường BĐS và đầu tư công hạn chế. Các doanh nghiệp trong nước tiếp tục đầu tư mở rộng công suất sản xuất khiến cho cạnh tranh trở nên khốc liệt hơn. Khi ASEAN - thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam - cũng gia tăng công suất sản xuất thép song song gia tăng phòng vệ thương mại, các quốc gia thuộc khối Châu Âu và Mỹ cũng nhập khẩu do ảnh hưởng của Covid, gây nên không ít khó khăn cho xuất khẩu thép. Tuy nhiên tiêu thụ tích cực từ thị trường Trung Quốc trong khi các quốc gia sản xuất thép lớn trên thế giới như Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc... vẫn chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực của Covid đã tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu thép Việt Nam. Theo Hiệp Hội thép Việt Nam, kết thúc năm 2020, nhập khẩu thép và Việt Nam là 13,3 triệu tấn với tổng giá trị hơn 8 tỷ usd, giảm lần lượt 8,9% về lượng và 15,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu thép Việt Nam đạt 9,9 triệu tấn với tổng giá

trị đạt 5,2 tỷ usd, tăng 47,9% về lượng và tăng 25,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc tăng đột biến cả về lượng và giá trị so với năm 2019, chiếm gần 36% tỷ trọng xuất khẩu thép năm 2020 của Việt Nam.

Đổi với SMC trong năm 2020, Công ty tiếp tục quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc cân trọng, linh hoạt, bám sát các diễn biến của thị trường, đảm bảo an toàn trong sản xuất cũng như an toàn cho toàn bộ CBNV trong phòng chống dịch. Hoạt động bán hàng được đẩy mạnh, bám sát mục tiêu đã đề ra dù trong giai đoạn khó khăn nhất do ảnh hưởng của dịch bệnh. Chính sách mua bán hàng, tồn kho luôn duy trì ở mức hợp lý và thận trọng, nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của dịch Covid và các yếu tố bất ngờ và bất lợi của thị trường nhưng vẫn phải đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Công ty cũng chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực và không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, bất chấp tất cả với những thay đổi của thị trường cũng như tận dụng tốt khi cơ hội thị trường đến. Nhờ đó, SMC kết thúc năm 2020 với sản lượng và hiệu quả kinh doanh vượt mức tiêu đã đề ra. Tất cả các nhóm ngành hàng chính từ thương mại TXD đến sản xuất, và giá công thép tấm là đều đạt được kết quả tốt, hiệu quả cao.

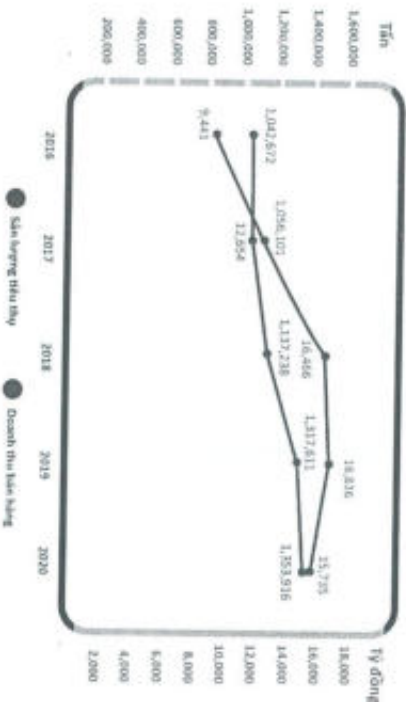
CHỈ TIÊU	Đơn vị	2019	2020	Tăng/giảm %	KH 2020	% Kế hoạch
		Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.317.611	1.353.916	+2,8%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	16.836	15.735	-6,5%	15.200	103,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	99,8	316,1	+216,7%	120,0	263,4%

Tổng kết năm 2020, SMC tiêu thụ hơn 1,35 triệu tấn thép các loại, tăng nhẹ 3% so với năm trước và đạt 108% kế hoạch năm. Doanh thu bán hàng đạt 15.735 tỷ đồng, giảm 6,5% so với cùng kỳ và đạt 103% kế hoạch đã đặt ra. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty đạt 316 tỷ đồng, gấp 3 lần so với năm trước và đạt 263% kỳ vọng đã đặt ra.

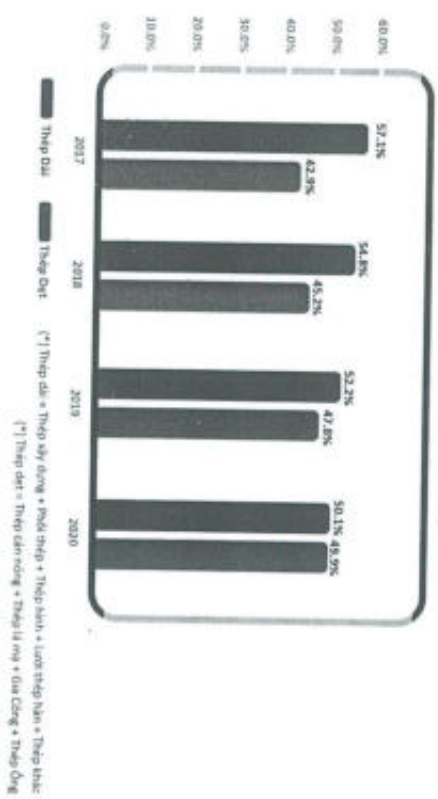
Đánh giá tình hình tài chính tương yếu năm 2020

Tuy có bị ảnh hưởng bởi nhu cầu tiêu thụ không cao do dịch bệnh, nhưng sản lượng bán hàng của Công ty vẫn tăng trưởng đều ở tất cả các nhóm ngành, cộng hưởng sự dịch chuyển trong cơ cấu tiêu thụ với tỷ trọng nhóm hàng thép đặc ngày càng cao. Tổng sản lượng tiêu thụ thép đầu năm 2020 đạt 678.872 tấn, giảm nhẹ 1,3% so với năm trước, chiếm 50% tổng sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống. Các sản phẩm thuộc nhóm thép đặc gồm giá công và sản xuất thép tấm là mục đing các loại đạt tổng sản lượng tiêu thụ năm 2020 là 675.043 tấn, tăng 7,1% so với cùng kỳ, và năng tỷ trọng lên 50% trên tổng lượng tiêu thụ.

Tổng Sản lượng thép tiêu thụ và Doanh thu 2016 - 2020



Cơ cấu sản lượng tiêu thụ thép các loại 2017 - 2020



CHỈ TIÊU	Đơn vị	2019		2020		Tăng/giảm %
		Tên	Tên	Tên	Tên	
Tổng sản lượng xuất khẩu	Tấn	209,604	164,157	-21,7%		
Tổng sản lượng nhập khẩu	Tấn	241,492	244,151	+1,1%		
SLXX / Tổng SL thép tiêu thụ	%	15,9	12,1	-3,8%		



Tổng sản lượng xuất khẩu của SMC năm 2020 đạt 164.157 tấn thép các loại, giảm mạnh 22% so với năm trước và chiếm 12% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống. Việc xuất khẩu giảm sút cũng nơi lên những khó khăn chung của thị trường và khó khăn riêng của doanh nghiệp trong năm đại dịch 2020. Tuy nhiên hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ trọng không quá lớn trong tổng hoạt động sản xuất kinh doanh của hệ thống SMC nên việc sụt giảm này không gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động chung của cả group. Tổng sản lượng thép nhập khẩu các loại đạt 244.151 tấn trong năm 2020, tăng nhẹ 1% so với năm trước. Năm 2020, SMC tiếp tục phát huy khai thác tích cực nguồn hàng nội địa của Formosa Hà Tĩnh và Hòa Phát Dung Quất, đồng thời cũng nhập khẩu chủ yếu các mặt hàng như cán nóng, cán nguội, má điện, hàng secondary và wire rod đảm bảo đáp ứng đầy đủ và kịp thời, cung cấp nguồn nguyên liệu đa dạng cho các hoạt động kinh doanh, sản xuất gia công của toàn hệ thống.

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	Tăng/giảm %
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	16.836,0	15.735,0	-6,5%
Chỉ phí hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	16.346,0	14.916,0	-8,75%
Chỉ phí trả vốn hàng bán	Tỷ đồng	160,5	197,4	+23,0%
Chỉ phí bán hàng	Tỷ đồng	125,4	211,3	+68,5%
Chỉ phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	166,8	116,9	-29,9%
Chỉ phí tài chính	Tỷ đồng	153,2	135,2	-11,7%
Chỉ phí lãi vay	Tỷ đồng	0,95	1,25	+0,3%
Chỉ phí bán hàng/Doanh thu	%	0,74	1,34	+0,6%
Chỉ phí QLDN/Doanh thu	%	0,99	0,74	-0,25%
Chỉ phí tài chính/Doanh thu	%	0,99	0,74	-0,25%
Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	490,0	819,0	+67,1%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	103,8	67,7	-34,8%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	146,1	366,9	+151,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	99,8	316,1	+216,7%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,91	5,20	+2,3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	%	0,87	2,33	+1,46%
Tỷ suất LNT/Doanh thu	%	0,59	2,00	+1,41%
Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	1,97	4,70	+2,73%
Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROA)	%	7,49	19,95	+12,5%

BÁO CÁO Của Ban Tổng Giám Đốc (tt)

Do các biến động mạnh của ngành, trong đó đáng chú ý là sự hưng phấn tiếp tăng đột biến và nhu cầu tiêu thụ tích cực hơn trong các tháng cuối năm, kết quả kinh doanh đạt được của doanh nghiệp trong năm 2020 là khá quan. Doanh thu bán hàng đạt gần 15,735 tỷ đồng, sự giảm nhẹ 6,5% so với năm 2019. Tuy tổng sản lượng kinh doanh tăng nhẹ và giá bán tăng mạnh vào thời điểm cuối năm, giá bán bình quân của cả năm 2020 vẫn ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, làm cho doanh thu bán hàng năm 2020 giảm. Chi phí GVHĐ năm 2020 cũng thấp hơn năm 2019 và có mức giảm nhiều hơn doanh thu, làm cho tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty năm 2020 đạt 5,2% - tăng 2,3% so với năm 2019.

Chi phí bán hàng và chi phí QLDN tăng đáng kể trong năm 2020 chủ yếu do (1) chi phí vận chuyển duy trì ở mức cao và có xu hướng tăng mạnh trong những tháng cuối năm, (2) chi phí khen thưởng cho tập thể, CNVV hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao trong năm 2020 tăng đáng kể so với năm trước đó, (3) Công ty thực hiện trích trước một phần chi phí QLDN của năm 2021. Chi phí tài chính giảm mạnh 30% so với năm trước đó nhờ vào (1) chi phí lãi vay giảm, (2) SMC hoàn nhập hơn 42 tỷ từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào cổ phiếu các doanh nghiệp trong ngành.



Doanh thu tài chính năm 2020 giảm gần 35% so với năm trước nhưng chủ yếu do Công ty có ghi nhận khoản thu nhập tài chính bất thường từ việc chuyển nhượng vốn công ty con trong năm 2019 là 66,5 tỷ đồng. Nếu loại trừ khoản thu bất thường trong năm 2019, doanh thu tài chính năm 2020 tăng gần gấp đôi so với năm trước đó. Kết thúc năm 2020 LNST hợp nhất của SMC đạt 316 tỷ đồng, tăng 217% so với năm trước và vượt xa kế hoạch 120 tỷ đặt ra cho cả năm. Theo đó, các tỷ suất sinh lời và chỉ số thể hiện hiệu quả kinh doanh trên doanh thu, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều tích cực hơn.

Cơ Cấu Tài sản

CHỈ TIÊU	Đơn vị		Tăng/giảm %	
	2019	2020		
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	3.819,6	5.516,5	+44,4%
Tiền mặt	Tỷ đồng	596,4	1.183,4	+98,4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	274,5	557,4	+103,1%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	1.430,0	1.730,8	+21,0%
Vòng quay phải thu người mua	Ngày	29	39	
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	1.204,0	1.803,9	+49,8%
Vòng quay hàng tồn kho	Ngày	27	43	
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	1.256,7	1.204,8	-4,1%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	784,9	796,6	+1,5%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	5.076,3	6.721,2	+32,4%

Tổng tài sản SMC tại thời điểm kết thúc năm 2020 đạt 6.721 tỷ đồng, tăng mạnh 32% với cùng kỳ năm trước. Tổng tài sản ngắn hạn là 5.517 tỷ đồng, tăng 44% so với năm trước, tương ứng tăng hơn 1.697 tỷ đồng. Tiền mặt và đầu tư tài chính ngắn hạn (chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng) cuối kỳ đạt gần 1.741 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với năm trước. Các khoản phải thu ngắn hạn cũng tăng khoảng 21%, tương ứng hơn 300 tỷ đồng về giá trị tuyệt đối. Tình đến cuối năm 2020, tồn kho thấp các loại của SMC đạt hơn 130.000 tấn, tương ứng 115% tổng mức tiêu thụ bình quân hàng tháng của doanh nghiệp, tăng 30% về lượng và 50% về giá trị so với thời điểm cuối năm

Cơ cấu Nợ và Vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Đơn vị		Tăng/giảm %	
	2019	2020		
Nợ phải trả ngắn hạn	Tỷ đồng	3.672,1	5.083,3	+38,4%
Vay nợ ngân hàng ngắn hạn	Tỷ đồng	2.060,8	2.609,1	+25,4%
Phải trả người bán	Tỷ đồng	1.511,8	2.026,0	+34,0%
Vòng quay phải trả người bán	Ngày	34	49	
Nợ phải trả dài hạn	Tỷ đồng	71,3	53,7	-24,7%
Vay nợ ngân hàng dài hạn	Tỷ đồng	70,2	48,7	-30,6%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	3.743,4	5.137,0	+37,2%
Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.332,9	1.584,3	+18,9%
Vốn đầu tư	Tỷ đồng	609,95	609,95	
Nợ vay ngân hàng/Vốn CSH	%	161,4	167,8	+6,4%



Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2020 của Công ty là 5.137 tỷ đồng, tăng gần 1.394 tỷ đồng, tương đương 37% so với năm trước. Nợ phải trả ngắn hạn toàn hệ thống đạt gần 5.083 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ. Trong đó nợ vay ngân hàng ngắn hạn và phải trả người bán tương ứng đạt 2.609 tỷ đồng (+25%) và 2.026 tỷ đồng (+34%) riêng tăng tồn kho và giá thành tăng mạnh tại thời điểm cuối năm 2020 đã kéo theo mức tăng tương ứng của nợ vay và phải trả người bán ngắn hạn. Nợ phải trả dài hạn của SMC cuối năm 2020 còn gần 54 tỷ, giảm 25% so với năm trước, trong đó chủ yếu là nợ vay ngân hàng dài hạn.

2019. Vòng quay hàng tồn kho tính theo giá trị cuối kỳ ở mức tương ứng 43 ngày, tăng khá nhiều so với năm 2019. Tuy nhiên có thể nói mức tồn kho, khoản phải thu tại thời điểm cuối năm 2019 được duy trì thận trọng ở mức thấp tương ứng với tình hình ngành lúc đó còn nhiều khó khăn và rủi ro khó lường. Tại thời điểm cuối năm 2020, tình hình ngành đã có những chuyển biến mạnh và tích cực hơn, do đó doanh nghiệp đã chủ động tăng tồn kho, tận dụng cơ hội thị trường để tạo ra hiệu quả kinh doanh. Tổng tài sản dài hạn SMC cuối 2020 đạt gần 1.205 tỷ đồng, giảm 4%. Trong đó, tài sản cố định cuối 2020 đạt gần 800 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,5% so với năm trước.

Trong năm 2020, Công ty không có thay đổi về vốn đầu tư. Tổng VCSH cuối kỳ đạt gần 1.584 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2019. Với dư nợ vay ngân hàng ngắn hạn tăng cao hơn năm trước, tỷ lệ tổng nợ vay ngân hàng / VCSH năm 2020 đạt 1,66%, tăng 6% so với năm trước. Tuy nhiên trong năm 2020 Công ty cũng ghi nhận các khoản tiền gửi ngân hàng tăng đáng kể, nếu tính tỷ lệ này trên cơ sở nợ vay thuần (nợ ngắn hạn ngắn và dài hạn - tiền mặt và đầu tư tài chính ngắn hạn) thì mức đạt được là tích cực hơn năm trước.

Trình hình đầu tư và thực hiện các dự án trong năm 2020

- Tại nhà máy đóng thép Sendo, hoàn thành lắp ráp và đưa vào vận hành dự định, năng suất cao 4 máy cán ống mới từ đầu năm 2020, tạo tiền đề nâng sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Sendo trong năm 2020 từ 130.000 tấn lên 180.000 tấn/năm. Kết thúc năm 2020, Sendo tiêu thụ được gần 189.000 tấn ống thép các loại, tăng 34% so với năm trước đó.

- Dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng với sự quyết tâm và nỗ lực lớn, nhà máy Coil Center SMC Đà Nẵng với công suất giữa công thép tấm các loại đạt 50.000 tấn/năm đã chính thức đi vào hoạt động ổn định từ đầu tháng 3-2020 và có hiệu quả kinh doanh trong năm 2020.

- Trong năm 2020, SMC đã hoàn tất cơ bản việc thoái thuận thuế đất 9,7ha tại KCN Phú Mỹ 2, và 4,1ha tại KCN Phú Mỹ 1, tỉnh BRVT, làm tiền đề cho việc phát triển và đầu tư mới của SMC trong thời gian tới.



Nhà máy Coil Center SMC Đà Nẵng

Kế hoạch và mục tiêu phát triển 2021

Nhận định chung tình hình vĩ mô và ngành năm 2021

Bước vào đầu năm 2021, sự phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế và vaccine ngừa Covid-19 đi kèm các biện pháp kích thích tài chính được triển khai quyết liệt hứa hẹn sẽ giúp kinh tế thế giới phục hồi và tăng trưởng trở lại. Theo báo cáo Tình hình và Triển vọng Kinh tế thế giới, Liên hiệp quốc đã dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng khoảng 4,7% trong năm 2021. Thế đó, các nền kinh tế phát triển đã giảm 5,0% trong năm 2020 sẽ tăng trưởng khoảng 4% trong năm 2021, và các nền kinh tế đang phát triển đã giảm 2,5% trong năm 2020 được dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 5,7% trong năm 2021. Các tổ chức quốc tế khác như IMF, WB, OECD... đều nhận định kinh tế thế giới năm 2021 sẽ hồi phục, tăng trưởng trong khoảng 3,5% - 5%, dựa vào các nhân tố chính như (1) hiệu quả phòng chống dịch Covid và tiến triển sản xuất, phân phối, và sử dụng vaccine, (2) hiệu quả các gói hỗ trợ phòng dịch và kích thích kinh tế của chính phủ các nước, và (3) hợp tác quốc tế trong phòng chống dịch và phục hồi kinh tế. Tuy nhiên vẫn có những rủi ro bất định đe dọa đến sự hồi phục mạnh mẽ của kinh tế thế giới như (1) dịch Covid còn diễn biến phức tạp, kéo dài, (2) căng thẳng, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và giữa các nước lớn vẫn còn tiếp diễn, (3) rủi ro và xung đột chính trị tại các quốc gia, khu vực, (4) rủi ro bất ổn tại chính trường mới toàn cầu.

Tại Việt Nam, chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế GDP đạt khoảng 6,5% trong năm 2021. Các yếu tố chính hỗ trợ cho vĩ mô tích cực của Việt Nam bao gồm công tác

chống dịch hiệu quả, sự dịch chuyển của dòng vốn thương mại và thu hút đầu tư thế giới, sự phục hồi của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, các chính sách tài khóa tiền tệ phù hợp linh hoạt, và sự tác động tích cực của các hiệp định thương mại tự do. Đánh giá về triển vọng ngành thép, theo Hiệp hội Thép Việt Nam như sau: (1) kinh tế thế giới dự kiến sẽ tăng 4,1% trong năm 2021 sau khi ghi nhận mức giảm 2,4% trong năm 2020, được thúc đẩy chính bởi sự hồi phục ở các thị trường phát triển. Trong nước, nhu cầu tiêu thụ dự kiến sẽ tăng trưởng đạt mức 8%, được hỗ trợ chủ yếu bởi (1) đầu tư hạ tầng tích cực, (2) sự hồi phục của thị trường BĐS, (3) sự hồi phục của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, và (4) thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Tăng trưởng sản lượng tiêu thụ đối với tăng mạnh thép xây dựng, thép ống và tôn mạ năm 2021 được dự kiến lần lượt là 9%, 8%, và 8% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu thép Việt Nam cũng được nhận định tích cực trong năm 2021, tuy nhiên khi nguồn cung thế giới trở nên dư thừa hơn có thể sẽ dẫn đến áp lực cạnh tranh gay gắt hơn đối với thị trường xuất khẩu. Dù có nhiều dự báo lạc quan nhưng ngành thép Việt Nam vẫn không tránh khỏi nhiều thách thức hiện hữu như tình trạng dịch bệnh vẫn kéo dài, tình trạng dư thừa công suất, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt khi nền kinh tế Việt Nam hòa nhập sâu với kinh tế thế giới, và những bất định về kinh tế chính trị thế giới.

Các chỉ tiêu và định hướng kinh doanh chủ yếu cho năm 2021:

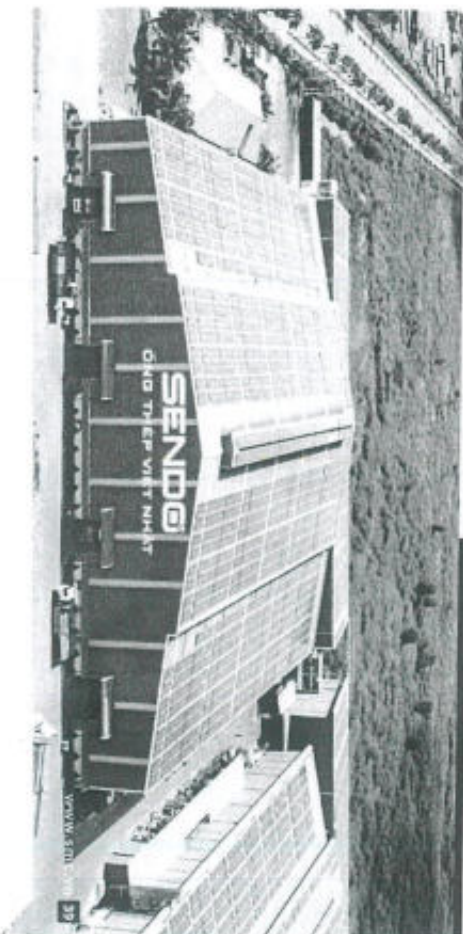
Ban điều hành trên nguyên tắc cân trọng, sẽ tiếp tục tập trung phát triển cả về chất và lượng. Trên cơ sở nhìn nhận và chuẩn bị cho các yếu tố khó khăn và thách thức chung, nhưng đồng thời cũng cần phải phát huy sức mạnh nội lực, củng cố năng lực cạnh tranh, đảm bảo an toàn và duy trì hiệu quả ổn định SXKD, Công ty đã đề ra các mục tiêu chính và kế hoạch cho năm 2021 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	KH 2021/ KH 2020	KH 2021/ TH 2020
			2020	2020	2021		
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.250.000	1.353.916	1.350.000	108,0%	99,7%
	- Thép dài	Tấn	650.000	678.872	670.000	103,1%	98,7%
	- Thép dẹt	Tấn	600.000	675.044	680.000	113,3%	100,7%
2	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	15.200	15.735	18.000	118,4%	114,4%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	120,0	316,1	300,0	250,0%	94,9%
4	Cổ tức	% mệnh giá	10%	10%	10%	100%	100%

Việc điều hành quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của SMC sẽ dựa trên các định hướng sau:

- Quản trị tồn kho và mua hàng trên nguyên tắc cân trọng, tăng vòng quay luân chuyển hàng hóa đồng thời quản trị chặt chẽ công tác lưu chuyển hàng tồn kho.
- Tăng cường quản trị kiểm soát các khoản phải thu và nợ công nợ, giảm kỳ thu nợ bình quân.
- Tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng suất làm việc, và hiệu suất sản xuất. Tiếp tục phân đầu quản trị chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh toàn hệ thống.
- Bồi dưỡng, đào tạo, sắp xếp lại nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và nâng suất làm việc.
- Định hướng khách hàng mục tiêu và mở rộng danh mục khách hàng mới hướng đến các doanh nghiệp FDI dịch chuyển đầu tư từ các nước khác.
- Đẩy mạnh tinh chuyên môn và chuyên nghiệp trong hoạt động tài chính kế toán, duy trì và phát triển tốt quan hệ với các tổ chức tín dụng, đảm bảo năng lực tài chính phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đầu tư và đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành doanh nghiệp.

Năng lượng xanh - nhà máy LD Ông Trấp Sendo



Kế hoạch đầu tư sản xuất trong năm 2021:

Năm 2021 sẽ là một năm bận rộn và đầy thách thức của SMC khi triển khai các dự án mới như sau:

- Lắp đặt mới 1 dây chuyền tẩy rửa và 1 hệ thống xử lý acid thải tại nhà máy SMC Cơ Khí, giúp cho SMC Cơ Khí tối ưu hóa quy trình sản xuất cán ép tẩy rửa, giảm chi phí gia công tẩy và xử lý acid bên ngoài, từ đó giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả nhà máy.
- Lắp đặt mới 2 dây chuyền cuốn ống tại nhà máy sản xuất ống thép Sendo, nhằm nâng cao công suất đáp ứng cho nhu cầu ống chất lượng cao của hệ sản xuất.
- Xây dựng mới nhà máy Gia công Thép SMC Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ 2, tỉnh BRVT với công suất gia công cắt chọt thép tấm là các loại lên đến 200.000 tấn/năm.
- Xây dựng mới nhà máy Cơ Khí Chính xác SMC Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ 2, tỉnh BRVT với công suất gia công đột dập định hình sản phẩm lên đến 10 triệu sản phẩm/năm.
- Góp vốn liên doanh với tập đoàn Samsung C&T thành lập nhà máy Gia công thép tại KCN Phú Mỹ 2, tỉnh BRVT.

Định hướng phát triển giai đoạn 2021 - 2025:

Bên cạnh các mục tiêu và định hướng cụ thể cho năm 2021, Ban điều hành cũng đề ra mục tiêu chiến lược và định hướng phát triển 5 năm tiếp theo trong trung dài hạn cho giai đoạn 5 năm tiếp theo từ 2021-2025, nhằm xác định đường lối chiến lược, và đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Công ty theo năng lực nội tại, năng lực cạnh tranh, quy mô và tầm nhìn phát triển của ngành và của đơn vị, để đáp ứng được những thay đổi của xã hội, thị trường, và ngành thép.

Định hướng chung:

- Tập trung vào HKKD cốt lõi của Công ty là sắt thép.
- Tăng sản lượng tiêu thụ thép các loại đạt 1.800.000 tấn vào năm 2025.
- Tiếp tục đầu tư mới mở rộng hoạt động gia công sản xuất chế biến thép, phân đầu nâng cao năng lực chế biến chuyên sâu nhằm cung cấp dịch vụ và sản phẩm tốt nhất đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và khách hàng. Từng bước nâng cao chất lượng sản xuất và chất lượng cung ứng. Phân đầu



SMC ký hợp đồng hợp tác chiến lược với Samsung C&T



Lễ khởi công các dự án của Công ty CP ĐT TM SMC

đưa SMC tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tham gia vào lĩnh vực công nghiệp phụ trợ đưa hoạt động gia công ngày càng chuyên sâu, chuyên nghiệp và tạo nên giá trị gia tăng lớn.

- Tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề và mở rộng chuyên sâu theo năng lực thực tế, đi cùng với việc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị đồng bộ và hiện đại, đủ sức cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước. Xây dựng và phát triển đội ngũ nghiên cứu và phát triển (R&D) trong lĩnh vực gia công sản xuất, đáp ứng tốt cho yêu cầu phát triển của hệ thống SMC.

- Duy trì ổn định hoạt động xuất nhập khẩu phục vụ cho yêu cầu của kinh doanh và sản xuất gia công chế biến. Duy trì năng lực xuất khẩu thép, phân đầu tỷ lệ xuất khẩu đạt 15% tổng sản lượng tiêu thụ, nhằm đóng góp vào sự phát triển chung. Mở rộng các mối quan hệ với đối tác trong và ngoài nước, mục đích vừa quảng bá thương hiệu, vừa nâng cao vị thế và khai thác thông tin kinh tế phục vụ yêu cầu kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống SMC.



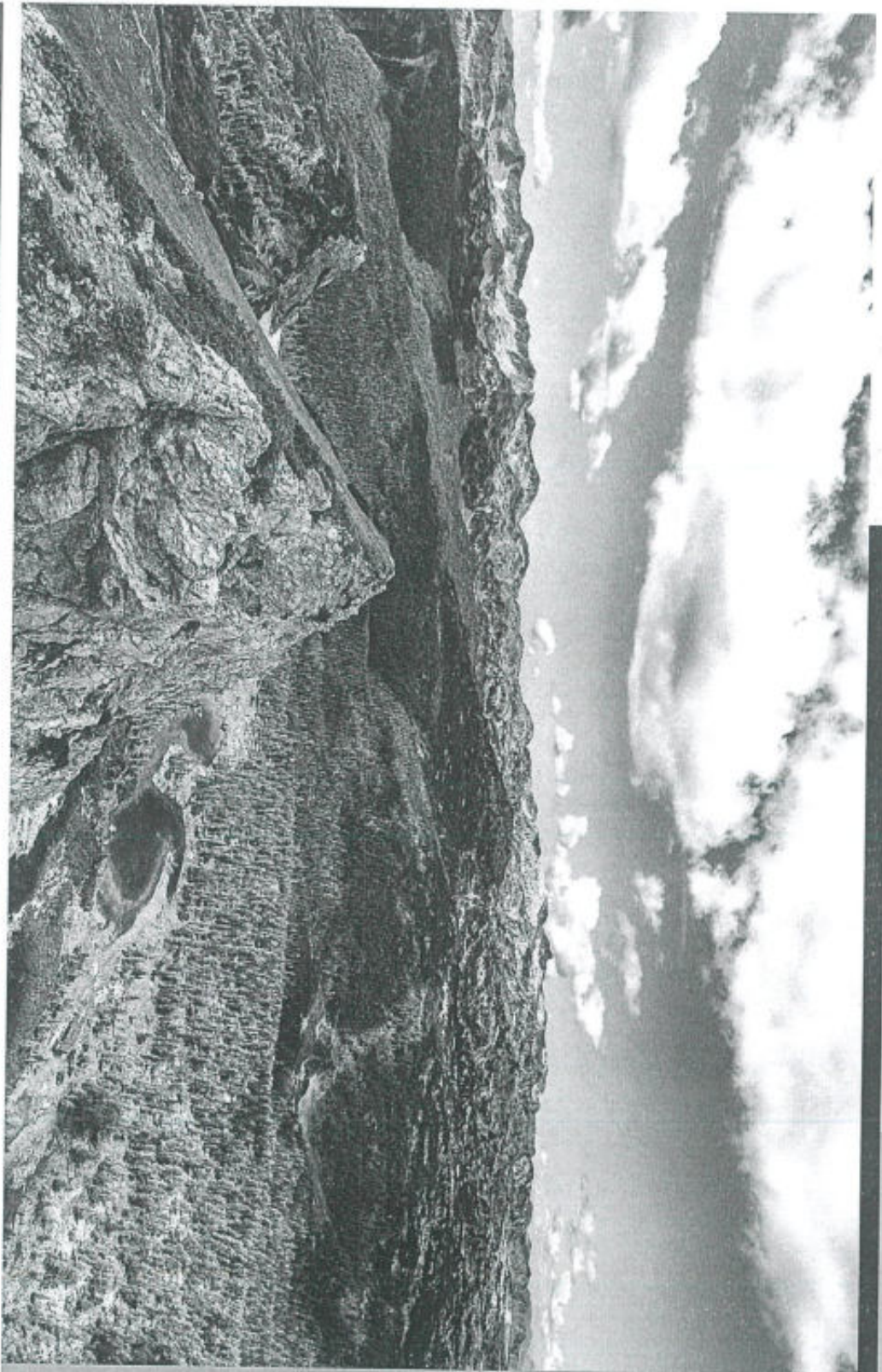
- Duy trì tỷ lệ chia trả cổ tức hàng tiền mặt hàng năm.

- Về thương hiệu và lợi thế cạnh tranh - liên tục nâng cao vị thế và uy tín thương hiệu qua quá trình hoạt động SXKD, hoạt động xã hội, giữ gìn sự tin tưởng và trân trọng của các đối tác để tạo thêm sự thuận lợi và đồng hành cùng doanh nghiệp trên bước đường phát triển, đưa thương hiệu SMC thật sự trở thành thương hiệu mạnh và quen thuộc trong lĩnh vực kinh doanh sắt thép. Liên tục phát huy lợi thế cạnh tranh của công ty và tạo ra sự khác biệt mạnh mẽ hơn so với các doanh nghiệp trong ngành.

- Về tài chính kế toán - đảm bảo các nguồn vốn phục vụ yêu cầu SXKD và đầu tư phát triển. Tích cực tìm tòi và khai thác các nguồn vốn có chi phí thấp để đảm bảo chi phí sử dụng vốn luôn cạnh tranh và hiệu quả. Nâng cao năng lực quản lý rủi ro và tăng cường năng lực giám sát tài chính trong toàn hệ thống, giữ vững tình an toàn và tăng hiệu quả sử dụng vốn trong toàn hệ thống. Tăng cường dự báo các biến động của kinh tế tài chính trong và ngoài nước, chủ động đề ra các giải pháp tài chính linh hoạt cho hoạt động SXKD toàn hệ thống.

- Về nhân sự - tiếp tục thực hiện các cam kết của doanh nghiệp đối với CBNV gồm (1) môi trường làm việc tốt, (2) điều kiện làm việc tốt, (3) cơ hội thăng tiến đầy đủ. Bên cạnh việc phát huy lòng tự hào của thương hiệu và văn hóa SMC, luôn nâng cao lợi thế cạnh tranh và tạo điều kiện, thuận lợi cho CBNV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đào tạo, bồi dưỡng, và hỗ trợ CBNV tự đào tạo để không ngừng nâng cao năng lực nghiệp vụ, kết hợp với mệnh lệnh giao việc để tạo nguồn cán bộ quản lý đáp ứng cho nhu cầu phát triển của toàn hệ thống SMC. Đặc biệt lưu ý tính hệ thống, đảm bảo ngày càng mở rộng và chuyên sâu trên nhiều lĩnh vực, ngành hàng, đòi hỏi đầy đủ nguồn cán bộ chất lượng cao trên nhiều lĩnh vực và nghiệp vụ khác nhau.





CƠ HỘI & THÁCH THỨC

GIỚI THIỆU Ban Kiểm Soát



01
Ms. Võ Thị Tố Ngân
Thành viên BKS
Cử nhân kinh tế



02
Ms. Lê Thị Cẩm Tú
Thành viên BKS
Cử nhân Luật



03
Ms. Đặng Thị Thu Trang
Thành viên BKS
Cử nhân Kinh tế

BÁO CÁO CỦA Ban Kiểm Soát

Đánh giá công tác chi đạo hoạt động của HĐQT

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2020 đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty, đã thông qua một số nghị quyết quan trọng như sau:

- Ngày 22/06/2020 thông qua nghị quyết về việc thay đổi nhân sự HĐQT bao gồm:
- Thay thế TV HĐQT được chỉ định đại diện phần vốn góp của Tập đoàn Hanwa-Ōng Nakajima Junichi thay thế cho ông Kondo Makoto.

- Miễn nhiệm TV HĐQT đối với ông Đặng Huy Hiệp và bầu bổ sung ông Võ Hoàng Vũ là TV HĐQT CTCP Dầu Tự Thương mại SMC

- Ngày 22/07/2020 thông qua nghị quyết về việc Chủ tịch HĐQT SMC đồng thời là Chủ tịch các Công ty Thành viên có 100% vốn của SMC
- Ngày 25/09/2020 thông qua việc miễn nhiệm TV HĐQT đối với ông Võ Hoàng Vũ. HĐQT SMC chỉ còn 5 thành viên và khuyết vị trí TV HĐQT độc lập nhưng do năm 2020 là

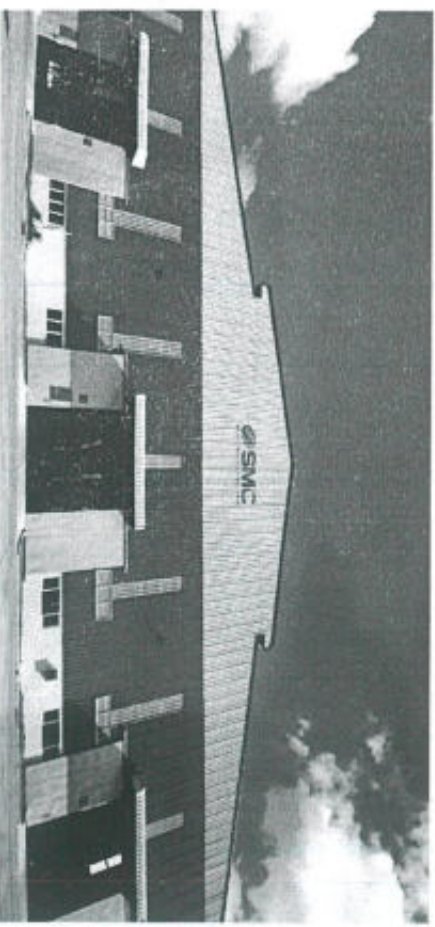
năm cuối của nhiệm kỳ nên Công ty sẽ trình bầu bổ sung trong kỳ Đại hội gần nhất.

- Ngày 30/10/2020 thanh toán cổ tức đợt 1/2020 là 5% mệnh giá tương ứng 500 đồng/cổ phiếu.

Năm 2020 là một năm có nhiều biến động đối với tình hình kinh tế chính trị thế giới. Trong nước, cũng như đối với ngành thép. Những tháng đầu năm tình hình vô cùng ảm đạm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, cả nền kinh tế gần như tê liệt với các lệnh phong tỏa, giãn cách xã hội của Chính phủ để khắc phục và kiểm soát dịch bệnh, làm cho hoạt động kinh doanh sản xuất của nền kinh tế bị đình trệ, nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh. Tuy nhiên, Việt Nam được nhìn nhận là một trong những nước chống dịch tốt nhất thế giới, góp phần tạo sự ổn định và hồi phục cho nền kinh tế trong nửa cuối năm 2020. Từ quý

3-2020, giá thép được cải thiện cùng với nhu cầu trong nước và từ Trung Quốc tích cực hơn, HĐQT đã bám sát các biến động của thị trường và đưa ra các quyết sách linh hoạt, kịp thời, phù hợp với tình hình thị trường, ngành, và công ty, tạo điều kiện và hỗ trợ cho Ban TGD trong công tác quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh, tạo cơ hội cho ổn định hoạt động và có hiệu quả kinh doanh của Công ty.

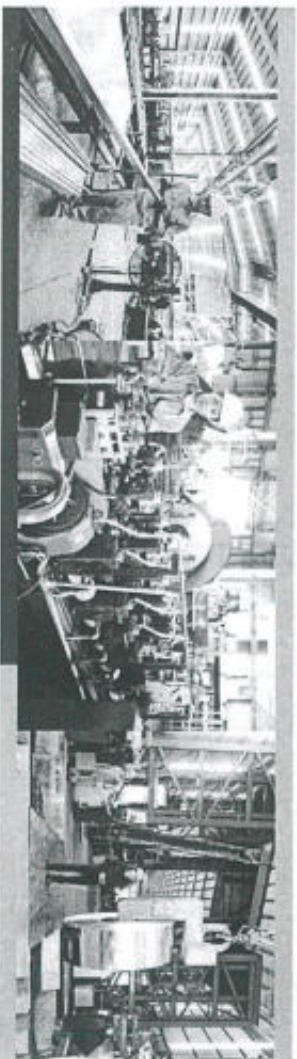
Giữa BKS, HĐQT và Ban TGD công ty luôn có sự trao đổi thông tin minh bạch, rõ ràng, đầy đủ, phù hợp chặt chẽ trong tất cả các cuộc họp và hoạt động định kỳ. BKS tham dự đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT, ghi nhận các nội dung thảo luận và biểu quyết đều được thực hiện công khai và đúng quy định.



BÁO CÁO Của Ban Kiểm Soát (tt)

Đánh giá công tác điều hành của Ban TGD
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH 2020	TH 2020	% kế hoạch
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.250.000	1.353.916	108,3%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	15.200	15.735	103,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	120,0	316,1	263,4%
4	Cổ tức	%	10%	10%	100%



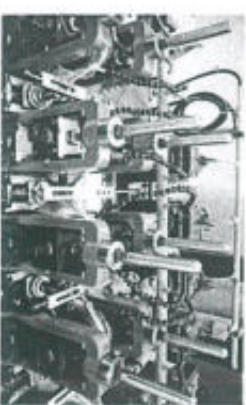
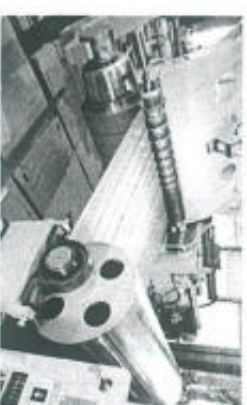
Năm 2020, Ban TGD đã điều hành toàn hệ thống SMC một cách thông minh, tập trung và ổn định, đúng theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Ban lãnh đạo cũng đã rất chú trọng và xuyên suốt trong công tác phòng chống dịch, áp dụng các biện pháp linh hoạt kịp thời theo đúng khuyến cáo của Bộ Y tế và Chính phủ, sắp xếp linh hoạt các hoạt động sản xuất và kinh doanh phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn chống dịch, vừa đảm bảo cho an toàn sức khỏe của CBNV, vừa đảm bảo cho hoạt động SXKD xuyên suốt không gián đoạn của toàn hệ thống.

Kết thúc năm Công ty đạt tổng sản lượng tiêu thụ tiếp các loại hơn 1,35 triệu tấn, tương ứng hoàn thành 108% kế hoạch được giao. Doanh thu bán hàng đạt 15.735 tỷ đồng, LNST đạt 316 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 104% và 263% kế hoạch cả năm. Ngoài các yếu tố khách quan của thị trường, việc Ban điều hành luôn bám sát thị trường, làm việc liên tục với nhà cung cấp và khách hàng, đối tác để đảm bảo nguồn hàng đa dạng ổn định với chi phí cạnh tranh đã góp phần quan trọng cho kết quả khả quan của năm 2020.

Về hoạt động quản lý sản xuất, năm 2020 cũng ghi nhận các cải tiến mang đến hiệu quả như công tác quy hoạch, cải tiến sắp xếp lại mặt bằng nhà xưởng hợp lý hơn, nâng cao năng lực quản trị sản xuất bằng các chương trình thi đua tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm tại các phân xưởng sản xuất. Đặc biệt từ tháng 3-2020, SMC Đà Nẵng chính thức di vào hoạt động, vượt qua mọi khó khăn do ảnh hưởng của dịch, đánh dấu sự hiện diện và thị phần của SMC tại thị trường Trung, bước đầu cũng mang lại hiệu quả kinh doanh. Công ty cũng chú trọng triển khai công tác 5S trong năm 2020 trong toàn hệ thống, đặc biệt tại các nhà máy gia công sản xuất, bước đầu đã đem lại bộ mặt mới cho các nhà xưởng của SMC sự chuyên nghiệp, sạch sẽ, từng bước quy hoạch xây dựng hệ thống sản xuất một cách chuyên nghiệp hơn.

Đề xuất và kiến nghị của Ban Kiểm Soát

- Tiếp tục duy trì tình hệ thống, kỷ cương trong công tác điều hành từ Tổng công ty đến các CTTV.
- Nâng cao năng lực quản trị sản xuất, kinh doanh, tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí sản xuất, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và thị trường.
- Cùng cố và mở rộng hệ thống khách hàng, tập trung khách hàng mới là các doanh nghiệp FDI dịch chuyển đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam.
- Cải thiện đồng đều, đảm bảo vòng quay hoạt động, kiểm soát chặt rủi ro tồn kho, khoản phải thu.
- Xây dựng bộ máy vững chắc, đảm bảo ngang tầm với tốc độ phát triển của Công ty.



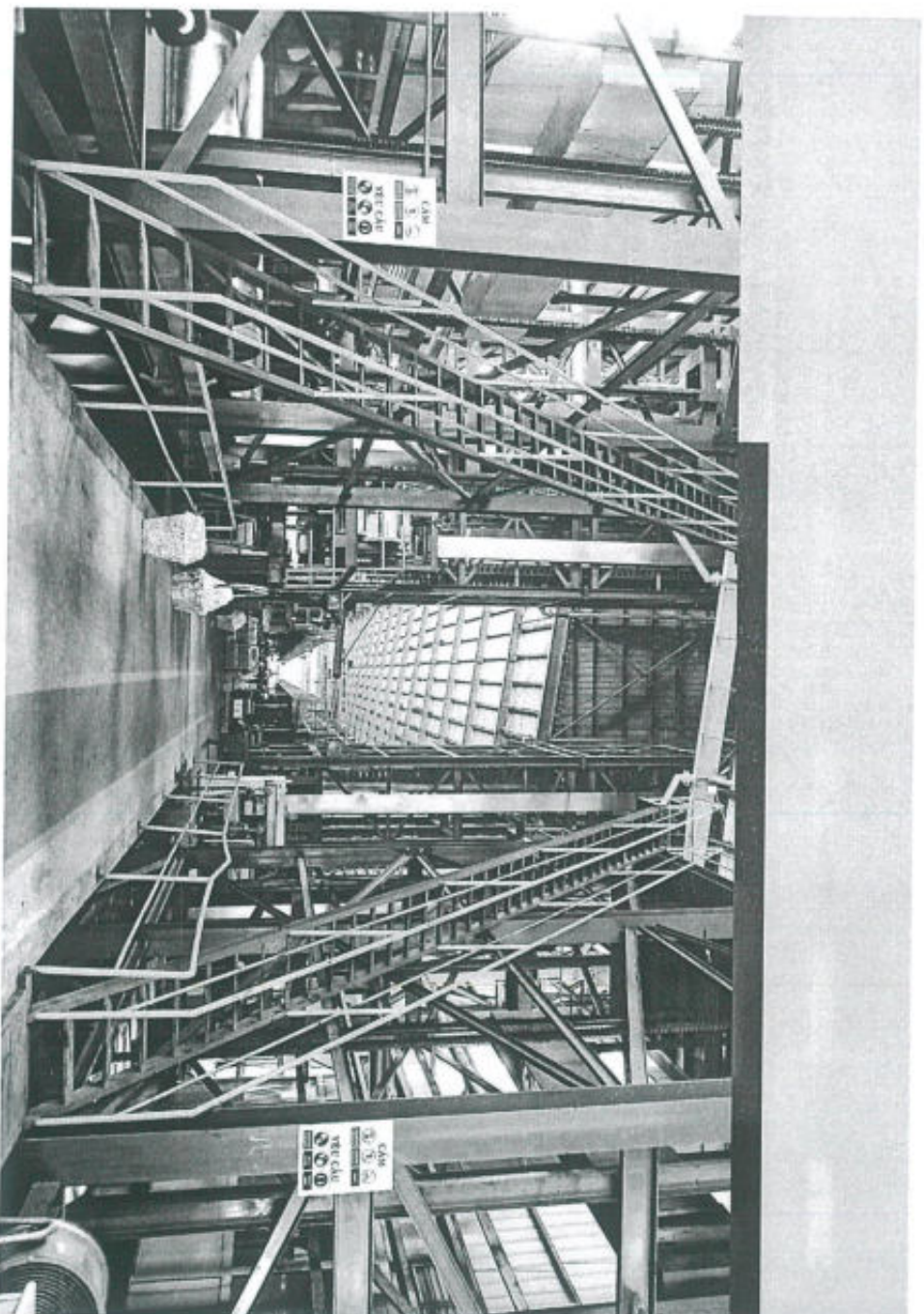
QUẢN TRỊ Doanh Nghiệp

1. Quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh

Với tầm nhìn "là doanh nghiệp thép uy tín và chuyên nghiệp" trong mọi hoạt động, SMC không ngừng duy trì và phát triển tốt quan hệ với các nhà cung cấp, đối tác, và khách hàng trong và ngoài nước, cho cả phần khác thương mại thép xây dựng và sản xuất gia công thép đặc, đảm bảo nguồn hàng sản xuất kinh doanh chính, chủ lực cũng như nguồn vốn tài chính của Công ty được cung cấp liên tục và đầy đủ, giúp Công ty chủ động sinh hoạt trong các chính sách mua bán hàng và dự trữ tồn kho tối ưu tại mỗi thời điểm.

Về Thương mại - SMC đảm bảo cung cấp nguồn hàng thép dài các loại phông phủ, dẹt, dầm, với năng lực dự trữ và vận chuyển lớn, đảm bảo giá cả, chất lượng và dịch vụ cung cấp, đáp ứng được các yêu cầu đa dạng của nhiều nhóm khách hàng khác nhau. Kết thúc năm 2020, hoạt động thương mại của SMC (bao gồm thép xây dựng, phôi, thép hình, lưới thép hàn...) đạt tổng sản lượng tiêu thụ hơn 678.000 tấn, đạt 101% kế hoạch năm.

Về Gia Công Coil Center - Hoạt động Coil Center thép dẹt các loại tiếp tục mang đến cơ hội, sự ổn định, và hiệu quả kinh doanh đủ trải qua nhiều biến động mạnh trong năm qua. Năm 2020 là cột mốc đánh dấu bước tiến mới của SMC trong hoạt động Coil Center khi thành công trong việc cung cấp thép cho tập đoàn Samsung Hàn Quốc tại Việt Nam, từ đó tự tin tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu đến đầu cơ hội mở rộng khai thác khách hàng mới, thêm năng trước xu hướng dịch chuyển các nhà máy sản xuất bị ảnh hưởng bởi căng thẳng thương mại leo thang Mỹ - Trung. Cũng trong năm 2020, SMC tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tại nhiều ngành hàng Coil Center thông qua việc đầu tư phát triển thêm Coil Center mới tại KCN Hòa Cầm, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng với công suất 50.000 tấn/năm. Bất chấp những khó khăn do dịch bệnh, Nhà máy Coil Center SMC Đà Nẵng đã đi vào hoạt động từ tháng 3/2020, góp phần làm cho hoạt động gia công chế biến thép của SMC trải dài cả ba miền đất nước gồm Coil Center SMC Phú Mỹ (thành BNV), Coil Center SMC Tân Tạo (TP.HCM), Coil Center SMC Đà Nẵng và Coil Center Hanwa SMC Hà Nội.



Về Sản xuất - Không ngừng hoàn thiện đầu tư và nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất, đã dựng hóa chuỗi hoạt động cung ứng và sản phẩm thép cung cấp cho thị trường và khách hàng. Tại nhà máy sản xuất Cơ Khí Thép SMC, thiết bị được nâng cấp và hoạt động với hiệu suất thiết bị cao, năng suất sản xuất thép là mạ kẽm tăng lên 350.000 tấn/năm, vượt 20% công suất thiết kế với chi phí sản xuất được kiểm soát chặt chẽ và hướng đến định mức tối ưu. Tại nhà máy sản xuất ống thép Senso, SMC nhanh chóng đưa vào vận hành ổn định, hiệu quả, 4 máy cán ống/lắp từ đầu năm, giúp gia tăng đáng kể sản lượng kinh doanh, với mức tiêu thụ bình quân đạt hơn 15.800 tấn tiêu thụ/tháng, tăng hơn 40% so với mức bình quân năm trước, cũng thường hiệu, chất lượng và giá cả được định vị và chấp nhận ở phân khúc cao trên thị trường.

Có thể nói năm 2020 là một năm nhiều biến động khó lường và bất ngờ đối với ngành thép, đặc biệt đối với nhóm hàng thép dẹt do giá nguyên liệu thép cán nóng biến động tăng giảm mạnh, công suất trong ngành lại gia tăng quá nhanh, tương khi thị trường tiêu thụ không cao, dẫn đến cạnh tranh gay gắt. Tuy vậy, nhờ thành quả mà SMC đã đạt được ở phần trước này rất tích cực và đáng khích lệ, khi cả hệ thống sản xuất (gồm thép là mạ kẽm và ống thép) cùng với hệ thống Coil Center đều hoạt động đạt công suất tối ưu, đem đến kết quả vượt mục tiêu về sản lượng và lợi nhuận đã đặt ra từ đầu năm.

Trong năm 2020, SMC đã hoàn thành công tác 5S tại tất cả các đơn vị trong hệ thống và đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần vào hiệu quả chung của Công ty. Công tác 5S và Kaizen này sẽ được duy trì xuyên suốt và ở mức độ cao hơn trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, SMC cũng hoàn tất việc hợp tác lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời áp mái tại nhiều nhà xưởng trong năm 2020, góp phần tích cực cho công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm chi phí điện năng.

QUẢN TRỊ Doanh Nghiệp (tt)

2. Quản trị rủi ro

Rủi ro vĩ mô và rủi ro ngành

Rủi ro vĩ mô và rủi ro ngành thể hiện rõ nét trong năm 2020 dưới các tác động tiêu cực xuất phát từ đại dịch Covid-19. Biến động mạnh về đời sống xã hội, kinh tế chính trị toàn cầu, sự suy thoái của các nền kinh tế lớn cũng những yếu tố bất ổn khác như căng thẳng bầu cử tổng thống Mỹ, chiến tranh thương mại kéo dài giữa Mỹ-Trung quốc và các quốc gia lớn khác, xung đột địa chính trị giữa các nước và khu vực... đã kéo theo sự biến động khó lường của ngành thép thế giới và trong nước. Giá các nguyên vật liệu và thành phẩm thép biến động liên tục, nhanh, mạnh, khó lường, gây nhiều khó khăn thử thách cho hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành. Trong

nước, thị trường BDS cũng với đầu tư công chưa khởi sắc gia tăng sức ép lên nhu cầu thép và tăng trưởng của ngành thép. Đồng thời, các doanh nghiệp thép Việt Nam còn phải đối mặt với vô số vụ kiện phòng vệ thương mại, chống bán phá giá, với mức độ ngày càng tăng đến từ các thị trường khác nhau. Mỗi trường hợp doanh nghiệp cũng trở nên ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn, với sự tham gia của các doanh nghiệp mới làm sự phát triển mở rộng ngành mà của các doanh nghiệp hiện tại. Bởi cảnh này đòi hỏi các doanh nghiệp ngành thép phải có sự chuẩn bị và chủ động ứng phó, đặc biệt là việc chủ động nguồn nguyên liệu, nỗ lực đa dạng hóa thị trường, cũng với những hoạt động quản trị và điều hành kịp thời với những chuyển biến và thay đổi của vĩ mô và ngành.

Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Với việc tiếp tục mở rộng các hoạt động sản xuất gia công chế biến thép đặc, SMC tăng bước giảm thiểu rủi ro của một đơn vị thuộc kinh doanh thương mại phải tiếp xúc xây dựng, trước các biến động về giá thép xây dựng và của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, các hoạt động gia công chế biến, sản xuất thép mới đồng thời cũng mang đến rủi ro về nguồn nguyên liệu, biến động giá cả nguyên vật liệu thép, rủi ro công nghệ sản xuất, rủi ro về nhân sự, kỹ thuật, chất lượng và quản lý điều hành. Theo đó, SMC luôn duy trì và tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, tốt đẹp với các nhà sản xuất thép hàng đầu từ máy móc thiết bị với công nghệ hiện đại, được bảo trì bảo dưỡng định kỳ thường xuyên, quá trình sản xuất gia công chế biến được đồng bộ và kiểm soát chặt chẽ, nhân sự có chuyên môn, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả, giảm thiểu tối đa sự cố, sai sót, và tiêu hao nguyên vật liệu.

Rủi ro tài chính tín dụng

Ngành thép là một trong những ngành có tỷ lệ vốn vay chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn của các doanh nghiệp. Việc tăng cường nhu cầu vốn đáp ứng cho đầu tư phát triển mới, nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí vốn cũng biến động tỷ giá hối đoái sẽ là các yếu tố về tài chính tín dụng gây khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc này đòi hỏi các doanh nghiệp ngành thép phải chủ động bám nắm về nguồn vốn từ cơ đồng thời đa dạng hóa các nguồn tài trợ vốn cho nhu cầu phát triển và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với SMC, Công ty



luôn chủ động bám sát các diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ tin dụng, nhằm có những giải pháp ứng phó linh hoạt, kịp thời và hiệu quả trong việc quản lý và sử dụng vốn. Đồng thời, Công ty cũng luôn chủ động trong việc sắp xếp vốn đầu tư cho các dự án mới; từng bước gia tăng nguồn vốn lưu động, đảm bảo đáp ứng đầy đủ và kịp thời cho nhu cầu hoạt động SXKD của toàn hệ thống. Việc giám sát và triển khai chính sách tín kho, bán hàng, và thu hồi công nợ cũng được quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo dòng tiền tích cực từ hoạt động kinh doanh bổ sung cho nguồn vốn lưu động.

3. Tổ chức và nhân sự

Năm 2020 toàn thế giới bị ảnh hưởng nặng nề do sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19, đây được đánh giá là một trong những năm khó khăn nhất đối với nền kinh tế thế giới và trong nước. Tình hình nhân sự SMC trong năm 2020 cũng chịu những ảnh hưởng nhất định trong bối cảnh chung của cả nước và toàn ngành thép. Trước tình hình đó, SMC đã kịp thời có những điều chỉnh về cách thức tổ chức và cơ cấu quản trị hệ thống nhằm mục đích tinh gọn bộ máy Quản lý, phát huy đúng vai trò, trách nhiệm và năng lực quản trị của các Cán bộ Quản lý, tối ưu hóa nguồn nhân lực, tạo điều kiện để tăng CBNV phát huy hết khả năng, - vai trò của mình trong công việc và đảm bảo nguồn nhân sự chất lượng, ổn định cho hệ thống SMC.

Thay đổi cơ cấu tổ chức:

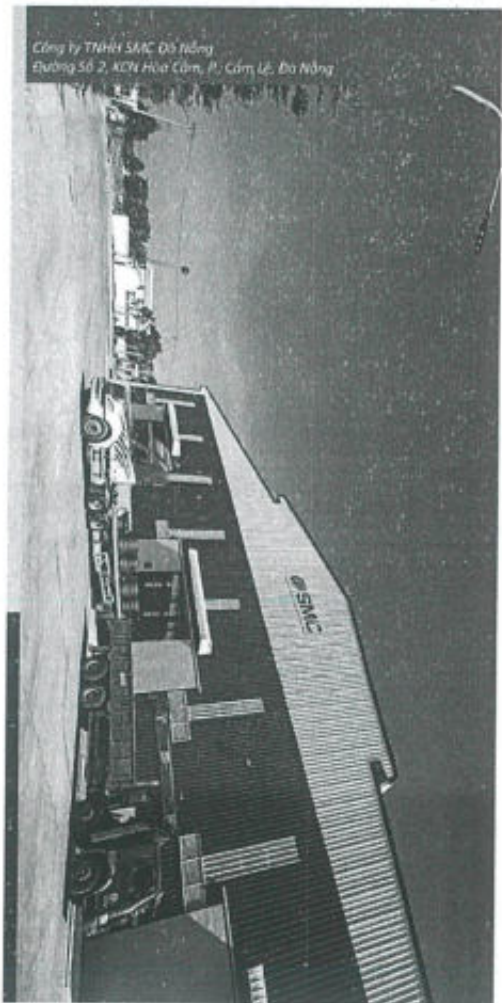
- Sức nhập bộ máy nhân sự phụ trách kinh doanh thương mại TXD của Công ty TNHH MTV Thương Mại SMC vào CTCP Đầu tư Thương mại SMC thành một Khối Kinh doanh thống nhất được đặt tại trụ sở chính, nhằm mục đích phát huy tối đa hiệu quả hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa bộ máy nhân sự.
- Thành lập Phòng Dự án Phát triển thuộc CTCP Đầu tư Thương mại SMC để đáp ứng kịp thời theo định hướng đầu tư phát triển và mở rộng hoạt động xuất khẩu của hệ thống trong năm 2020 và là tiền đề cho đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của phòng Dự án Phát triển cụ thể như sau:

Chức năng	Nhiệm vụ	Quyền hạn
<ul style="list-style-type: none"> Tham mưu, tư vấn cho Ban TGD về các vấn đề liên quan đến đầu tư dự án. Lập kế hoạch triển khai dự án được giao và hỗ trợ kịp thời cho các Phòng ban và Công ty Thành viên theo yêu cầu của chức năng, nhiệm vụ và chỉ đạo của Ban TGD Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo các hạng mục công trình, dự án của Công ty Bao gồm xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, cải thiện... được triển khai đúng tiến độ, chất lượng và yêu cầu từ Ban TGD Công ty. Triển khai thực hiện/giám sát các hoạt động lắp đặt, di chuyển, đầu tư hệ thống MMTB cho các nhà máy theo kế hoạch đã được phê duyệt, đưa ra các khuyến nghị, báo cáo kịp thời cho Ban TGD để đảm bảo hoạt động luôn theo đúng định hướng, tiến độ và kế hoạch đã được duyệt. Xây dựng quy trình phù hợp, áp dụng, tương tác với cả hệ thống. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, phòng, ban liên quan nhằm thông tin kịp thời và chính xác. Quản lý chặt chẽ các số liệu, danh mục đầu tư, xây dựng của hệ thống SMC. 	<ul style="list-style-type: none"> Làm việc với tất cả Công ty Thành viên, Phòng ban, cá nhân trong hệ thống SMC liên quan đến phạm vi công việc phụ trách. Yêu cầu các Công ty Thành viên, Phòng ban có liên quan tuân thủ các chỉ đạo, kế hoạch, tiến độ, trình tự thực hiện đã được phê duyệt. Kiểm nghị lên Chủ tịch và Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan.

3. Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng chính thức đi vào hoạt động từ tháng 03/2020:

- Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng hoạt động chính trong lĩnh vực Coil Carrier - thương mại, sản xuất, gia công chế biến thép tấm các loại; nhằm mục đích phát triển và khai thác hiệu quả thị trường thép tấm nặng tại khu vực Miền Trung.
- SMC Đà Nẵng hoạt động theo mô hình chuẩn của đơn vị gia công trong hệ thống SMC với số lượng nhân sự gần 50 CBNV chia thành 2 Khối Văn phòng và Sản xuất. Bước đầu, cơ cấu nhân sự của SMC Đà Nẵng được bổ sung từ các CBQL có kinh nghiệm và vững chuyên môn được điều chuyển từ các Công ty Thành viên trong hệ thống, kết hợp với đội ngũ lao động tại địa phương tạo nên cơ cấu nhân sự phù hợp và chất lượng tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của SMC Đà Nẵng trong thời gian tới.
- Bộ nhiệm Ông Lê Trần Anh Vũ, Giám đốc Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng.



4. Năm 2020 đánh dấu sự chuyển biến tích cực trong chính sách thu hút đội ngũ nhân sự quản lý với trình độ chuyên môn kỹ thuật cao tham gia công tác tại Khối Sản xuất của các CTTV trong hệ thống SMC thông qua quá trình tuyển dụng bổ sung và bổ nhiệm các vị trí quan trọng như:

- Giám đốc Sản xuất - Công ty Ông thiệp Sendo
- Trưởng phòng Công nghệ, Trưởng phòng QA-QC, Trưởng phòng Kỹ thuật Sản xuất tại Công ty Cơ Khí Thép SMC
- Tuyển dụng, bổ sung mạnh mẽ đội ngũ Kỹ sư có bằng cấp chuyên môn kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của Doanh nghiệp, tập trung phát triển lực lượng nhân sự khối sản xuất.
- Sự thay đổi này đã mang lại hiệu quả rất đa dạng trong việc xây dựng, cải tiến, hoàn thiện bộ máy sản xuất, kịp thời áp dụng những cải tiến, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến hiện đại cho hoạt động sản xuất trong toàn hệ thống.

CƠ CẤU Nhân Sự

Trình độ 31/12/2020, tổng số lượng nhân sự của SMC là 1136 lao động, tăng 153 nhân sự tương ứng 16% so với năm 2019. Trong đó, lực lượng lao động được bổ sung chiếm phần lớn thuộc về đội ngũ nhân sự quản lý có kinh nghiệm; đội ngũ cán bộ kỹ thuật có bằng cấp, có tay nghề chuyên môn cao trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong ngành thép, kết hợp với đội ngũ nhân sự hiện tại của SMC tạo nên lực lượng nhân sự chất lượng cho hệ thống. Cơ cấu nhân sự hiện tại của SMC có sự đa dạng về độ tuổi, trong đó đội ngũ lao động có độ tuổi dưới 30 chiếm 53%, đội ngũ lao động từ 30 đến 45 tuổi chiếm 31%, trên tổng số lao động toàn hệ thống. Sự đa dạng trong cơ cấu nhân sự giúp cho SMC không những có được nhiều nhân tài từ nhiều nhóm tuổi khác nhau mà còn thúc đẩy sự sáng tạo, không ngừng học hỏi để nâng cao năng lực bản thân của các nhân viên trong hệ thống. Với đội ngũ CBNV đa dạng độ tuổi, SMC vừa giữ lại được những giá trị truyền thống tốt đẹp vốn có của

hệ thống, vừa tạo ra sự đa dạng trong các nhóm kỹ năng và sự kết nối chặt chẽ trong việc hướng dẫn hỗ trợ lẫn nhau; duy trì, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, thúc đẩy hiệu suất làm việc của CBNV trong toàn hệ thống. Đồng thời, SMC tự hào khi sở hữu lực lượng nhân sự có bằng cấp, chuyên môn kỹ thuật cao, cụ thể khối Văn phòng tỷ lệ nhân sự có trình độ cao đang trở lên đạt 61%, khối Sản xuất tỷ lệ nhân sự có trình độ trung cấp trở lên đạt 54%. Với đội ngũ nhân sự chất lượng, SMC tự tin rằng sẽ luôn đảm bảo về chiều sâu, tiếp cận nhanh và hiệu quả với các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến hiện đại trong sản xuất kinh doanh, đáp ứng tốt với các nhu cầu phát triển của doanh nghiệp trong định hướng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động liên doanh trong thời gian sắp tới góp phần vào việc nâng dần thị phần và thương hiệu của SMC trên thương trường.

Tổng số lao động qua từng năm



Trong đó, tổng số lao động thuộc CTCP Đầu tư Thương mại SMC, các Công ty Thành viên trực thuộc hệ thống và các Công ty liên doanh mà SMC sở hữu trên 50% cổ phần là: 956 lao động.

Cấu trúc lực lượng lao động phân theo loại lao động trong toàn hệ thống SMC



Thu nhập và phúc lợi của người lao động

Mặc dù năm 2020 SMC gặp nhiều khó khăn, thách thức; nhưng với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể CBNV SMC dưới sự dẫn dắt của Ban Lãnh đạo, SMC đã đạt được kết quả kinh doanh khá thuận lợi, đặc biệt trong những tháng cuối năm 2020. Trong năm 2020, đời sống Nhân viên xuất kỳ diệu tăng, lương Trung bình là 7%, riêng Khối Văn phòng SMC không tăng lương đồng loạt cho toàn bộ CBNV nhưng tùy theo hiệu quả công việc của từng cá nhân, Công ty đã có những chính sách điều chỉnh thu nhập phù hợp cho CBNV. Ngoài thu nhập hàng tháng, Công ty vẫn chú trọng và tiếp tục duy trì chính sách khen thưởng hàng quý, thường đội xuất sắc nhận và tập thể có thành tích xuất sắc với tinh thần thực cao, đặc biệt là chính sách khen thưởng Kris cuối năm có những thay đổi tích cực, giúp ổn định cuộc sống cho CBNV, kích lệ, động viên tinh thần làm việc và khả năng gắn bó của CBNV trong toàn hệ thống SMC.



BLD, Thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban GD các DVTV, Liên doanh hội ngộ CBQL SMC hưởng đến mục tiêu 2021 - 2025 tại Tp. Đà Nẵng

Chính sách phúc lợi dành cho CBNV luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Theo thống kê hàng năm, SMC đều tổ chức các hoạt động nghỉ dưỡng cho toàn thể CBNV, chỉ riêng năm 2020 đã tính hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, không thể tổ chức hoạt động này, nhưng vẫn duy trì một số hoạt động tham quan dành riêng cho Cán bộ Quản lý. Việc chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV trong hệ thống SMC vẫn được duy trì tại bệnh viện lớn, uy tín và chất lượng. SMC còn có chính sách hỗ trợ thu nhập thêm cho các trường hợp thai sản, ốm đau, hưu trí; chăm lo đời sống tinh thần cho CBNV thông qua những hoạt động như: hỗ trợ gia đình CBNV SMC chịu ảnh hưởng bão lũ miền Trung; tặng quà vào các ngày lễ, tết, ngày thành lập công ty...

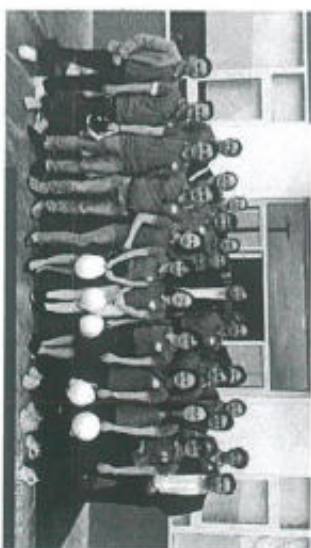
Bên cạnh đó, SMC cũng sở hữu một hệ thống các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ chức Đảng... xuyên suốt từ văn phòng Công ty đến các Công ty Thành viên, sẵn sàng hỗ trợ người lao động khi cần thiết. CBNV SMC luôn được khuyến khích tham gia các tổ chức đoàn thể, các hoạt động thi đua trong nội bộ và giao lưu với các Đơn vị bên ngoài. Chủ trọng hỗ trợ cá nhân về mặt tinh thần lẫn vật chất cho CBNV trong hoàn cảnh khó khăn; luôn tạo điều kiện để CBNV nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ gắn kết trực tiếp liên lạc với định hướng phát triển và thúc đẩy việc hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ Sản xuất Kinh doanh hàng năm của Công ty.

Thu nhập và phúc lợi của người lao động

Song song với việc mở rộng hoạt động SXKD của hệ thống, trong năm 2020 đội ngũ nhân sự của SMC cũng gia tăng về số lượng và chất lượng, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển và hội nhập. Quá trình tuyển dụng trong hệ thống SMC luôn đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ hài hòa với quá trình đánh giá sàng lọc, luận chuyên, đề bạt và đào tạo nhân sự theo quy trình - quy định mang tính hệ thống từ nội từ các Khối, Phòng ban tại Tổng Công ty đến từng Công ty Thành viên, phát huy tối đa hiệu quả của bộ máy nhân sự SMC trong từng giai đoạn.

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng nhất của doanh nghiệp, tại SMC chất lượng nguồn nhân lực được đặt lên hàng đầu và đóng vai trò then chốt trong định hướng phát triển của Công ty. Chính vì thế, công tác tuyển dụng tại SMC đặc biệt quan trọng và luôn được tiến hành kỹ lưỡng từ bước sàng lọc hồ sơ sơ vấn, phỏng vấn và đánh giá về sự tương thích của Phòng Nhân sự Tổng Công ty và các Phòng ban chuyên môn, để luôn đảm bảo tuyển được người có kỹ năng, trình độ phù hợp với vị trí tuyển dụng; có thái độ, tác phong phù hợp với văn hóa SMC, có định hướng phát triển rõ ràng và gắn bó vì sự phát triển bền vững của hệ thống.

Đồng hành trong suốt chặng đường phát triển 32 năm của hệ thống SMC là việc duy trì công tác đào tạo cho CBNV toàn hệ thống. Việc đào tạo tại SMC luôn chú trọng đầu tư nội dung đào tạo văn hóa công ty, giúp CBNV hiểu nhận tư tưởng và các giá trị cốt lõi truyền thống của SMC. Trong giai đoạn hội nhập và phát triển, SMC không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự của hệ thống thông qua việc đào tạo các khóa đào tạo chuyên biệt dành cho nhân sự chuyên - rành như: Khóa đào tạo về sản phẩm và Khoa Tiếng Hoa cơ bản dành cho Nhân viên kinh doanh, Khóa đào tạo kỹ năng Chăm sóc Khách hàng dành cho các vị trí thường xuyên phải tiếp xúc và làm việc với Khách hàng (nội bộ và bên ngoài), Khóa đào tạo kỹ năng Phòng vận Tuyển dụng trong thời đại



4.0 cho CBNV HNCS, Khóa Chứng chỉ Cấu trúc dành cho Công nhân các Công ty Thành viên, Khóa "VYFTA" dành cho NV Phòng Xuất Nhập Khẩu, Khóa TWI cho Tổ trưởng và Trưởng ca... Bên cạnh đó, việc đào tạo cho Cán bộ Quản lý cũng được SMC triển khai nhằm xây dựng đội quản lý có tầm và có tâm, điển hình là các Khóa đào tạo đã tổ chức dành riêng cho vị trí Quản lý như: MMN- Quản lý cấp trung, COO, CEO.

Cùng với quá trình tuyển dụng và đào tạo, SMC cũng chú trọng việc xem xét và đề bạt những cá nhân có năng lực, kinh nghiệm và trình độ phù hợp vào các vị trí cao hơn, tạo điều kiện và kích lệ người lao động phấn đấu, phát huy tối đa năng lực cá nhân. Trong năm 2020, toàn hệ thống SMC đã tiến hành đề bạt 53 nhân sự và chính thức bổ nhiệm 30 nhân sự có đủ tố chất và năng lực cần thiết để đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp Trung và quản lý cấp cao. Đây là sự ghi nhận quá trình cống hiến hết mình của đội ngũ nhân sự Quản lý hệ thống. Là cơ sở để xây dựng đội ngũ Nhân sự Quản lý hệ thống cũng đồng hành vì sự phát triển bền vững của toàn hệ thống SMC.

Chiến lược sử dụng và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Định hướng xuyên suốt trong 32 năm qua của hệ thống SMC là phát triển bền vững và nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự phát triển bền vững này. Chất lượng nguồn nhân lực giữ hệ thống SMC vận hành đúng hướng, đảm bảo tính hệ thống và vận hành SMC được thể hiện xuyên suốt từ Tổng Công ty đến các Công ty Thành viên, hàng nghìn bán sắc và vị thế riêng của SMC trên thị trường lao động. Năm 2023 sẽ có những thay đổi về tư duy và quản trị nguồn nhân lực, thực hiện những thay đổi tích cực hơn để nâng tầm nhân sự trong hệ thống, hiện thực hóa được các mục tiêu mà Ban Lãnh đạo đề ra. Cụ thể như sau:

Về Tuyển dụng: Chuẩn hóa và hoàn chỉnh toàn bộ bản mô tả công việc cho tất cả các vị trí trong hệ thống; đảm bảo các đề xuất tuyển dụng, đề bạt, đề xuất tăng lương... phải có bản Mô tả Công việc cụ thể đính kèm. Kiểm tra và hỗ trợ việc thực hiện công tác tuyển dụng tại các Công ty Thành viên. Tổ chức các buổi workshop, hội chợ việc làm thông qua việc liên kết với các trung tâm giới thiệu việc làm, các trường Đại học, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề... Xây dựng quy trình tuyển dụng thực tập sinh dành cho tất cả các vị trí trong toàn hệ thống – đây là lực lượng nhân sự dự trữ và đẩy thêm năng cho SMC trong tương lai. Xây dựng kênh tuyển dụng trực tuyến tại các trang fanpage, cấp nhật kịp thời các phương thức tuyển dụng hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả cho công tác tuyển dụng trong thời đại 4.0.



SMC ứng dụng đồng bộ minh Trung 20/10/2020 - 24/10/2020



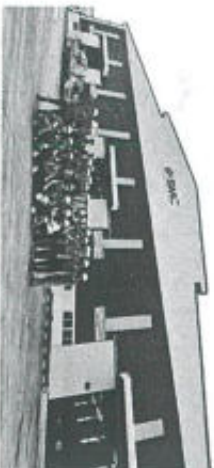
Hệ thống SMC chung tay ủng hộ đồng bào miền Trung



SMC trao 30 suất học bổng HS nghèo hiếu học Trường Quốc Học Huế



SMC New End Party 2020



Hội nghị CEOK SMC hướng đến mục tiêu 2021 - 2025



CEO SMC quyền giữ - ứng phó đồng bộ miền Trung bị lũ



Ông Đặng Huy Nghiê - TGĐ Lễ long tại HOSKAD SMC 2020



CEO SMC giao lưu mục tiêu SXKD 2021 đến Ban TGĐ các CTYV

Về đào tạo phát triển: Năm 2021, SMC đẩy mạnh việc đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa, tạo nguồn nhân sự dự trữ cho các vị trí cần bộ quản lý trong toàn hệ thống. Các nhân sự có trong kế hoạch đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa sẽ được đánh giá hiệu quả công việc, tinh thần, thái độ, trách nhiệm, tinh thần chủ và sẽ được tham gia các khóa đào tạo chuyên biệt nhằm nâng cao kỹ năng và năng lực chuyên môn, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu điều chuyển - đề bạt theo tình hình hoạt động SXKD của hệ thống và yêu cầu từ Ban TGĐ. Quá trình đào tạo trong toàn hệ thống sẽ được theo dõi và đo lường hiệu quả sau đào tạo thông qua phương pháp đánh giá 360 và đánh giá từ thực tế áp dụng công việc. Công trong năm 2021, SMC sẽ chú trọng phát triển việc đào tạo nội bộ với giảng viên là Cán bộ Quản lý tại các Khối/Phòng ban Tổng Công ty và các Công ty Thành viên với các chủ đề đào tạo mang tính thiết thực và hiệu quả hơn cho CBNV trong hệ thống.

Về chế độ chính sách cho người lao động: Năm 2021 sẽ tiếp hành xem xét và hiệu chỉnh lịch hoạt cơ chế lương, chính sách, chế độ đãi ngộ cơ o CBNV đảm bảo hài hòa trong vị trí đảm nhiệm trách nhiệm công việc. Khihi lương công việc phụ trách, phù hợp với thị trường lao động hiện tại nhưng vẫn đảm bảo được tính hệ thống. Tính linh hoạt trong chủ trương xây dựng các cơ chế chính sách tại SMC nhằm mục tiêu giữ nhân sự, tránh hiện tượng chảy máu chất xám đối với các nhân sự đã qua đào tạo. Đối với các nhân sự có thâm niên gắn bó tại SMC, những đóng góp và thành tích sẽ luôn được SMC ghi nhận và cam kết đảm bảo các chế độ đãi ngộ xứng đáng. Đây là cam kết mang tính bền vững và là động lực để các nhân sự mới nỗ lực hết mình, cống hiến và gắn bó cùng SMC.

Về môi trường làm việc: Năm 2021, SMC tiếp tục định hướng xây dựng và duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện theo cơ chế mở, thông tin truyền thông luôn rõ ràng và minh bạch. SMC cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để CBNV phát huy hết khả năng của mình trong công việc, gắn bó, đồng hành và phát triển bền vững cùng hệ thống.



EPS
5.020 VND

BPS
25.974 VND

4. Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

SMC tiếp tục thực hiện chuẩn mực công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư, tiếp xúc, gặp gỡ, cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Các hoạt động công bố thông tin luôn được cập nhật/publish bởi một cách rõ ràng, minh bạch, cung cấp đầy đủ các nội dung liên quan đến hoạt động quản trị, đầu tư tài chính, sản xuất vận hành của SMC để nhà đầu tư, đối tác, khách hàng có thể truy cập, kiểm tra và nắm bắt thông tin kịp thời. Công ty luôn công bố thông tin, cập nhật về hiệu quả và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo tháng, quý, năm một cách đầy đủ, cơ sở, và minh bạch, sẵn sàng đối thoại, giải đáp các thắc mắc yêu cầu của nhà đầu tư và nhà quản lý, nắm một cách đầy đủ, cơ sở, và minh bạch, sẵn sàng đối thoại, giải đáp các thắc mắc yêu cầu của nhà đầu tư và nhà quản lý.

Cổ phiếu SMC

Mã chứng khoán	SMC
Sản phẩm yết cổ phiếu	HSX
Vốn điều lệ	609.946.910.000 VND
Số cổ phiếu đang lưu hành	60.922.941 Cổ phiếu
Vốn hóa thị trường (theo giá cp ngày 31/12/2020)	1.189.396.474.500 VND
Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2020 (EPS)	5.020 VND
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu năm 2020 (BPS)	25.974 VND
Biến động giá VN-Index trong năm 2020	14,87%
Biến động giá cổ phiếu SMC trong năm 2020	+88,22%

Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc tăng trưởng ấn tượng cho năm 2020 dù đã có những phản ứng và nhịp điệu chỉnh mạnh trong năm theo diễn biến và ảnh hưởng của dịch Covid-19. Từ mức thấp nhất trong tháng 03-2020 do tác động tiêu cực của dịch bệnh và tâm lý lo ngại của nhà đầu tư, TTCK Việt Nam nói chung và VN-Index nói riêng đã hồi phục ngoạn mục, mạnh mẽ và đảo chiều. Kết thúc phiên giao dịch cuối năm 2020, VN-Index đóng cửa tại mức 1.103,87 điểm, tăng gần 15% so với mức đầu năm. Nhờ đó, TTCK Việt Nam được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán có sức chống chịu với đại dịch và phục hồi tốt nhất thế giới. Cùng với sự đi lên của thị trường, thị trường chứng khoán cũng có một năm thăng hoa, trong đó có các cổ phiếu thuộc nhóm ngành thép. Cụ thể giá cổ phiếu SMC đã có mức tăng hơn 88% trong năm 2020 so với mức 15% của VN-Index. Với mức phục hồi mạnh mẽ của TTCK cũng là một trong những cổ phiếu được chú ý và được đầu tư nhiều nhất trong thị trường chứng khoán. Thị trường ghi nhận quy mô tham gia của nhà đầu tư mới cao nhất chưa từng thấy trong lịch sử TTCK Việt Nam. Thanh khoản thị trường tăng mạnh lên mức cao kỷ lục với giá trị giao dịch bình quân năm 2020 đạt trên 7.420 tỷ đồng/phiên, tăng 59,3% so với mức bình quân năm 2019. Có thể nói, TTCK Việt Nam đang vững và phát triển mạnh dựa trên những kỳ vọng từ chính sách của Chính phủ, về tiềm năng phát triển của nền kinh tế nước nhà, và khả năng chống chịu của doanh nghiệp với những tác động từ thay đổi vĩ mô và ảnh hưởng của dịch, tạo tiền đề cho những dự báo lạc quan về diễn biến của TTCK trong năm 2021.

Cổ tức

DHDCD năm 2020 đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2020 với tỷ lệ 10% mệnh giá bằng tiền mặt tương ứng 1.000 đồng/cổ phiếu. SMC đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 năm 2020 với tỷ lệ chi trả là 5% mệnh giá bằng tiền mặt, tương đương 500 đồng/cp vào tháng 10/2020. Cổ tức đợt 2 năm 2020 với tỷ lệ là 5% mệnh giá bằng tiền mặt sẽ được HDĐT thông qua và thực hiện chi trả ngay sau kỳ họp sau kỳ họp DHDCD năm 2021.

Cơ cấu cổ đông

Những thay đổi lớn và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2020:

- Trong năm 2020, SMC không thực hiện việc phát hành mới hoặc chia tách cổ phiếu làm thay đổi vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phiếu của Công ty.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: thu hồi 24.400 cổ phiếu ESOP từ CNV đã nghỉ việc theo quy chế phát hành cổ phiếu thường và ghi nhận vào cổ phiếu quỹ của Công ty. Tổng số lượng cổ phiếu quỹ cuối năm 2020 là 71.750 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành tại thời điểm kết thúc năm là 60.922.941 cổ phiếu.
- Các giao dịch của cổ đông "lợi bộ" và người liên quan đã được thực hiện trong năm 2020 như sau:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng giảm cổ phiếu	Cổ phiếu		Mục	Đơn
					Tỷ lệ %	Tỷ lệ %		
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	PCT	397.887	647.887	1,06%	250.000	0		
Ông Đặng Huy Hiệp	TGD	119.280	168.740	0,28%	49.460	0		
Ông Nguyễn Văn Tiến	PTGD	674.894	574.894	0,94%	0	100.000		
Ông Trương Văn Minh	PTGD	23.200	10.000	0,02%	0	13.200		
Bà Đoàn Thị Mỹ Lệ	KTT	22.610	8.500	0,01%	0	14.110		



60.922.941 cổ phiếu
đang lưu hành

Thông tin cổ đông theo danh sách chốt ngày 21/10/2020:

Cơ cấu cổ đông

	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng CP	%	Số lượng CP	%	Số lượng CP	%
Tổng vốn chủ sở hữu	40.440.814	66,30	20.553.877	33,70	60.994.691	100,0
Cổ đông sáng lập (*)	9.416.723	15,44	0	0,00	9.416.723	15,44
Cổ đông sở hữu trên 5%	20.533.747	33,66	15.565.875	25,52	36.099.622	59,18
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	9.607.678	15,76	3.918.013	6,42	13.525.691	22,18
Cổ đông sở hữu dưới 1%	10.227.639	16,76	1.069.989	1,76	11.297.628	18,51
Cổ phiếu quỹ	71.750	0,12	0	0,00	71.750	0,13

(*) Cổ đông sáng lập đã bao gồm 01 cổ đông sở hữu trên 5% và 01 cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông đặc biệt

	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông đặc biệt	23.340.470	0	23.340.470	38,27
Hội đồng quản trị	21.567.944	0	21.567.944	35,36
Ban Tổng Giám Đốc	1.703.927	0	1.703.927	2,79
Ban Kiểm soát	45.989	0	45.989	0,08
Kế toán trưởng	22.610	0	22.610	0,04
Cổ đông nắm giữ >=5%	36.099.622	0	36.099.622	59,18
Harwa Co. Ltd	12.013.730	0	12.013.730	19,70
Nguyễn Thị Ngọc Loan	8.741.829	0	8.741.829	14,33
Nguyễn Cẩm Vân	8.484.851	0	8.484.851	13,91
KIM Vietnam Growth Equity Fund	3.552.145	0	3.552.145	5,82
Nguyễn Hữu Kinh Luân	3.307.067	0	3.307.067	5,42
Cổ đông nước ngoài	20.553.877	0	20.553.877	33,70
Tổ chức	19.369.364	0	19.369.364	31,76
Cá nhân	1.184.513	0	1.184.513	1,94
Cổ phiếu quỹ	71.750	0	71.750	0,12

Danh sách chi tiết cổ đông chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ %
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	8.741.829	0	8.741.829	14,33
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	PCT HĐQT - PTGD	647.887	0	647.887	1,06
Harwa Co., Ltd	Thành viên HĐQT	12.013.730	0	12.013.730	19,70
Mai Đức Tú	TV HĐQT độc lập	3.432	0	3.432	0,01
Nguyễn Bình Trọng	TV HĐQT - Phó TGD	161.066	0	161.066	0,26
Đặng Huy Hiệp	TGD	168.740	0	168.740	0,28
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	674.894	0	674.894	1,11
Nguyễn Hồng Châu	Phó TGD	28.140	0	28.140	0,05
Trương Văn Minh	Phó TGD	23.200	0	23.200	0,04
Võ Thị Tố Ngân	BKS	11.851	0	11.851	0,02
Đặng Thị Thu Trang	BKS	16.638	0	16.638	0,03
Lê Thị Cẩm Tú	BKS	17.503	0	17.503	0,03
Đoàn Thị Mỹ Lệ	KTT	22.610	0	22.610	0,04
Tổng cộng		22.531.520	0	22.531.520	36,96

Thủ lao, chi phí của HĐQT và BKS

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện chi trả thủ lao cho HĐQT, ban lãnh đạo và BKS cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Thủ lao (VNĐ)
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	500.000.000
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó Chủ tịch HĐQT/PTGD	500.000.000
Nakajima Junichi	Thành viên HĐQT	310.000.000
Nguyễn Bình Trọng	Thành viên HĐQT/PTGD	310.000.000
Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT độc lập	310.000.000
Võ Hoàng Võ	Thành viên HĐQT	430.000.000
Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám Đốc	390.000.000
Võ Thị Tố Ngân	BKS	200.000.000
Lê Thị Cẩm Tú	BKS	200.000.000
Đặng Thị Thu Trang	BKS	200.000.000
Hồ Thị Ngọc Tuyết	Thư ký HĐQT	201.115.000
Nguyễn T.K. Hồng Châu	Phó TGD	320.000.000
Trương Văn Minh	Phó TGD	200.000.000
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	200.000.000
Đoàn Thị Mỹ Lệ	Kế toán trưởng	200.000.000
Tổng thủ lao 2020 đã chi		4.591.115.000
Tổng thủ lao được DHCĐ thông qua	= 1,5% * UNST	4.591.115.000
Tổng thủ lao 2020 còn được chi		0



5. Phát triển bền vững

SMC luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động và xây dựng tổ chức trước những thay đổi về kinh tế chính trị trong và ngoài nước, nhằm gia tăng giá trị đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và khách hàng, và đảm bảo mục tiêu phát triển chiến lược của chính doanh nghiệp. Trong đó, Công Ty tập trung vào việc đầu tư phát triển các hoạt động kinh doanh cốt lõi, thực hiện mục tiêu tăng trưởng vững chắc và hoạt động ổn định các hiệu quả trong trung dài hạn, kết hợp với thực hiện các mục tiêu về xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

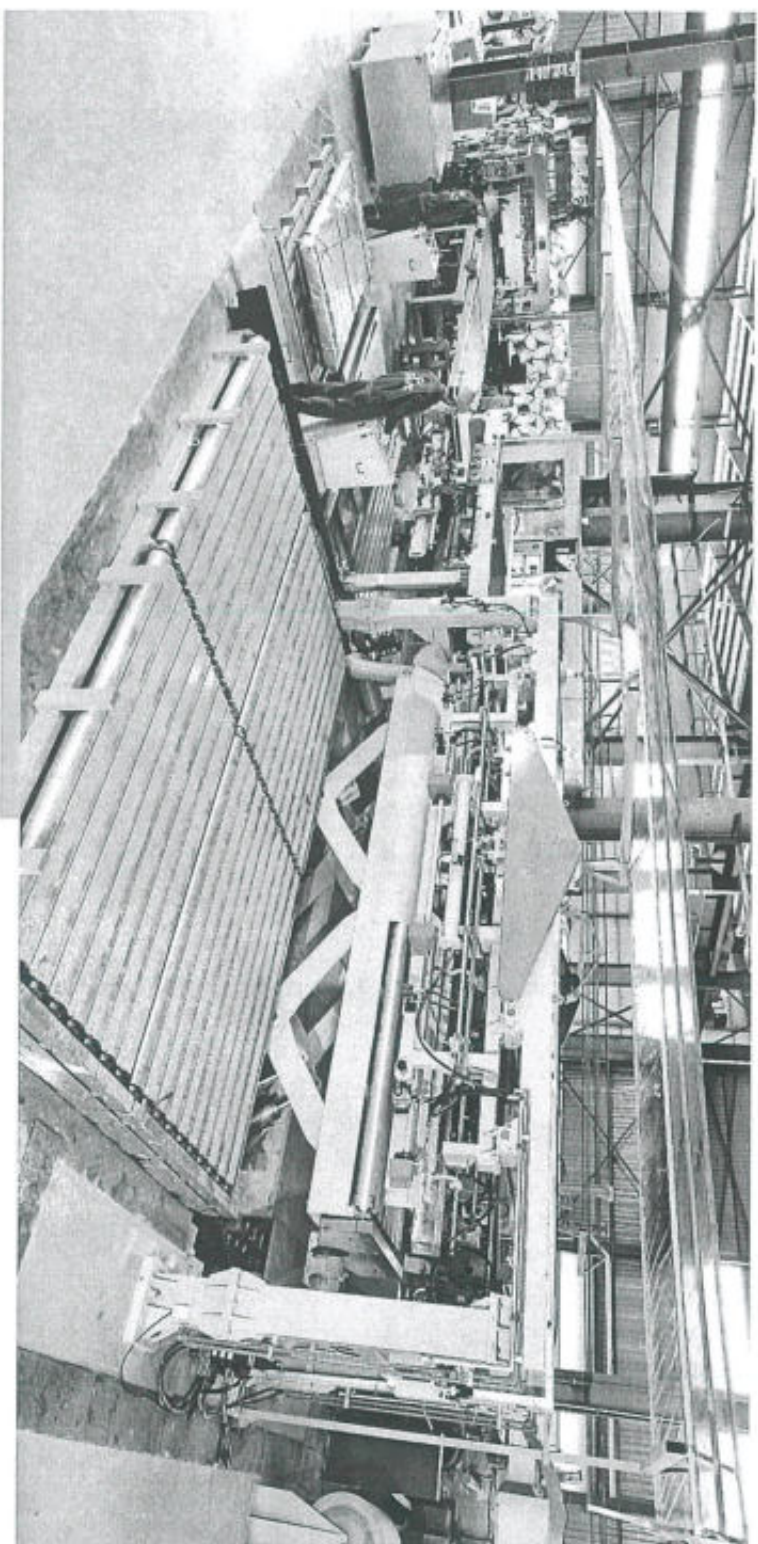
Trải qua một chặng đường dài, SMC đã từng bước phát triển vững mạnh, tài sản trực và định hướng hoạt động hài hòa theo 3 nhóm lĩnh vực chính gồm Thương mại – Gia công – Sản xuất thép, một mặt vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định bền vững của Công Ty, mặt khác vừa đa dạng hóa cơ cấu danh mục sản phẩm cung cấp cho khách hàng và thị trường. Ba khía cạnh của phát triển bền vững là Kinh tế – Xã hội – Môi trường luôn được quan tâm, đảm bảo hài hòa và cân đối xuyên suốt trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động SXKD của toàn hệ thống SMC.

Chia sẻ cùng Xã Hội - Chung tay cùng Cộng Đồng

Trong năm 2020, với tinh thần tương thân tương ái, hệ thống SMC đã thực hiện nhiều chương trình hướng về đồng bào miền Trung, sẵn sàng yêu thương, chia sẻ khó khăn như: vận động CBCNV quyên góp một ngày lương; quyên góp từ quỹ phúc lợi tập thể SMC, quyên góp từ Chủ tịch HĐQT, quyên góp trực tiếp từ các ĐVTY, cử các đoàn công tác nhanh chóng đến tỉnh Thừa Thiên Huế từ ngày 12/11 - 15/11/2020 để kịp thời trao kinh phí (tiền mặt), các nhu yếu phẩm (áo mưa, áo thun, thuốc men, học bổng, hạt giống...) với đồng tâm huyết và vất vả hơn 800 triệu đồng. Ban lãnh đạo SMC và các ĐVTY đã kịp thăm hỏi, tặng quà, động viên, đã trao 30 suất học bổng cho các em học sinh nghèo hiếu học Trường Quốc Học

Huế, hỗ trợ tiền giống cho 81 hộ dân trường Duyệt Trì hư hại hoàn toàn do mưa bão, 19 hộ đặc biệt khó khăn trên địa bàn Huyện Nam Đông. Hỗ trợ hạt giống cho các hộ trồng hoa màu tại 3 hợp tác xã (đại diện 200 hộ tại xã Quảng Thành và 70 hộ tại TT Sịa). Tổng 955 hộ/ 3 HTXSSS đã người dân có thể nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Trong thời gian tới, SMC sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội, công tác từ thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, gắn kết với địa phương, nơi Công Ty có văn phòng, các nhà máy đang hoạt động.



Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Chủ tịch SMC trao tặng từ thiện người dân bị ảnh hưởng lũ lụt miền Trung 2020



Ông Nguyễn Văn Tiến - Chủ tịch Công Đoàn SMC trao quỹ hỗ trợ gia đình CBCNV chịu ảnh hưởng bão lũ miền Trung 2020

Tầng trưởng bền vững - Gia tăng giá trị

SMC tập trung phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, như phát triển thị phần, nâng cao năng suất, vừa khai thác tối thi trường nội địa, vừa tích cực trong hoạt động xuất khẩu, phát triển thị trường mới, và nhất là tăng cường tham gia bên cực hơn và hiệu quả hơn nữa trong lĩnh vực công nghệ chế biến, sản xuất thép để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững và ổn định hiệu quả.

Với định hướng chiến lược tập trung vào giá trị cốt lõi là hoạt động SXKD thép, SMC đã khẳng định được vị thế của mình trong ngành với những thành quả đáng ghi nhận: là doanh nghiệp thép với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành, cơ sở sản lượng tiêu thụ thép ở mức lớn trong nước đạt hơn 1,3 triệu tấn thép; là doanh nghiệp thép nội địa có hệ thống Coil Center lớn và chất lượng ở Việt Nam; hoàn thiện dần chuỗi sản xuất thép



kin từ nguyên liệu thép cán nóng ra thành phẩm mà và đóng thép.

Đổi mới với không ít khó khăn và thử thách trong suốt chặng đường hình thành và phát triển đến nay, SMC vẫn tiếp tục đứng vững, kiên trì đổi mới với chủ trương, duy trì hoạt động SXKD ổn định và ngày càng khẳng định mình trên thương trường, vững bước trên con đường phát triển bền vững mang lại giá trị và lợi ích lâu dài cho cổ đông và đất nước. Với trách nhiệm của một doanh nghiệp đầu tư phát triển của công đồng và xã hội, vì sự tin tưởng của cổ đông, khách hàng, đối tác, các cơ quan đoàn thể, CBCNV, chúng tôi sẽ quyết tâm tiếp tục thực hiện nghiêm túc các định hướng đúng đắn mà Công ty đã và đang thực hiện trong quãng đường hình thành và phát triển.



Bảo vệ Môi trường

Thép là một ngành công nghiệp nặng, trong quá trình sản xuất đã tạo ra một lượng lớn các chất thải gây ô nhiễm môi trường và gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Do đó mỗi doanh nghiệp hoạt động trong ngành cần nâng cao ý thức và có những hành động tích cực nhằm đảm bảo hài hòa giữa làng trường và bảo vệ môi trường. Ý thức được vấn đề đó, SMC luôn đặc biệt quan tâm và nâng cao trách nhiệm đối với môi trường và con người trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của cơ quan quản lý đối với môi trường, lựa chọn và áp dụng công nghệ gia công sản xuất thép hiện đại tiên tiến, sử dụng công nghệ ít tiêu tốn vật tư, nguyên nhiên liệu kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo tối thiểu các tác động đến môi trường. Công ty cũng thường xuyên củng cố và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân viên, và bảo vệ môi trường, để có những cấp nhật, phân công và cách xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh nếu có, góp phần

giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Trong năm qua với sự tư vấn và hỗ trợ của Viện năng suất Việt Nam, sau hơn 10 tháng triển khai và thực hiện, phương pháp 5S đã mang lại những lợi ích cụ thể trong hoạt động SXKD của toàn hệ thống. Cùng với việc tiếp tục duy trì và phát huy phương pháp 5S, SMC sẽ luôn phát huy các sáng kiến và ứng dụng cải tiến cho các hoạt động SXKD trong thời gian tới.

Năm 2020, SMC cũng đã triển khai lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời áp mái, ứng dụng cho các khối văn phòng, nhà xưởng, nhà máy sản xuất của Công ty. Các nhà máy của Công ty đang được đặt ở KCN Phú Mỹ 1, BRVT là nơi có điều kiện lý tưởng cho việc lắp đặt và sử dụng điện năng lượng mặt trời vào hoạt động SXKD. Ứng dụng này đem đến nhiều lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp nói riêng và cho môi trường nói chung, như: giảm thiểu khí thải nhà kính, không gây ô nhiễm nguồn nước, không tạo ra tiếng ồn trong quá trình sản

xuất điện, không có tác động có hại đến môi trường sống và con người xung quanh, góp phần giảm tải tiêu hao điện năng sử dụng từ nhà cung cấp giúp doanh nghiệp giảm bớt chi phí, giúp làm mát hạ nhiệt cho khu vực nhà xưởng văn phòng được lắp đặt, cũng như làm giảm tác động của nhiệt đến hạ tầng nhà xưởng, văn phòng và cơ sở vật chất bên trong.

Các nhà máy gia công chế biến và sản xuất hiện tại của toàn hệ thống đều được đặt trong các KCN quy hoạch hoàn chỉnh dành cho ngành công nghiệp nặng với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, riêng biệt với khu dân cư, ít gây ảnh hưởng tác động đến môi trường sống của dân cư xung quanh trong suốt quá trình từ triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản cho đến khi hoàn thành đi vào vận hành.

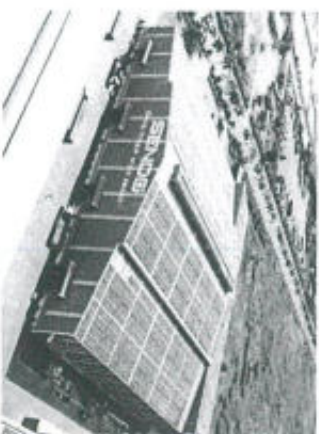
• Về lý lệ tiêu hao nguyên liệu/giá phẩm - SMC luôn đảm bảo quản lý từ chất lượng đầu vào các nguyên vật liệu cho quá trình gia công sản xuất, cũng hệ thống máy móc hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình thực hiện. Các phế liệu chủ yếu từ quá trình gia công sản xuất của SMC là các đầu mối dây thép, cuộn thép, hoặc biên của cuộn thép, xỉ thép, được tập trung thu gom và bán lại cho các nhà máy tái chế nguyên liệu.

• Về nước và khí thải - SMC áp dụng biện pháp xử lý và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và lý hợp đồng xử lý nước thải với các đơn vị chịu trách nhiệm tại các KCN, đảm bảo lượng nước thải ra được xử lý đúng cách và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Đối với khí thải, các hoạt động gia công sản xuất của Công ty không phát sinh ra khói và khí thải độc hại, tuy nhiên

SMC vẫn tăng cường thoáng gió tự nhiên và tăng cường diện tích cây xanh trong môi trường làm việc cho CBCNV.

• Về tiếng ồn và độ rung - chủ yếu phát sinh trong suốt quá trình vận hành máy móc, SMC đã áp dụng các biện pháp để hạn chế tối đa những ảnh hưởng và tiếng ồn và độ rung đến CBCNV làm việc trực tiếp và gần tiếp trong nhà máy như trang bị lớp cao su, lò xo giảm chấn cho máy móc thiết bị gây độ rung, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hệ thống, bố trí máy móc thiết bị chuyên dây chuyền hợp lý để tránh cộng hưởng tiếng ồn, và trang bị dây đai bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở những nơi phát sinh tiếng ồn cao.

• Về tiêu hao điện năng, năng lượng - tất cả các dây chuyền gia công sản xuất đều được nhập mới với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu, vận hành năng suất cao, được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, nên mức tiêu thụ điện năng và nhiên liệu trong suốt quá trình sản xuất gia công đạt hiệu quả khá tốt. Trang quá trình xây dựng nhà xưởng, SMC đã tối đa hóa hệ thống tôn sáng, đảm bảo đầy đủ ánh sáng tự nhiên trong quá trình làm việc, góp phần giảm tối đa tiêu hao điện năng. Toàn hệ thống được vận hành dựa trên công nghệ điều khiển và tự động, với động cơ truyền lực được vận hành bằng công nghệ inverter giúp giảm tiêu hao năng lượng, nhưng vẫn đảm bảo cho năng suất, tốc độ cao, và chất lượng sản phẩm cao nhất cho khách hàng.



Năng lượng xanh - nhà máy LD Ông Thiệp SMC



Thiên nhiên thực hiện phương pháp 5S tại Nhà Máy Thép SMC



CÔNG TY CON



CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Trụ sở chính

Đường 1B - KCN Phú Mỹ 1,
Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ

230 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu

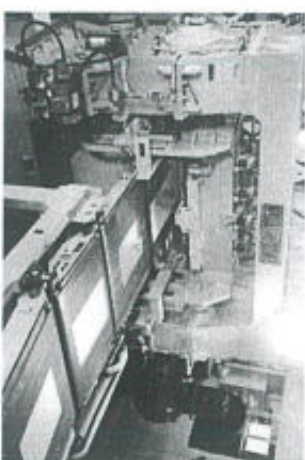
100%

Hoạt động chính

Coil Center - Sản xuất,
gia công xà bằng, cắt chặt tấm các loại
thép lá mạ

Sản phẩm

Thép lá cán nguội, thép lá cán nóng,
đá tây gi, thép lá mạ điện, thép lá mạ
kẽm, thép lá mạ màu, thép không gỉ,
thép hình, thép thép hàn, cốt thép...



CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Trụ sở chính

KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ,
Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ

180 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu

100%

Hoạt động chính

Gia công, xử lý thép cuộn cán nóng,
cán ép, tây ri, sản xuất thép lá mạ kẽm
thép tấm cán nóng, thép tấm cán nguội,
phi quy cách, thép lá cán nguội,
thép lá mạ kẽm

Sản phẩm

Thép lá cán nguội, thép lá cán nóng,
đá tây gi, thép lá mạ điện, thép lá mạ
kẽm, thép lá mạ màu, thép không gỉ,
thép hình, thép thép hàn, cốt thép...



Chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2019	2020	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.654,1	3.511,7	-4,16%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	3.569,7	3.389,1	-5,06%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	94,4	122,7	+30,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	36,3	60,0	+65,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27,7	49,3	+78,0%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.074,9	1.144,0	+6,43%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	414,5	368,7	-11,0%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	260,6	310,6	+19,2%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	244,3	209,2	-14,4%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	835,1	880,7	+5,46%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	480,2	514,5	+7,14%
Vay ngân hàng ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	251,4	305,1	+21,4%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	239,7	263,3	+9,85%
LN gộp / Doanh thu thuần	%	2,58	3,49	+0,91%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,76	1,40	+0,64%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,58	4,31	+1,73%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,56	18,72	+7,16%

Chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2019	2020	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.730,8	5.413,4	+14,4%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	4.625,0	5.192,9	+12,3%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	105,8	220,5	+108,4%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	34,4	129,6	+276,7%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	28,0	108,5	+287,5%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	991,4	1.505,2	+51,8%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	419,2	587,1	+40,0%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	306,0	397,7	+30,0%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	78,6	78,2	-0,51%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	803,4	1.304,8	+62,4%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	341,6	626,1	+83,3%
Vay ngân hàng ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	366,8	586,4	+60,0%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	188,0	200,5	+6,65%
LN gộp / Doanh thu thuần	%	2,24	4,07	+1,83%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,59	2,00	+1,41%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,82	7,21	+4,39%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,89	54,1	+39,2%

CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SMC

Trụ sở chính

Đường số 5, KCN Đông An, P. Bình Hòa,
thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Vốn điều lệ

50 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu

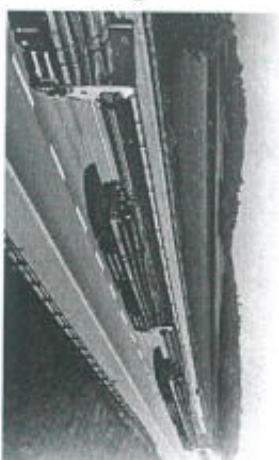
100%

Hoạt động chính

Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Sản phẩm

phần phối thép cho thị trường phía nam
Bê tông cốt thép, sắt thép các loại,
thép hình, thép dẹt, thép gân,
thép tấm lá



CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Trụ sở chính

Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo,
P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP.HCM

Vốn điều lệ

150 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu

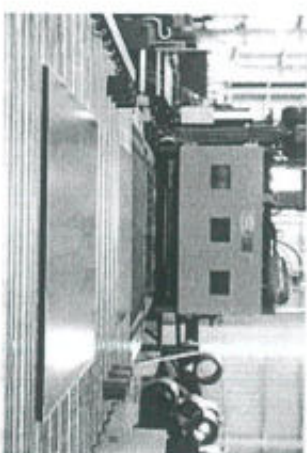
100%

Hoạt động chính

Coil Center - thương mại, sản xuất,
gia công chế biến thép tấm các loại

Sản phẩm

Thép tấm, thép cuộn cán nóng,
thép cuộn cán nguội phi quy cách
(secondary), thép cường độ
chịu lực cao...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2019	2020	Tăng / Giảm %
--------------------	-------------	------	------	---------------

Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.059,1	387,6	-95,2%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	7.939,9	380,6	-95,2%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	59,2	6,94	-88,3%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,3	(7,5)	-
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,0	(5,9)	-
Tổng tài sản	Tỷ đồng	969,8	103,9	-89,3%
Phải thu người mua ngắn hạn	Tỷ đồng	763,4	74,6	-90,2%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	79,1	-	-
Tài sản cố định	Tỷ đồng	0,7	0,6	-14,3%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	917,7	59,8	-93,5%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	907,6	50,9	-94,4%
Vay ngân hàng ngắn & dài hạn	Tỷ đồng	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	52,0	44,1	-15,2%
LN gộp / Doanh thu thuần	%	0,73	1,79	+1,06%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,02	(1,52)	-
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	0,21	(5,7)	-
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,85	(13,3)	-

(*) Trong năm 2020, SMC chuyển lại toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại thép xây dựng tại Công ty TNHH MTV Thương mại SMC và bộ phận kinh doanh thép xây dựng tại Công ty mẹ, do đó có sự chênh lệch đáng kể giữa số liệu ghi nhận trong hai năm 2019-2020.

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2019	2020	Tăng / Giảm %
--------------------	-------------	------	------	---------------

Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.397,6	1.953,5	-18,5%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	2.355,3	1.838,5	-21,9%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	42,2	115,0	+172,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,5	58,0	+3.736%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,1	46,9	-
Tổng tài sản	Tỷ đồng	726,7	575,2	-20,8%
Phải thu người mua ngắn hạn	Tỷ đồng	172,5	147,7	-14,4%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	246,6	146,7	-40,5%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	60,0	53,6	-10,7%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	576,6	392,2	-32,0%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	446,8	133,1	-70,2%
Vay ngân hàng ngắn & dài hạn	Tỷ đồng	122,0	241,3	+97,8%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	150,1	183,0	+22,0%
LN gộp / Doanh thu thuần	%	1,76	5,89	+4,13%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,004	2,40	+2,39%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	0,014	8,15	+8,14%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,07	25,6	+25,5%

CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ÔNG THIỆP SENDO

Trụ sở chính Đường 18 – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Vụ Đại diện 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh

Vốn điều lệ 8.000.000 USD (~176,2 tỷ đồng)

Tỷ lệ SMC sở hữu 75%

Hoạt động chính Sản xuất và gia công sản phẩm ống thép các loại

Sản phẩm Ống thép đen và ống thép mạ kẽm các loại



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2019	2020	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.092,3	2.755,0	+31,7%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	2.007,2	2.632,2	+31,1%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	85,0	122,8	+44,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	34,3	44,6	+30,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	32,0	40,1	+25,3%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	643,6	885,4	+37,6%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	117,7	307,9	+161,6%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	125,1	238,8	+90,9%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	228,8	228,5	-0,13%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	430,6	632,3	+46,8%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	318,3	443,4	+39,3%
Vay ngắn hạn ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	103,5	12,3	-88,1%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	213,0	253,1	+18,8%
LN gộp / Doanh thu thuần	%	4,06	4,46	+0,4%
LNST / Doanh thu thuần	%	1,53	1,46	-0,07%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	4,97	4,53	-0,44%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,02	15,84	+0,82%

CÔNG TY TNHH MTV SMC ĐÀ NẴNG

Trụ sở chính Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ 50 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu 100%

Hoạt động chính Coil Center – thương mại, sản xuất, gia công chế biến thép tấm các loại

Sản phẩm Thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nóng phi quy cách (secondary), thép cường độ chịu lực cao...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	335,4
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	311,4
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	24,0
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,43
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,74
Tổng tài sản	Tỷ đồng	277,1
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	17,9
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	119,5
Tài sản cố định	Tỷ đồng	70,7
Nợ phải trả	Tỷ đồng	220,4
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	131,8
Vay ngắn hạn ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	52,1
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	56,7
LN gộp / Doanh thu thuần	%	7,16
LNST / Doanh thu thuần	%	2,00
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,43
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,9

(*) Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 3-2020 trên thông cơ sở lập so sánh.

CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT:

CÔNG TY TNHH HANWA SMC STEEL SERVICE HÀ NỘI

Trụ sở chính Lô số 47, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội

Vốn điều lệ 64,37 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu 35%

Hoạt động chính Coil Center - sản xuất gia công chế biến thép tấm là mạ, phôi phôi thương mại sắt thép các loại cho thị trường miền Bắc

Sản phẩm Thép là mạ, thép cán nguội, thép không gỉ...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2019	2020	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	865,4	717,2	-17,1%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	818,1	661,8	-19,1%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	47,3	55,4	+17,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,8	20,9	+77,1%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,2	16,9	+106,1%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	319,7	375,6	+17,5%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	106,3	135,2	+27,3%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	130,1	168,9	+29,8%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	41,7	34,6	-17,0%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	187,6	226,6	+20,8%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	61,1	106,4	+74,1%
Vay ngắn hạn ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	122,5	109,3	-10,8%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	132,1	149,0	+12,8%
LN gộp / Doanh thu thuần	%	5,47	7,72	+2,2%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,95	2,36	+1,4%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,56	4,50	+1,9%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,21	11,34	+5,1%

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SMC - TOAMI

Trụ sở chính Đường 18 – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

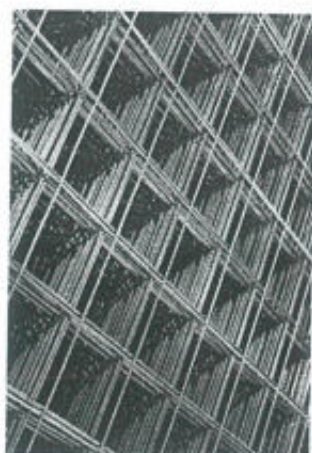
Vị đại diện 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM

Vốn điều lệ 3.000.000 USD (65,22 tỷ đồng)

Tỷ lệ SMC sở hữu 25%

Hoạt động chính Sản xuất và gia công các sản phẩm lưới thép hàn

Sản phẩm Lưới thép hàn



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2019	2020	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	59,3	53,6	-9,6%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	68,9	59,8	-13,2%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	-9,6	-6,1	-
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-19,2	-16,5	-
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-19,2	-16,5	-
Tổng tài sản	Tỷ đồng	82,9	64,2	-22,6%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	2,1	2,3	+9,5%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	22,7	12,6	-44,5%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	49,2	43,8	+2,1%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	64,9	62,8	-3,2%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	22,4	21,9	-2,2%
Vay ngắn hạn ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	39,0	38,9	-0,3%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	18,0	1,5	-91,7%
LN gộp / Doanh thu thuần	%	-16,19	-11,4	-
LNST / Doanh thu thuần	%	-32,38	-30,8	-
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	-23,16	-25,7	-
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-106,67	-1,100	-

CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT



CÔNG TY LIÊN DOANH SMC - SUMMIT

Trụ sở chính

Đường 1B - KCN Phú Mỹ 1,
huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

VP Đại diện

396 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, TP HCM

Vốn điều lệ

4.000.000 USD (83.286 tỷ đồng)

Tỷ lệ SMC sở hữu

50%

Hoạt động chính

Kinh doanh phân phối các sản phẩm
sắt thép đặc biệt, chất lượng cao

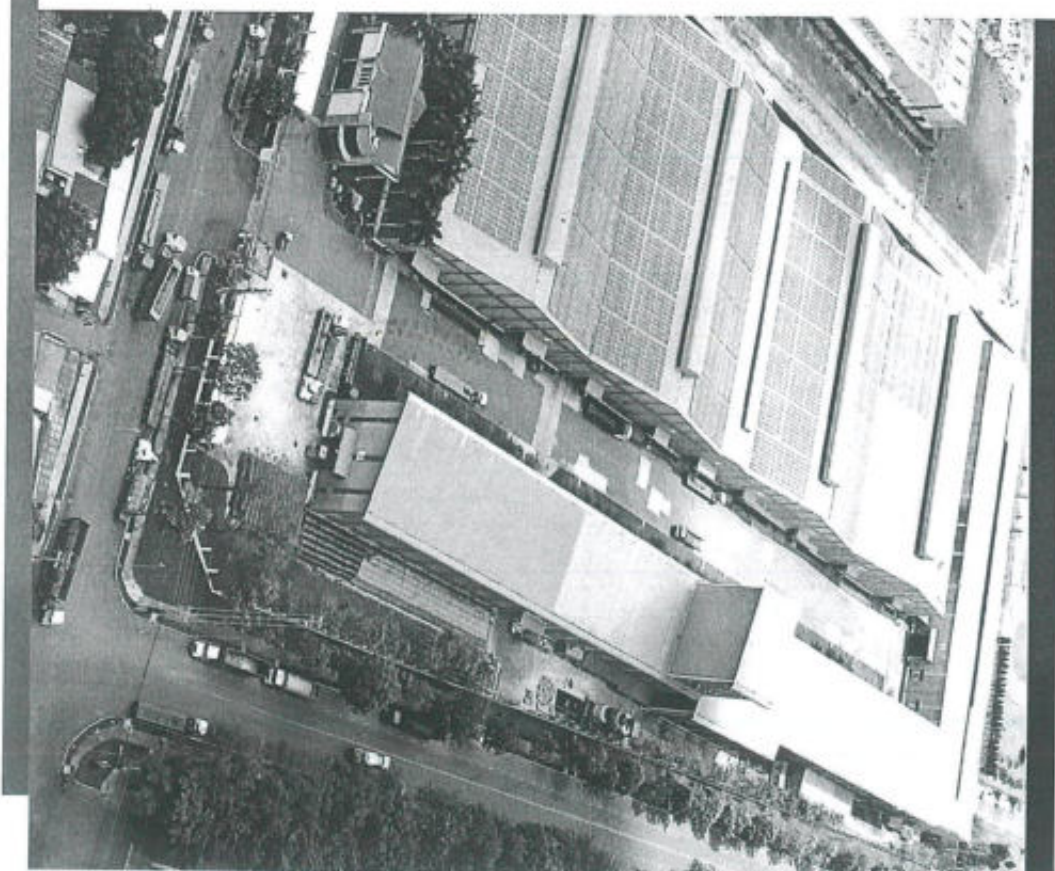
Sản phẩm

Thép coilper, thép dập uốn
theo khuôn hình...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2019	2020	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.755,2	1.993,8	+13,6%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.720,7	1.936,0	+12,5%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	34,6	57,8	+67,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9,8	14,3	+45,9%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,4	12,2	+64,9%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	457,4	430,0	-6,0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	403,3	377,5	-6,4%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	42,1	21,6	-48,7%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	1,4	1,0	-28,6%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	338,5	302,7	-10,6%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	60,2	26,1	-56,6%
Vay ngắn hạn ngân hàng và dài hạn	Tỷ đồng	271,1	265,4	-2,1%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	118,8	127,4	+7,2%
LN gộp / Doanh thu thuần	%	1,97	2,90	+0,93%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,42	0,61	+0,19%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	1,62	2,84	+1,22%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,23	9,58	+3,35%

Hình lòng xanh Nhà máy Cơ Khí Thép SMC





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Đã Được Kiểm Toán



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thành lập:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0903522206 ngày 03 tháng 09 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBĐCK-GPNN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: SMC Trading Investment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: SMC J.S.C

Mã chứng khoán: SMC

Địa chỉ kinh doanh: Sân xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

Trụ sở chính: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY CON

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có bảy (07) công ty con, cụ thể như sau:

Công ty TNHH Thương SMC được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500801878 ngày 26 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 21 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ là 230.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp 230.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH Thương SMC.

Trụ sở hoạt động: Đường 18, Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty TNHH MTV Thương mại SMC (trước đây là Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701117241 ngày 10 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 03 tháng 3 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp 50.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH MTV Thương mại SMC.

Trụ sở hoạt động: Đường số 5, Khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	81 - 84
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	86
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	88 - 91
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	92
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	93 - 94
6. BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	95 - 146

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thiệp SMC được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500974084 ngày 26 tháng 7 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 180.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp 180.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thiệp SMC.

Tư sở hoạt động: Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104010805 ngày 03 tháng 7 năm 2009 và thay đổi lần đầu vào ngày 06 tháng 3 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp 30.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước.

Tư sở hoạt động: Lô CSA Khu C, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401921255 ngày 04 tháng 9 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp 50.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng.

Tư sở hoạt động: Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.

Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312090619 ngày 18 tháng 12 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ là 150.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp 150.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo.

Tư sở hoạt động: Lô 33 đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH Liên doanh Ông thiệp Sendo hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000274 cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2015 và thay đổi lần thứ 3 ngày 06 tháng 5 năm 2019 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 5 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502280821 ngày 11 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ là 176.201.485.313 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 75%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp 132.201.485.313 VND đạt tỷ lệ 75% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH Liên doanh Ông thiệp Sendo.

Tư sở hoạt động: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Tập đoàn được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Bình Trọng	Thành viên
Ông Nakajima Junichi	Thành viên
Ông Võ Hoàng Võ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/9/2020)
Ban Kiểm soát	
Bà Võ Thị Tô Ngân	Thành viên
Bà Đặng Thị Thu Trang	Thành viên
Bà Lê Thị Cẩm Tú	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	
Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lâm	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm ngày 02/01/2021)
Bà Đoàn Thị Mỹ Lệ	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 02/01/2021)
Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan đã ủy quyền cho Ông Đặng Huy Hiệp ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy ủy quyền số 09/UO-SMC ngày 02 tháng 01 năm 2020.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tru. HCM (gọi tắt là "KSC") được chỉ định là Kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày.

Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. XÁC NHẬN

Theo ý kiến Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) - Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn - Website: www.aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: AOS20155-HN/AISC-DMS

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót tương yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có căn cứ đáng tin cậy hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và trình hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2021

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐOÀN ĐỐC KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN



NGUYỄN VĂN TUYẾN
Số Giấy CNDK/HMT: 0211-2020-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐỖ THỊ HẰNG
Số Giấy CNDK/HMT: 4226-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
		Mã số		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.183.353.090.185	596.391.443.759
1. Tiền	111		456.353.090.185	386.391.443.759
2. Các khoản tương đương tiền	112		727.000.000.000	210.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		557.363.131.616	274.460.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn				
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	1.349.095.524.835	1.320.104.259.346
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	287.028.881.608	78.690.721.271
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	151.067.647.591	43.928.669.612
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3a	(56.441.693.256)	(12.726.472.951)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho				
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.803.930.918.481	1.204.021.025.446
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.805.003.494.596)	(1.221.649.234.976)
V. Tài sản ngắn hạn khác				
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	2.797.810.886	4.213.778.132
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		238.227.833.344	310.018.199.011
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17b	99.512.885	472.805.253
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.204.763.847.408	1.256.734.856.857
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	20.891.137.042	108.965.298.040
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	-	459.346.506
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-

TÀI SẢN

Thuyết minh

Mã số

31/12/2020

01/01/2020

5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	350.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5a	7.260.902.550	5.737.412.437
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.3, 4, 5b	(20.891.137.042)	(109.589.546.633)
II. Tài sản cố định				
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	796.609.062.761	794.933.628.263
- Nguyên giá	222		1.020.252.564.579	944.644.326.339
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(507.607.075.006)	(440.142.822.735)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	145.128.223.689	142.028.276.798
- Nguyên giá	225		191.873.398.751	166.208.694.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(46.745.175.062)	(24.180.417.690)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	138.835.350.099	138.403.847.861
- Nguyên giá	228		143.973.409.108	142.400.909.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.138.059.009)	(13.997.061.247)
III. Bất động sản đầu tư				
- Nguyên giá	231	V.11	7.930.602.581	55.345.690.451
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.080.842.650)	56.132.696.814
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		(1.150.240.069)	(787.006.363)
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		8.700.892.233	74.622.466.511
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	8.700.892.233	74.622.466.511
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		116.097.130.148	110.145.146.115
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		146.514.570.344	146.514.570.344
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.806.170.344)	(61.176.570.344)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		33.000.000.000	45.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác				
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	107.456.917.135	95.427.415.167
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	87.427.900.644	83.814.205.875
3. Thuế bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		20.029.016.491	11.613.209.292
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.721.246.505.583	5.076.309.345.236

TÀI SẢN

Thuyết minh

Mã số

31/12/2020

01/01/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN

Mã số
mình

31/12/2020

01/01/2020

C. NỢ PHẢI TRẢ	300	5.136.955.762.978	3.743.401.990.716
I. Nợ ngắn hạn	310	5.083.293.962.337	3.672.004.006.342
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V154 2.025.976.832.234	1.511.846.746.123
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V16 186.452.733.559	22.113.489.708
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V17a 31.008.582.200	25.770.524.096
4. Phải trả người lao động	314	-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V18 86.333.296.503	22.049.545.946
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V21a 10.213.769.856	5.111.002.485
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V19 130.688.001.374	479.631.442
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V20a 2.609.053.119.861	2.080.822.275.042
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quy định thường, phúc lợi	322	-	-
13. Quy định ăn giá	323	3.567.626.750	3.870.791.500
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	53.661.800.641	71.337.984.374
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn khác	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V21b 630.961.806	1.133.771.665
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V20b 48.727.724.818	70.204.212.709
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	4.303.114.017	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-

NGUỒN VỐN

Mã số
mình

31/12/2020

01/01/2020

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.584.290.742.605	1.332.907.355.020
I. Vốn chủ sở hữu	410	V22 1.584.290.742.605	1.332.907.355.020
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	609.946.910.000	609.946.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	609.946.910.000	609.946.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	253.132.567.160	253.132.567.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	682.710.000	682.710.000
5. Cổ phiếu quỹ	415	(717.500.000)	(473.500.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quy định tự phát triển	418	384.510.005.831	310.481.035.706
9. Quy định trợ cấp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	273.499.879.041	105.927.807.451
- LNST chưa phân phối lợi kế đến cuối kỳ trước	421a	10.051.082.299	473.500.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	263.448.796.748	105.454.307.451
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	63.236.170.573	53.209.824.703
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	6.721.246.505.583	5.076.309.345.736

Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Văn Thị Xuân Swong

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1	V.1	15.743.517.791.335	16.844.453.922.186
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.1.1		8.560.229.922	8.447.525.886
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.1.1	V.1.1	15.734.957.561.413	16.836.006.396.300
4. Giá vốn hàng bán	11	V.2		14.915.982.600.479	16.345.950.492.277
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			818.974.960.934	490.045.904.023
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.3		67.669.310.470	103.750.940.823
7. Chi phí tài chính	22	V.4		116.906.277.916	166.831.404.479
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			135.205.717.586	153.178.537.698
8. Phần lãi (hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24			7.808.978.615	(287.731.375)
9. Chi phí bán hàng	25	V.5A		197.436.219.519	160.475.832.984
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.5B		211.257.402.121	125.400.764.337
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30			368.853.350.463	140.801.111.671
12. Thu nhập khác	31	V.6		20.879.138.741	12.665.695.382
13. Chi phí khác	32	V.7		22.788.782.395	7.350.196.853
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			(1.909.643.654)	5.315.498.529
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			366.943.706.809	146.116.610.200
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.9		54.955.709.997	49.679.390.176
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(4.112.693.182)	(3.375.854.704)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60			316.100.689.994	99.813.074.728
Cổ đông của Công ty mẹ	61			306.074.344.124	91.824.455.144
Cổ đông không kiểm soát	62			10.026.345.870	7.988.619.584
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10		5.020	1.483
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.11		5.020	1.483

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2021

(Chữ ký)

(Chữ ký)

Vân Thị Xuân Sương

Nguyễn Văn Lâm

Đông Huy Hiệp

92 Báo cáo thường niên 2020

Báo thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Năm 2020	Năm 2019
1. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01			366.943.706.809	146.116.610.200
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-11		96.327.679.227	90.625.647.312
- Các khoản dự phòng	03	V.12, 5b		(15.560.813.110)	4.853.374.510
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			(1.080.126.961)	(528.223.239)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(44.911.977.148)	(87.832.876.362)
- Chi phí lãi vay	06	V.14		135.205.717.586	153.178.537.698
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thay đổi vốn lưu động	08			536.944.186.403	306.413.070.119
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải thu	09			(279.988.447.194)	274.780.279.713
- Tăng (+), giảm (-) hàng tồn kho	10			(583.354.259.620)	214.382.940.794
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu, nhập phải nộp)	11			959.135.979.978	(139.765.773.577)
- Tăng (+), giảm (-) chi phí trả trước	12			(2.137.727.523)	(18.558.388.806)
- Tăng (+), giảm (-) chứng khoán kinh doanh	13			-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14			(134.207.238.438)	(139.664.430.060)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17		(49.665.637.573)	(31.595.775.088)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			(2.240.531.576)	(2.907.574.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			444.686.324.457	463.081.348.340
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21			(55.791.412.078)	(76.823.051.815)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22			1.087.418.182	1.526.079.662
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(521.764.117.917)	(45.310.000.000)
4. Tiền thu từ cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			251.210.986.301	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU

Mã số
Thuyết
minh

Năm 2020

Năm 2019

5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(35.532.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	39.309.705.651
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.155.800.027	20.083.770.409
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(291.101.325.485)	(46.745.496.092)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	9.725.858.779.866	10.442.996.754.412
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.215.322.040.562)	(10.378.476.903.908)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(18.697.023.484)	(16.765.592.995)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(58.932.942.200)	(57.968.425.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	432.906.773.620	(10.214.167.991)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			
(50 = 20+ 30 + 40)	50	586.491.772.592	406.124.604.256
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	596.391.443.759	190.346.116.691
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	469.873.834	(79.357.188)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	1.183.353.090.185	596.391.443.759

Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Van Thi Xuan Suong

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm



Đặng Huy Hiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc thay đổi vốn đầu lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNV do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Trụ sở chính: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kem inox, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cầu liên nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lắp dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất:

Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2020:

920 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2019: 789 nhân viên)

7. Cấu trúc Tập đoàn

7.1. Tổng số các Công ty con

Tập đoàn có bảy (07) công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tải ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có bảy (07) công ty con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thiệp SMC và dịch vụ	Sản xuất, thương mại, xây dựng	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Đường 18, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.				
Công ty TNHH MTV Thương mại SMC	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Đường số 5, Khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.				
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thiệp SMC	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.				
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Lô CSA Khu C, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.				
Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Đường số 2, KCN Hòa Cầm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.				
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Lô 33 Đường Trưng Trắc, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.				
Công ty TNHH Liên doanh Ông thiệp SENDO	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75,00%	75,00%	75,00%
Trụ sở hoạt động: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.				

7.3. Danh sách các công ty liên kết, liên doanh được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có ba (03) công ty liên kết, liên doanh, cụ thể như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH SMC - Summit	50%	50%	50%
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	35%	35%	35%
Công ty TNHH SMC - Toami	25%	25%	25%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi số kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Tập đoàn áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo Tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tt)

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.

Tất cả các số dữ liệu các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản công được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá ghi nhận đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần dần trong thời gian hữu ích được ước tính từ đa không quá 10 năm. Định kỳ, Tập đoàn đánh giá lại tồn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tồn thất lớn hơn số phần bổ hàng năm thì phần bổ theo số lợi thế thương mại bị tồn thất ngay trong năm phát sinh.

2. Các loại từ ngữ hời đỏi áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2020.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chương Khoản kinh doanh

Chương khoản kinh doanh bao gồm cả nhiều năm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chương khoản có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chương khoản kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tồn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Tập đoàn đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi số. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng đầu tư theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phân ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (HT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị sản: Đông Việt Nam

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Bảo cảo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Bảo cảo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Tập đoàn đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá ghi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Tập đoàn nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu

Đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu, Tập đoàn chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư không phân ánh vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Tập đoàn và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu được đầy đủ quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không thu được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì làm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (+) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**7.1. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau khi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyển giao và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tồn đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3 Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

7.4 Phương pháp khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Mỏ xưởng, vật kiến trúc</i>	04 - 25 năm
<i>Máy móc, thiết bị</i>	06 - 12 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	06 - 10 năm
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	03 - 08 năm
<i>Chương trình phần mềm</i>	03 - 24 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản cố định trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn và pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: Khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Tập đoàn không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tập đoàn đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Tập đoàn thực hiện hoàn nhập tổn đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Cơ sở hạ tầng 25 năm

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tập đoàn bao gồm chi phí bảo hiểm chờ phân bổ, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê kho, chi phí thuê đất đã phát sinh nhưng có liên quan đến quá hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (theo gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tập đoàn ghi nhận nợ một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính (tt)

Các khoản nợ thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê với điều kiện giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng thế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập dựa vào chi phí trong năm dựa theo hợp đồng, lao động và quy chế tiền lương của Tập đoàn. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp công được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong năm và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay, chi phí vận chuyển... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận và các bằng chứng đính kèm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán trong trường hợp Công ty đã giao hàng hóa cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phiếu: phần ảnh hưởng chênh lệch tăng giảm giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Tương tự mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngày lại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phiếu của cổ phiếu mua lại.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tt)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trong yếu tố của các kỳ trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

18. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phiếu".

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng, và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tăng hoặc giảm các khoản thuế, toàn khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tt)

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phân tích trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Doanh thu bán bất động sản

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà Tập đoàn là chủ đầu tư: doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện: 1. Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua; 2. Doanh nghiệp đã chuyển giao nở ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua; 3. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản; 4. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 5. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; 5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Tương hợp Tập đoàn có hợp đồng hoàn thiện môi trường bất động sản riêng với khách hàng, trong đó quy định rõ yêu cầu của khách hàng về thiết kế, kỹ thuật, mẫu mã, hình thức hoàn thiện nội thất bất động sản và biên bản bàn giao phân xây thô cho khách hàng, doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phân xây thô cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ gửi hũ dài hạn; lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có đồng được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Tập đoàn trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Tập đoàn không phân ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản thuế phải nộp ngắn hạn nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chính sách giữa số thuế phải nộp theo số sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi phần Quý khien thường và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi sự giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu, ưu đãi cổ quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210/09" của Bộ Tài chính), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

26. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có nơi nó và lợi ích kinh tế khác biệt khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có nơi nó và lợi ích kinh tế khác biệt các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng/Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng (tt)	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH SMC - Summit	10.570.123.466	-	31.154.633.828	-
Công ty TNHH SMC - Toami	40.770.400	-	40.726.400	-
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	307.291.112	-	3.831.605.234	-
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	555.475.836	-	1.376.491.702	-
Cộng	62.901.739.872	-	36.403.457.164	-
4. Trả trước cho người bán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngân hạn	287.028.881.608	-	78.690.721.271	-
Nhà cung cấp trong nước	267.468.769.695	-	77.644.340.999	-
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	-	-	18.199.138.370	-
Chi nhánh Công ty TNHH Thiệp Hòa Phát Hưng Yên tại Bình Dương	189.779.240.957	-	-	-
Công ty Cổ phần QH Plus	-	-	35.065.755.483	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Đồng Nam A	47.699.998.500	-	-	-
Các đối tượng khác	29.989.530.238	-	24.379.447.146	-
Nhà cung cấp nước ngoài (845,480.39 USD)	19.560.111.913	-	1.046.380.272	-
Posco International Corporation	6.026.978.377	-	-	-
Wuxi Chuangfu Machinery Manufacturing Co., Ltd	4.673.733.210	-	-	-
Các đối tượng khác	8.859.400.326	-	1.046.380.272	-
b. Dài hạn	-	-	459.346.506	(459.346.506)
Các đối tượng khác	-	-	459.346.506	(459.346.506)
Cộng	287.028.881.608	-	79.150.067.777	(459.346.506)



5. Phải thu khác	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngân hạn	151.087.647.591	-	43.978.669.612	-
Dự thu lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	9.711.622.758	-	6.101.022.890	-
Phải thu từ khoản giảm giá được hưởng	-	-	13.647.429.290	-
Thuế GTGT được hoàn (*)	117.255.980.948	-	-	-
Các khoản tạm ứng	754.319.500	-	719.640.000	-
Kỳ quỹ kỳ trước ngân hạn	2.446.340.000	-	3.945.581.304	-
Phải thu khác	20.919.384.385	-	19.514.996.128	-
Cộng	303.518.922.182	-	79.658.310.824	-
(*) Giá trị để nghị hoàn thuế GTGT cho thời kỳ từ tháng 04/2016 đến tháng 9/2019 căn cứ vào giấy đề nghị hoàn thuế số 01 ngày 19/02/2020 và số trên 102.856.599.932 VND và Quyết định hoàn thuế số 529/QĐ-CT ngày 20/02/2021 cho thời kỳ từ tháng 10/2019 đến tháng 09/2020 và số trên 14.399.581.016 VND.				
b. Dài hạn	-	-	5.737.412.437	(164.902.087)
Kỳ quỹ thuế tài chính	-	-	1.218.510.350	-
Lãi chậm thanh toán	-	-	164.902.087	(164.902.087)
Các khoản kỳ quỹ khác	-	-	4.354.000.000	-
Cộng	-	-	49.666.082.049	(164.902.087)
6. Nợ xấu (Xem trang 141, 142).	-	-	-	-
7. Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	622.159.923.697	-	546.128.369.570	(1.198.813.769)
Công cụ, dụng cụ	28.999.398.686	-	11.441.570.189	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	-	-	1.061.585.020	-
Thành phẩm	511.653.582.786	(1.072.576.115)	344.538.381.573	(10.960.293.878)
Hàng hoá	642.190.589.427	-	318.479.328.624	(5.469.101.883)
Cộng	1.805.003.494.596	(1.072.576.115)	1.221.649.234.976	(17.628.209.530)

- Giá trị hàng tồn kho kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là: không có.
 - Giá trị hàng tồn kho được đề nghị chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay phải trả tại thời điểm cuối năm: xem thuyết minh số "V.20- Vay và nợ thuế tài chính".
 - Lý do dẫn đến việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do thành phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình: (Xem trang 143)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	161.087.842.669	5.120.851.819	166.208.694.488
Tăng trong năm	25.664.704.263	-	25.664.704.263
Số dư cuối năm	186.752.546.932	5.120.851.819	191.873.398.751

Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	23.255.819.445	924.598.245	24.180.417.690
Khoản hao trong năm	21.711.282.069	853.475.303	22.564.757.372
Số dư cuối năm	44.967.101.514	1.778.073.548	46.745.175.062

Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	137.832.023.224	4.196.253.574	142.028.276.798
Số dư cuối năm	141.785.445.418	3.342.778.271	145.128.223.689

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	134.276.829.767	8.124.079.341	142.400.909.108
Mua trong năm	-	1.447.500.000	1.447.500.000
Đầu tư XDCTB hoàn thành	-	125.000.000	125.000.000
Số dư cuối năm	134.276.829.767	9.696.579.341	143.973.409.108

Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	3.997.061.247	3.997.061.247
Khoản hao trong năm	-	1.140.997.762	1.140.997.762
Số dư cuối năm	-	5.138.059.009	5.138.059.009

Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	134.276.829.767	4.127.018.094	138.403.847.861
Số dư cuối năm	134.276.829.767	4.558.520.332	138.835.350.099

114 BÁO CÁO THƯƠNG MẠI 2020

10. Tài sản cố định vô hình (tt)

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 134.276.829.767 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 437.433.816 VND

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Khoản mục	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (**)	Cơ sở hạ tầng (*)	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.051.854.164	9.080.842.650	56.132.696.814
Giảm trong năm	(47.051.854.164)	-	(47.051.854.164)
Số dư cuối năm	-	9.080.842.650	9.080.842.650

Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	787.006.363	787.006.363
Khoản hao trong năm	-	363.233.706	363.233.706
Số dư cuối năm	-	1.150.240.069	1.150.240.069

Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	47.051.854.164	8.293.836.287	55.345.690.451
Số dư cuối năm	-	7.930.602.581	7.930.602.581

(*) Đây là không gian kinh doanh thương mại tầng 2- Dự án Linh Tây Tower, diện tích 616,2 m², hiện tại đang cho Công ty TNHH Dịch vụ Thu hút nư Thiên Hà thuê. Bất động sản đầu tư này chỉ được xác định theo giá trị hợp lý (**). Là chi phí mua nhà và đất tọa lạc tại thửa đất số 191, tờ khai bản đồ số 11, số 73 Hoàng Văn Thụ, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 21/3/2018. Trong năm, tài sản này đã được chuyển nhượng cho Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Mua sắm tài sản cố định	365.207.495	35.389.407.300
Chi phí xây dựng nhà xưởng, Shu	5.500.000.000	5.500.000.000
Chi phí xây dựng nhà xưởng và văn phòng SMC Đà Nẵng	-	32.010.887.570
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	2.835.624.738	1.722.171.641
Cộng	8.700.832.233	74.622.466.511

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam



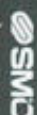
13. Chi phí trả trước	31/12/2020	01/01/2020
a. Ngân hạn	2.737.810.896	4.213.778.132
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	104.351.506	199.476.946
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.133.778.826	2.165.370.075
Chi phí chờ phân bổ khác	1.499.680.554	1.848.931.111
b. Dài hạn	87.427.900.644	83.814.205.875
Chi phí thuế đất trả trước chờ phân bổ (*)	77.117.021.434	80.540.219.928
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.566.522.701	1.918.006.275
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.085.578.675	480.979.672
Chi phí chờ phân bổ khác	3.658.777.834	875.000.000
Cộng	90.165.711.530	88.027.984.007
(*) Bao gồm	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí thuế đất tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương	1.486.356.526	1.546.611.187
Quyền sử dụng đất tại dự án Linh Tây, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	1.032.837.230	1.054.890.585
Chi phí thuế đất tại Lô 33- đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo mở rộng, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	42.452.964.323	43.868.063.134
Chi phí thuế đất tại đường số 2, Khu công nghiệp Hòa Cầm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	25.805.608.333	27.731.400.000
Chi phí thuế đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	1.325.382.977	1.325.382.977
Chi phí thuế đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1 (5 ha) tại Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	5.013.872.045	5.013.872.045
Cộng	77.117.021.434	80.540.219.928

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2020	01/01/2020		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:				
Chi phí dự phòng phải thu quá đời	13.151.846.455	4.570.327.725		
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.156.000.000	1.820.000.000		
Chi phí dự phòng hàng tồn kho	2.109.390.411	2.865.061.135		
Chi phí khấu hao	2.338.340.432	2.029.245.432		
Chi phí thuế nhà xưởng	249.771.888	279.326.675		
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn tại công ty liên kết Toanri chưa ghi nhận thu nhập	-	79.529.912		
Lãi chênh lệch tỷ giá do dân ỹ giá lại	23.667.305	19.718.413		
Cộng	20.029.016.491	11.613.209.292		
15. Phải trả người bán	31/12/2020	01/01/2020		
a. Ngân hạn	2.025.976.832.234	2.025.976.832.234	1.511.846.746.123	1.511.846.746.123
Nhà cung cấp trong nước	1.420.837.967.934	1.420.837.967.934	960.825.824.306	960.825.824.306
Công ty TNHH TM & SX Thép Việt	44.594.574.691	44.594.574.691	132.825.653.952	132.825.653.952
Công ty TNHH Thép VINAKYCEI	640.573.177.581	640.573.177.581	232.211.975.659	232.211.975.659
Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam	166.141.026.036	166.141.026.036	153.433.429.773	153.433.429.773
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	75.460.545.411	75.460.545.411	58.066.937.979	58.066.937.979
Phải trả các bên liên quan	396.596.236.117	396.596.236.117	188.956.573.369	188.956.573.369
Các đối tượng khác	97.472.408.098	97.472.408.098	195.331.253.574	195.331.253.574
Nhà cung cấp nước ngoài (26,077,752,44 USD)	605.138.864.300	605.138.864.300	551.020.921.817	551.020.921.817
Cargill International Trading Pte., Ltd	210.615.596.818	210.615.596.818	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cáo nhậm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam



15. Phải trả người bán (tt)	31/12/2020	01/01/2020		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
China Steel Global Trading Corporation	9.808.632.015	9.808.632.015	113.566.110.291	113.566.110.291
Kwan Tak International (Singapore) Pte., Ltd.	57.832.100.645	57.832.100.645	-	-
Poosco International Corporation	121.012.059.762	121.012.059.762	-	-
Hyundai Corporation	21.507.067.377	21.507.067.377	87.124.359.168	87.124.359.168
Hangzhou Cogeneration (Hongkong) Company Limited	-	-	75.786.440.161	75.786.440.161
Korea Zinc Company Ltd., Onsan Complex	57.632.806.957	57.632.806.957	-	-
Các nhà cung cấp khác	126.730.600.726	126.730.600.726	274.544.012.197	274.544.012.197
CỘNG	2.025.976.832.234	2.025.976.832.234	1.511.846.746.123	1.511.846.746.123

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty TNHH SMC Toanli	-	-	3.048.114	3.048.114
Công ty TNHH SMC - Summit	57.163.311.835	57.163.311.835	-	-
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	339.432.924.282	339.432.924.282	188.953.525.255	188.953.525.255
CỘNG	396.596.236.117	396.596.236.117	188.956.573.369	188.956.573.369

16. Người mua trả tiền trước	31/12/2020	01/01/2020
Ngân hàng	186.452.733.559	22.113.489.708
Khách hàng trong nước	159.886.846.195	16.916.641.401
Công ty TNHH Thành Lợi	44.630.688.300	-
Công ty TNHH Dầu tư Thương mại Tháp Sài Gòn	15.840.122.140	-

16. Người mua trả tiền trước (tt)	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thép Thăng Lợi	13.186.525.830	-
Công ty Cổ phần Thép Việt - Thành Long An	13.000.000.000	-
Công ty TNHH DHP Việt Nam	14.831.709.723	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kỹ thuật Công nghệ 2T	-	5.044.386.338
Các đối tượng khác	58.397.800.202	11.872.255.043
Khách hàng nước ngoài (1.152.581,37 USD)	26.565.887.364	5.196.648.307
Mareco PTE. Ltd	7.310.323.831	-
Istl Steel Co., Ltd.	9.329.175.000	-
Sang Loah And Sok Cheng	901.303.970	3.692.338.530
Các khách hàng khác	9.025.084.563	1.504.509.777
CỘNG	186.452.733.559	22.113.489.708

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	13.937.145.224	13.937.145.224	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.123.127.462	54.614.986.829	49.665.637.573	30.072.476.718
Thuế thu nhập cá nhân	647.396.634	4.977.203.897	4.716.514.530	908.086.001
Thuế nhập khẩu	-	2.198.159.815	2.198.159.815	-
Các loại thuế khác	-	327.912.037	299.892.556	28.019.481
CỘNG	25.770.524.096	223.939.120.834	218.701.062.730	31.008.582.200

BẢN THUẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam



	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng để nghỉ hoãn	28.987.259	-	-	28.987.259
Thuế nhập khẩu nộp thừa	98.839.149	-	-	-
Thuế TNDN nộp thừa	340.723.168	-	-	-
Thuế TNCN nộp thừa	4.315.677	214.437.168	280.647.117	70.525.626
Cộng	472.865.233	653.999.485	280.647.117	99.512.885

	31/12/2020	01/01/2020
18. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí lãi vay, thuế tài chính còn phải trả	4.902.749.068	7.153.172.692
Chi phí vận chuyển phải trả	6.300.000.000	2.200.341.950
Chi phí lương, thưởng còn phải trả	58.730.439.105	10.236.999.500
Chi phí phải trả khác	16.400.108.330	2.459.031.804
Cộng	86.333.296.503	22.049.545.946
19. Phải trả khác	31/12/2020	01/01/2020
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	247.590.000	45.233.000
Phải trả L/C Upar- Ngân hàng TMCP Phương Đông	130.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	440.411.374	434.398.442
Cộng	130.688.001.374	479.631.442

	31/12/2020	01/01/2020
20. Vay và nợ thuế tài chính	31/12/2020	01/01/2020
a. Vay ngắn hạn	2.609.053.119.861	2.609.053.119.861
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	383.404.949.928	372.128.376.484
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.412.171.232.809	1.177.992.277.046
(3) Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	197.386.612.950	98.479.259.765
(4) Ngân hàng TNHH CTGB Ngân hàng TMCP Phương Đông	115.009.602.769	94.451.354.156
(5) Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	232.809.064.269	67.258.771.206
(6) Ngân hàng Sinopac	45.891.132.375	46.000.000.000
(7) Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam	89.752.014.494	100.000.000.000
(8) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	92.623.805.461	-
(9) - Vay cá nhân	1.290.000.000	5.010.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	38.714.704.806	39.502.236.385
b. Vay dài hạn	7.631.285.760	15.108.383.390
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	-	10.542.125.502
(10) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7.631.285.760	4.566.257.888
c. Nợ thuế tài chính dài hạn	41.096.439.058	55.095.829.319
(11) - Nợ thuế tài chính	41.096.439.058	55.095.829.319
Cộng	2.657.780.844.679	2.657.780.844.679

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị nội: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ thuê tài chính (tt)

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

a. Vay ngắn hạn

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 0077/19228/N-CTD ngày 24/9/2019 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 0077/19228/N-CTD-S002 ngày 24/9/2020 với tổng hạn mức là 450 tỷ đồng. Thời hạn của mỗi khoản vay từ đa 04 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền góp vốn vào Công ty TNHH SMC Công ty TNHH SMC-Summit, Công ty TNHH SMC Toarri, Công ty TNHH Liên doanh Ông Hiệp Senso, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị của Công ty TNHH Thiệp SMC và số dư hợp đồng tiền gửi và hợp đồng cầm cố số dư hợp đồng tiền gửi. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020: 299.729.329.968 VND.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 1209/TBN-KDN/20NH ngày 08/10/2020 với hạn mức là 150 tỷ đồng. Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản phải thu và hàng tồn kho luân chuyển, quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, và theo các hợp đồng tín dụng cho vay từng lần với tổng hạn mức là 75 tỷ. Thời hạn của mỗi khoản vay từ đa 02 tháng kể từ ngày giải ngân. Các khoản vay này được đảm bảo bằng số dư hợp đồng tiền gửi và hợp đồng cầm cố số dư hợp đồng tiền gửi. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là: 643.887.677.489 VND.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 2C.3230110/2020-HĐCVHM/NHCT900- ĐTTMSMC ngày 15/01/2020 với tổng hạn mức là 1000 tỷ đồng, thời hạn vay đến đến ngày 14/01/2021. Thời hạn của mỗi khoản vay từ đa 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản phải thu và hàng tồn kho luân chuyển, quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, và theo các hợp đồng tín dụng cho vay từng lần với tổng hạn mức là 75 tỷ. Thời hạn của mỗi khoản vay từ đa 02 tháng kể từ ngày giải ngân. Các khoản vay này được đảm bảo bằng số dư hợp đồng tiền gửi và hợp đồng cầm cố số dư hợp đồng tiền gửi. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là: 31/12/2020 là 284.432.600.324 VND.

Hợp đồng tín dụng số 19.323004S/2019-HĐCVHM/NHCT900-CSSMC ngày 01/8/2019 và Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 25/11/2020. Thời hạn của vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng đối với vay thông thường hoặc 06 tháng đối với cho vay thanh toán L/C UPMS. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là thế chấp hàng hóa luân chuyển và quyền đòi nợ luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, cam kết trả nợ thay của Công ty Cổ phần Dầu từ Thương mại SMC và nhà xưởng hiện hữu của bên vay tại KCN Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 274.041.461.705 VND.

Hợp đồng vay hạn mức số 20.9520049/2020-HĐCVHM/NHCT900-SMCCANANG ngày 30/7/2020 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là 04 chiếc. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, công trình trên đất, máy móc thiết bị tại đường số 2, KCN Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng, cam kết trả nợ của Công ty Cổ phần Dầu từ Thương mại SMC và các khoản phải thu, hàng tồn kho. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là: 52.140.000.000 VND.

Hợp đồng vay hạn mức số 20.381005Z/2020-HĐCVHM/NHCT900-SMCTANTAO ngày 15/6/2020 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị thế chấp là 21.798.000.000 VND và hoàn tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 157.669.499.291 VND.

20. Vay và nợ thuê tài chính (tt)

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (theo hợp đồng cấp tín dụng số 01/2020/HĐTD-CK SMC ngày 10/6/2020. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng đối với vay thông thường hoặc 06 tháng đối với cho vay thanh toán L/C UPMS. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tiền gửi có kỳ hạn trên tài khoản tại MSB thuộc quyền sở hữu của Công ty và/hoặc Công ty Cổ phần Dầu từ Thương mại SMC và/hoặc Công ty TNHH Thiệp SMC và bảo lãnh của Công ty Cổ phần Dầu từ Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 197.386.612.950 VND.

(4) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC theo hợp đồng tín dụng số STVN1460-18 ngày 03/01/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 19/01/2020. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng đối với vay. Lãi suất vay là theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: được bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Dầu từ Thương mại SMC và Công ty TNHH Thiệp SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 135.009.602.769 VND.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LAV19031096/1401 ngày 12/12/2019 với hạn mức là 200 tỷ đồng và theo hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số 20011217/1401 ngày 18/12/2020 với hạn mức là 200 tỷ. Thời hạn của mỗi khoản vay từ đa 04 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi do Eximbank phát hành và hàng hóa hình thành từ vốn vay do ngân hàng tài trợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 232.809.004.269 VND (trong đó bao gồm số dư nợ vay 1420.000 USD tương đương 32.936.900.000 VND).

(6) Khoản vay Ngân hàng SINOPEC - CN TP. HCM theo hợp đồng tín dụng số 181002-S0851 ngày 21/5/2019 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngân hạn số 181002-S0852 ngày 18/6/2020 với hạn mức là 2.000.000,00 USD. Thời hạn của mỗi khoản vay không vượt quá 120 ngày kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi do Sinopec phát hành. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 45.891.132.375 VND.

(7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Dầu từ & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thông Nhất theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2020/94681/HĐTD ngày 30/12/2020 với hạn mức là 300 tỷ đồng. Thời hạn của mỗi khoản vay từ đa 04 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay do ngân hàng tài trợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 89.752.014.494 VND.

(8) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) - Chi nhánh TP. HCM theo hợp đồng tín dụng số 11/2019/HĐHM/VPSBANK/SMC ngày 12/9/2019 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 409/2020/HĐHM/CIB ngày 13/11/2020 với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền đòi nợ luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển. Thời hạn vay từ đa 04 tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 92.623.805.461 VND.

(9) Khoản vay cá nhân theo các hợp đồng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay là 6%. Tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của mỗi tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 1.290.000.000 VND.

b. Vay dài hạn

(10) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM theo các hợp đồng tín dụng số 12.238003Z/2017-HĐTD/DA/NHCT900-THEPSMC ngày 13/02/2017 và sửa đổi bổ sung S0085/NHCT900-THEPSMC với tổng hạn mức là 77.749.000.000 VND. Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để tài trợ cho dự án đầu tư xây dựng phân xưởng chế biến Tây-Êp-Ma tại KCN Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tài sản đảm bảo bao gồm: nhà máy phân xưởng chế biến Tây-Êp-Ma thép, máy móc thiết bị của nhà máy phân xưởng chế biến Tây-Êp-Ma thép, công trình phụ trợ phân xưởng chế biến Tây-Êp-Ma thép, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê nhà xưởng giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cơ khí Thiệp SMC ngày 01/10/2016, quyền sử dụng đất thuê tại KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Lãi suất vay từ ngày 31/12/2020 là 8,8%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 13.731.285.760 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 6.100.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị đo: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ thuê tài chính (tt)

C. Nợ thuê tài chính

(11) Nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm các hợp đồng thuê sau:

Hợp đồng thuê tài chính số B180903401 ngày 06/9/2018 với Công ty TNHH MTV Quốc tế Challenge. Tài sản thuê là 6 ô tô tải hiệu HINO 2 ô tô tải (có cabin cầu hiệu HINO. Lãi suất thuê 6,74%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2020 là 1.860.547.100 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 485.464.464 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số C200339102 ngày 17/7/2020 với Công ty TNHH MTV Quốc tế Challenge. Tài sản thuê là dây chuyền xử lý thép cuộn. Lãi suất thuê là 7,7%/năm. Thời hạn thuê 60 tháng. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2020 là 7.331.122.000 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 2.773.282.500 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 82.18.03/CTTC ngày 24/4/2018 với Công ty Cho thuê Tài Chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN HCM. Tài sản thuê là dây chuyền xử lý thép cuộn số S-1300-032. Lãi suất thuê là 2,61%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2020 là 304.493.000 USD, tương đương 7.062.715.135 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 107.472.000 USD tương đương 2.492.813.040 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 73.17.06/CTTC ngày 10/5/2017 và phụ lục hợp đồng 73.17.06/UTNK ký ngày 17/4/2018 với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Tài sản thuê là dây chuyền máy cán nguội với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất tại thời điểm thuê 3,45%/năm và thay đổi theo thông báo của Công ty Cho thuê Tài chính, giá mua lại 22.000.000 VND. Lãi suất tại ngày 31/12/2020 là 2,6%/năm và được bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại SMC. Số dư tại ngày 31/12/2020 là 643.772.00 USD tương đương 14.945.166.990 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 249.216.000 USD tương đương 5.785.549.440 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 82.18.01/CTTC ngày 05/02/2018 với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Tài sản thuê là dây chuyền mạ kẽm với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất tại thời điểm thuê 4,0%/năm và thay đổi theo thông báo của Công ty Cho thuê Tài chính, giá mua lại 15.000.000 VND. Lãi suất tại ngày 31/12/2020 là 2,6%/năm và được bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại SMC. Số dư tại ngày 31/12/2020 là 643.772.00 USD tương đương 14.945.166.990 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 249.216.000 USD tương đương 5.785.549.440 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số C190201102 và phụ lục 01 ngày 19/02/2019 và Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc tế Challenge. Tài sản thuê là Dây chuyền sản xuất ống thép hàn. Lãi suất thuê là 8,05%/năm. Thời hạn thuê: 43 tháng. Giá trị mua lại tài sản thuê sau khi đáo hạn là 143.414.040 đồng/loại bỏ sản phẩm. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2020 là 3.058.393.420 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.660.900.908 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số C200210302 ngày 14/02/2020 và phụ lục 01 ngày 14/02/2020, tài sản thuê là Dây chuyền sản xuất ống thép hàn. Lãi suất thuê là 8,61%/năm. Thời hạn thuê: 36 tháng. Giá trị mua lại tài sản thuê sau khi đáo hạn là 321.662.890 VND/loại bỏ sản phẩm. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2020 là 9.292.483.200 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 4.288.838.400 VND.

21. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020	01/01/2020
a. Ngân hàng	10.213.769.856	5.111.602.485
Doanh thu chưa thực hiện từ việc bán hàng hóa	10.213.769.856	5.111.602.485
b. Đại hạn	630.961.806	1.133.771.665
Doanh thu chưa thực hiện từ việc cho thuê tài sản	630.961.806	1.133.771.665
Cộng	10.844.731.662	6.244.774.150

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: (Xem trang 145).

	31/12/2020	01/01/2020
b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	63.236.170.573	53.209.824.703
Các thành viên góp vốn thuộc Công ty TNHH Liên doanh Ông Thiệp SENDO	63.236.170.573	53.209.824.703
Cộng	63.236.170.573	53.209.824.703

c. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31/12/2020	01/01/2020
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.994.691	60.994.691
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(71.750)	(47.350)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(71.)	(47.350)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.922.941	60.947.341
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.922.941	60.947.341
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Phân chi
a. Tài sản nhận giữ hộ:				
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ	1.381.163	Kg	Thép cuộn các loại	Bán thường
Giá công nhận ủy thác				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam



23. Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán (tt)

b. Ngoại tệ các loại	31/12/2020		01/01/2020	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Ngoại tệ USD	3.172.574,14	73.075.356.385	4.223.102,72	97.601.548.017
Cộng	3.172.574	73.075.356.385	4.223.103	97.601.548.017
c. Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị (VND)	Giá trị (VND)		
Các khoản nợ khó đòi đã xử lý (*)	95.444.172.738	7.095.763.147		
Cộng	95.444.172.738	7.095.763.147		

(*) Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ theo To trình Ban Tổng Giám đốc ngày 04/5/2020, Quyết định của Ban Tổng Giám đốc số 193/CD-SMC ngày 05/5/2020 và Biên bản của Hội đồng xử lý nợ số 194/BB-SMC ngày 05/5/2020, và việc đề nghị xóa số các khoản công nợ phải thu khách hàng và trả trước người bán dài hạn để theo dõi ngoại bảng các khoản công nợ này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm 2020		Năm 2019	
1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ				
a. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm	15.618.878.206.549	16.795.076.106.564		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.538.559.059	35.027.330.958		
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	603.834.932	692.467.860		
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	46.766.545.455	-		
Doanh thu khác	10.730.645.340	13.658.016.804		
Cộng doanh thu	15.743.517.791.335	16.844.453.922.186		
Các khoản giảm trừ doanh thu				
Hàng bán bị trả lại	(1.717.478.929)	(1.659.652.470)		
Chiết khấu thương mại	(1.230.644.252)	(1.769.355.748)		
Giảm giá hàng bán	(5.612.106.741)	(5.018.517.668)		
Cộng doanh thu thuần	15.734.957.561.413	16.836.006.396.300		

	Năm 2020		Năm 2019	
1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (tt)				
b. Doanh thu các bên liên quan				
Công ty TNHH SMC Summit	399.112.928.166	571.376.788.598		
Công ty TNHH MTV SMC Toanli	1.739.666.230	985.450.836		
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	10.158.231.486	7.280.024.861		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	46.766.545.455	-		
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	50.647.143.966	80.051.599.702		
Hanwa Co., Ltd	1.437.426.624	-		
Cộng	509.861.941.927	659.693.863.997		

	Năm 2020		Năm 2019	
2. Giá vốn hàng bán				
Giá vốn hàng hoá, dịch vụ đã bán	14.884.745.053.370	16.344.095.866.668		
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	363.233.706	363.233.706		
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	47.429.946.818	-		
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(16.555.633.415)	1.501.391.903		
Cộng	14.915.982.600.479	16.345.960.492.277		
3. Doanh thu hoạt động tài chính				
Lãi tiền gửi ngân hàng	34.188.035.915	19.257.570.394		
Lãi kỳ quỹ, lãi cho vay	35.319.265	296.200.000		
Lãi chuyển nhượng vốn	-	66.488.026.306		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.586.994.583	265.000.000		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.620.333.147	10.642.657.167		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.060.126.961	528.223.239		
Chiết khấu thanh toán được hưởng	3.500.259.491	3.151.656.652		
Lãi bán chứng khoán	621.695.854	1.987.027.521		
Doanh thu tài chính khác	56.545.254	1.134.579.544		
Cộng	67.669.310.470	103.750.940.823		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Triệu Đồng Việt Nam

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	135.205.717,586	153.178.537,698
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(42.370.400,000)	(719.200,000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.645.261,469	3.233.427,564
Chi phí tài chính khác	12.425.698,861	11.138.639,197
Cộng	116.906.277,916	166.831.404,479

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên	26.827.844,362	26.643.655,315
Chi phí đồ dùng văn phòng	669.874,483	155.407,908
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.560.000,549	5.502.544,417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.990.301,614	119.401.504,266
Chi phí vận chuyển	128.782.426,059	91.776.744,302
Chi phí khác	29.207.875,595	27.624.759,964
Chi phí bằng tiền khác	6.388.198,511	8.772.721,078
Cộng	197.436.219,519	160.475.832,984

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	93.925.794,268	49.898.546,432
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	2.209.888,606	1.098.646,385
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.758.972,426	10.274.529,343
Thuế, phí, lệ phí	22.060,000	150.084,290
Dự phòng (hoàn nhập) phải thu khó đòi	43.365.220,305	5.096.446,246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.714.108,659	30.570.842,574
+ Chi phí thuê đất, thuê văn phòng	4.409.445,114	5.012.475,226
+ Chi phí dịch vụ bảo vệ	3.021.941,935	2.653.943,540

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tt)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
+ Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.695.800,297	231.530,500
+ Phí bảo lãnh thanh toán	1.766.061,922	846.733,928
+ Phí LC	1.894.567,215	1.565.477,144
+ Chi phí khác	23.426.352,176	20.260.682,236
Chi phí bằng tiền khác	23.761.357,857	28.311.669,067
Cộng	211.257.402.121	125.400.754.337

6. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định	813.044,715	1.526.079,662
Thu nhập do được hoàn thuế	-	3.224.595,946
Thu nhập từ nhận bồi thường, chậm thanh toán, lãi quá hạn	10.148.126,548	4.301.264,443
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản thuế tài chính	5.408.344,971	991.274,040
Các khoản khác	4.509.622,507	2.622.481,291
Cộng	20.879.138,741	12.665.695,382

7. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí phạt, bồi thường	5.695.105,177	1.731.731,732
Chi phí khấu hao tài sản thuế tài chính cho thuê	3.833.957,834	3.275.728,667
Chi phí dự phòng thuế TNDN phải nộp bổ sung của năm 2019 và năm 2020 do thanh tra, quyết toán	11.200.000,000	-
Các khoản khác	2.059.719,384	2.342.736,454
Cộng	22.788.782,395	7.350.196,853

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.601.531.858,973	3.524.009.067,089
Chi phí nhân công	211.510.723,468	142.346.093,227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.327.679,227	90.625.647,312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	429.244.757,041	333.286.355,179
Chi phí khác bằng tiền	55.530.501,611	31.259.504,588
Cộng	3.394.145.520,320	4.121.526.667,395

9. Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh tại các công ty		
Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại SMC	4.129.091,080	27.582.004,092
Công ty TNHH Tiếp SMC	10.274.039,441	9.195.629,060
Công ty TNHH MTV Thương mại SMC	455.677,807	1.232.113,727
Công ty TNHH MTV Cơ khí Tiếp SMC	21.125.239,107	6.555.134,661
Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng	1.690.831,542	-
Công ty TNHH MTV SMC Hà Nội (từ ngày 01/01/2019 đến 31/7/2019)	-	1.141.870,059
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	13.637.557,699	659.276,832
Công ty TNHH Liên doanh Ông thép Sendo	3.643.273,321	3.313.361,745
Cộng	54.955.709,997	49.679.390,176

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	316.100.689,994	99.813.074,728
Trong đó:		
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	10.026.345,870	7.988.619,584
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	306.074.344,124	91.824.455,144
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.377.366,827)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.377.366,827)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông Công ty mẹ	306.074.344,124	90.447.088,317
Cổ phiếu phổ thông đang ưu hành bình quân trong năm	60.972,898	60.974,306
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.020	1.483

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	306.074.344,124	90.447.088,317
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	306.074.344,124	90.447.088,317
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.972,898	60.974,306
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	60.972,898	60.974,306
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.020	1.483

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: đơn vị: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Bản Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, các khoản vay và nợ phải trả khác.

Các phần tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phần tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phần tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phương pháp tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền, các khoản cho vay và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau:

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Năm 2020		
VND	+200	(13.470.972.377)
VND	-200	13.470.972.377
USD	+200	(4.210.320.080)
USD	-200	4.210.320.080
Năm 2019		
VND	+100	(12.505.380.635)
VND	-100	12.505.380.635
USD	+100	157.130.195
USD	-100	(157.130.195)

Mục: tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Năm 2020	+1%	(7.059.805.105)
	-1%	7.059.805.105
Năm 2019	+1%	(3.073.040.128)
	-1%	3.073.040.128

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Rủi ro thị trường (tt)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình hình khác nhau về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết và cổ phiếu đang kỳ giao dịch trên sàn Upcom của Tập đoàn là 1.277.708.400.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 85.338.000.000 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 12.770.840.000 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10%, lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 12.770.840.000 VND.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Quá hạn bị suy giảm	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
>181 ngày	125.451.176.316	
Tổng cộng giá trị ghi số	125.451.176.316	
Dự phòng giảm giá trị	(77.332.830.298)	
Giá trị thuần	48.118.346.018	

Quá hạn bị suy giảm

Ngày 31 tháng 12 năm 2019				
>181 ngày	131.094.837.511			
Tổng cộng giá trị ghi số	131.094.837.511			
Dự phòng giảm giá trị	(122.316.019.584)			
Giá trị thuần	8.778.817.927			

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Từ 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	2.609.053.119.861	48.727.724.818	-	2.657.780.844.679
Phải trả người bán	2.025.976.832.234	-	-	2.025.976.832.234
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	216.773.707.877	-	-	216.773.707.877
Cộng	4.851.803.659.972	48.727.724.818	-	4.900.531.384.790
Ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Các khoản vay và nợ	2.080.822.275.042	70.204.212.709	-	2.151.026.487.751
Phải trả người bán	1.511.846.746.123	-	-	1.511.846.746.123
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	22.483.944.388	-	-	22.483.944.388
Cộng	3.615.152.965.553	70.204.212.709	-	3.685.357.178.262

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản (tt)

Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tài trợ với các bên cho vay hiện tại:

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng một phần tài sản cố định, quyền sử dụng đất, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng, hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 20- Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

VIII. TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: (Xem trang 145)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính ngắn hạn, đáng kỳ giao dịch trên thị trường UpCom được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa nắm giữ nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2020	Năm 2019
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	9.735.856.779.866	10.442.996.754.412
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2020	Năm 2019
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	9.215.322.040.562	10.378.476.903.908

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Sau ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Liên quan đến thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") đang làm cơ sở để xác định số thuế TNDN phải nộp của một công ty con của Tập đoàn cho các năm tài chính 2019 và năm 2020. Tập đoàn đã gửi các văn bản số 42/CK/2020 ngày 29/12/2020 và văn bản số 43/CK/2020 ngày 02/01/2021 đến Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để hỏi về chính sách ưu đãi thuế liên quan đến việc đầu tư thành lập cơ sở kinh doanh mới trong Khu Công nghiệp, Theo đó, Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã gửi văn bản số 427/CT-TTKT3 ngày 18/01/2021 đến Tổng Cục Thuế để xin ý kiến cụ thể về việc xác định thuế suất thuế TNDN để làm cơ sở áp dụng cho Công ty con này cho các năm tài chính 2019 và năm 2020. Đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này, Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Tập đoàn đều chưa nhận được văn bản phản hồi từ Tổng Cục Thuế về văn bản nêu trên. Hiện tại, Tập đoàn đã thực hiện việc trích trước khoản dự phòng thuế TNDN phải nộp bổ sung của công ty con này (do chênh lệch về việc xác định thuế suất thuế TNDN là 15% hoặc 20%) cho các năm tài chính 2019 và năm tài chính 2020 số tiền là 11,2 tỷ đồng vào Báo cáo tài chính hợp nhất này. Tập đoàn sẽ tiến hành điều chỉnh khoản chênh lệch này (nếu có) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc gần nhất sau khi nhận được phản hồi từ Tổng Cục Thuế về vấn đề nêu trên.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu/(phải trả)
Công ty TNHH SMC Summit	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	1.082.722.400	-
		Mua hàng hóa	(51.966.647.120)	(57.163.311.835)
		Bán hàng hóa	1.294.938.230	40.770.400
Công ty TNHH SMC Tosmi	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	(67.844.264)	-
		Mượn/cấp nợ/vay	(3.135.133.950)	-
		Cung cấp dịch vụ	444.728.000	-
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	6.715.618.940	307.291.112
		Cung cấp dịch vụ	3.442.612.546	-
		Bán hàng hóa	48.952.864.066	555.475.836
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	Công nhà đầu tư	Cung cấp dịch vụ	1.694.279.900	-
		Chiết khấu thanh toán	1.333.226.903	-
		Mua hàng hóa	(871.745.225.140)	(339.432.924.282)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tt)

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu/(phải trả)
Hanwa Co.,Ltd	Cung nhà đầu tư	Bán hàng hóa	1.437.426.624	-
		Mua hàng hóa	(170.155.564)	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	Doanh thu khác	46.766.545.455	51.428.079.058
+ Thu nhập của Ban điều hành				
			Năm 2020	Năm 2019
Ban điều hành			10.793.501.597	5.872.845.559
Cộng			10.793.501.597	5.872.845.559

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: (Xem trang 146).

5. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày lại làm thay đổi lại suy giảm trên cơ sở năm 2019 do trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 nên trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019 Số đã trình bày	Năm 2019 Số trình bày lại	Chênh lệch
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Khoản mục "Lãi suy giảm trên cổ phiếu"	Mã số 71	1.506	1.483	(23)
Khoản mục "Lãi suy giảm trên cổ phiếu"	Mã số 71	1.506	1.483	(23)

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Tập đoàn vẫn tiếp tục hoạt động tương lai.

Tp HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Van Thi Xuan Strong

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Huy Hiệp



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn	557.363.131.616	557.363.131.616	274.460.000.000	274.460.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng (*)	557.363.131.616	557.363.131.616	274.460.000.000	274.460.000.000
b. Dài hạn	33.000.000.000	33.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn	33.000.000.000	33.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	590.363.131.616	590.363.131.616	319.460.000.000	319.460.000.000

(*) Một phần các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đang dùng để cầm cố thế chấp tại các ngân hàng. Xem thuyết minh V.20.

2.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết, liên doanh	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết, liên doanh	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	103.015.255.066	13.081.875.082	116.097.130.148	103.015.255.066	7.129.891.049	110.145.146.115
Công ty TNHH SMC- Summit (**)	41.640.000.000	22.035.931.422	63.675.931.422	41.640.000.000	17.769.555.099	59.409.555.099
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	45.440.755.066	6.617.914.673	52.058.669.739	45.440.755.066	796.111.043	46.236.866.109
Công ty TNHH SMC Toami (**)	15.934.500.000	(15.571.971.013)	362.528.987	15.934.500.000	(11.435.775.092)	4.498.724.908

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tt)

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết, liên doanh	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết, liên doanh	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	146.514.570.344	(18.806.170.344)	127.708.400.000	146.514.570.344	(61.176.570.344)	85.338.000.000
<i>Chứng khoán đã niêm yết</i>						
Công ty Cổ phần Thép Pomina	32.882.570.344	(6.092.170.344)	26.790.400.000	32.882.570.344	(21.962.570.344)	10.920.000.000
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (NKG)	89.532.000.000	-	89.532.000.000	89.532.000.000	(26.742.000.000)	62.790.000.000
<i>Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCoM</i>						
Tổng Công ty Thép Việt Nam (TVN)	10.100.000.000	(1.934.000.000)	8.166.000.000	10.100.000.000	(3.372.000.000)	6.728.000.000
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (TNS)	14.000.000.000	(10.780.000.000)	3.220.000.000	14.000.000.000	(9.100.000.000)	4.900.000.000
Cộng	249.529.825.410	(5.724.295.262)	243.805.530.148	249.529.825.410	(54.046.679.295)	195.483.146.115

(**) Quyền góp vốn vào các công ty này đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn: Xem thuyết minh V.20.

Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của các khoản đầu tư dài hạn đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày khóa sổ theo giá trị trường có giá trị tham chiếu đáng tin cậy. Đối với giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa đại chúng, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định trình bày giá trị hợp lý bằng giá trị ghi sổ dựa theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V6. Nợ xấu

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	125.451.176.316	48.118.346.018		131.094.837.511	8.778.817.927	
Công ty TNHH MTV VLXD CII E & C	4.567.073.055	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)	5.267.073.055	2.683.536.528	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 đến 2 năm
Công ty Cổ phần BÊ TÔNG 6	11.603.913.165	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)	11.603.913.165	5.801.956.583	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 đến 2 năm
Công ty TNHH Thép Bảo Tiến	704.556.569	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)	814.556.569	-	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 đến 2 năm
Công ty TNHH Xây dựng Number One	-	-		4.841.709.230	-	
Metalworld Trading Pte Ltd	-	-	Các khoản phải thu dự phòng (100%)	7.567.453.431	-	Các khoản phải thu dự phòng (100%)
Công ty TNHH Metacor Việt Nam	-	-		16.582.542.363	-	
Các đối tượng khác	1.939.595.318	-		1.552.696.000	-	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại SPC	-	-		6.367.855.501	-	
Công ty TNHH Kim Long Tấn	-	-		10.983.479.323	-	
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	16.731.432.764	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm khó có khả năng thu hồi	16.731.432.764	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm khó có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Bê tông Khổng Gian	-	-		8.891.559.997	-	
Các đối tượng khác	6.450.364.956	-		39.303.916.475	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V6. Nợ xấu (tt)	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc	23.058.123.986	11.529.061.993	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	-	Không quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	32.338.291.885	22.636.804.315	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 1 năm	-	-	Không quá hạn
Công ty Cổ phần Quốc tế Vạn Thắng	27.194.524.719	13.597.262.359	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 1 năm	-	-	Không quá hạn
Các đối tượng khác	863.299.899	355.217.351	Khoản phải thu quá hạn từ 1-3 năm	586.649.638	293.324.817	Khoản phải thu quá hạn từ 1-3 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	320.828.993.043	492.419.935.144	110.604.487.967	20.790.910.185	944.644.326.339
Mua trong năm	44.825.202.684	23.878.652.958	7.673.615.898	1.621.241.684	77.998.713.224
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.681.475.140	23.327.718.132	791.909.091	-	25.801.102.363
Chuyển sang thuê tài chính	-	(14.657.038.424)	-	-	(14.657.038.424)
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.838.228.393)	(2.600.029.469)	-	(12.438.257.862)
Số dư cuối năm	367.335.670.867	514.842.674.190	116.360.832.041	21.713.387.481	1.020.252.564.579
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	107.985.316.701	242.331.573.846	70.714.282.544	19.111.649.644	440.142.822.735
Khấu hao trong năm	16.790.740.575	45.510.289.271	8.982.294.378	975.366.163	72.258.690.387
Thanh lý, nhượng bán	-	(876.070.987)	(2.822.085.468)	-	(3.698.156.455)
Giảm khác	-	(288.365.227)	(109.151.446)	(698.764.388)	(1.096.281.061)
Số dư cuối năm	124.776.057.276	286.677.426.903	76.765.340.008	19.388.251.419	507.607.075.606
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	212.843.676.342	250.088.361.298	39.890.205.423	1.679.260.541	504.501.503.604
Số dư cuối năm	242.559.613.591	228.165.247.287	39.595.492.033	2.325.136.062	512.645.488.973

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 145.696.925.544 VND.

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã đúng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 210.056.168.094 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019								
Số dư tại ngày 01/01/2019	549.963.610.000	251.181.967.160	29.656.300.000	-	255.835.082.077	162.714.673.059	45.221.205.120	1.294.592.827.416
Tăng vốn	50.963.310.000	-	-	-	-	159.963.310.000	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	91.824.455.144	-	91.824.455.144
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	(473.500.000)	-	473.500.000	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018	-	-	-	-	-	(2.575.121.608)	-	(2.575.121.608)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2018	-	-	-	-	72.300.111.451	(72.300.111.451)	-	-
Thủ lao HECF và San kiểm soát	-	-	-	-	-	(690.000.000)	-	(690.000.000)
Chưa cổ tức năm 2018	-	-	-	-	-	(27.485.130.000)	-	(27.485.130.000)
Chưa cổ tức năm 2019	-	-	-	-	-	(30.483.295.500)	-	(30.483.295.500)
Tăng/giảm do thoái vốn	-	1.950.600.000	(28.973.990.000)	-	(17.655.157.822)	44.678.147.822	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	7.988.619.583	7.988.619.583
Giảm khác	-	-	-	-	-	(285.000.015)	-	(285.000.015)
Số dư tại ngày 31/12/2019	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(473.500.000)	310.481.035.706	105.927.807.451	53.209.824.703	1.332.907.355.026
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020								
Số dư tại ngày 01/01/2020	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(473.500.000)	310.481.035.706	105.927.807.451	53.209.824.703	1.332.907.355.026
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	306.074.344.124	-	306.074.344.124
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	(244.000.000)	-	244.000.000	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	-	-	-	(1.377.366.827)	-	(1.377.366.827)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2019	-	-	-	-	74.028.970.125	(74.028.970.125)	-	-
Thủ lao HECF và San kiểm soát	-	-	-	-	-	(560.000.000)	-	(560.000.000)
Chưa cổ tức năm 2019	-	-	-	-	-	(30.461.470.500)	-	(30.461.470.500)
Chưa cổ tức năm 2020	-	-	-	-	-	(20.461.470.500)	-	(20.461.470.500)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	10.026.345.870	10.026.345.870
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.856.994.583)	-	(1.856.994.583)
Số dư tại ngày 31/12/2020	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(717.500.000)	384.510.005.831	273.499.879.041	63.236.170.573	1.584.290.742.605

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2020		31/12/2019		31/12/2020	31/12/2019
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	590.363.131.616	-	319.460.000.000	-	590.363.131.616	319.460.000.000
Phải thu khách hàng	1.369.986.061.877	(77.932.830.298)	1.429.069.557.386	(121.691.770.991)	1.292.653.831.579	1.307.377.786.395
Phải thu về cho vay	-	-	350.000.000	-	-	350.000.000
Phải thu khác	40.338.249.693	-	48.946.442.049	(164.902.087)	40.338.249.693	48.781.539.962
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.183.353.090.185	-	596.391.443.759	-	1.183.353.090.185	596.391.443.759
TỔNG CỘNG	3.184.041.133.371	(77.932.830.298)	2.394.217.443.194	(121.856.673.078)	3.106.708.303.073	2.272.360.770.116
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	2.657.780.844.679	-	2.151.026.487.751	-	2.657.780.844.679	2.151.026.487.751
Phải trả người bán	2.025.976.832.234	-	1.511.846.746.123	-	2.025.976.832.234	1.511.846.746.123
Chi phí phải trả	86.333.296.503	-	22.049.545.946	-	86.333.296.503	22.049.545.946
Phải trả khác	130.440.411.374	-	434.398.442	-	130.440.411.374	434.398.442
TỔNG CỘNG	4.900.531.384.790	-	3.685.357.178.262	-	4.900.531.384.790	3.685.357.178.262

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

X.4 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

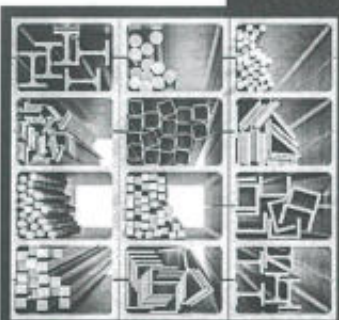
Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Báo cáo bộ phận chủ yếu: theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: Tp. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, Tp. Đà Nẵng và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tập đoàn phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Tp. HCM	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đà Nẵng	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
1. Doanh thu thuần	10.808.324.236.879	387.562.905.792	11.680.104.766.485	335.394.948.710	23.211.986.757.066	(7.477.029.195.653)	15.734.957.561.413
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	7.756.211.027.633	266.740.535.582	7.377.876.157.188	334.129.841.010	15.734.957.561.413	-	15.734.957.561.413
Doanh thu thuần từ bán hàng bán cho bộ phận khác	3.052.713.208.446	120.822.370.210	4.302.228.609.297	1.285.007.700	7.477.029.195.653	(7.477.029.195.653)	-
2. Tổng chi phí	10.692.132.307.891	396.764.982.611	11.397.556.934.869	311.461.426.573	22.797.895.631.894	(7.473.219.408.775)	15.324.676.223.119
Gia vốn	10.479.305.444.179	380.674.118.176	11.214.186.179.284	311.441.426.573	22.385.357.168.232	(7.469.374.567.731)	14.915.982.600.479
Gia vốn từ bán hàng bên ngoài	9.566.333.762.576	132.376.454.514	5.272.749.161.886	(5.476.778.497)	14.915.982.600.479	-	14.915.982.600.479
Gia vốn từ bán hàng bán cho bộ phận khác	912.771.681.603	248.247.663.662	5.941.437.017.398	366.918.205.070	7.469.374.567.733	(7.469.374.567.733)	-
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	213.026.883.662	16.140.864.435	183.370.735.585	-	412.538.463.682	(3.844.842.042)	408.693.621.640
3. Lợi nhuận tài chính	105.039.417.384	956.939.273	(39.152.862.589)	-	66.843.494.068	(116.080.461.514)	(49.236.967.446)
4. Lợi nhuận từ hoạt động khác	(2.562.284.792)	738.670.936	(9.245.827.761)	-	(11.069.441.617)	16.968.776.578	5.899.334.961
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	219.268.060.830	(7.506.486.610)	234.149.161.266	23.953.472.137	469.865.177.622	(102.921.470.813)	366.943.706.809
6. Tài sản bộ phận	4.695.328.081.739	103.873.681.334	3.534.695.845.401	277.129.530.548	8.570.967.139.022	(1.849.740.633.439)	6.721.246.505.583
Trong đó, tài sản không phân bổ	10.940.177.240	2.018.545.349	3.274.366.950	-	15.933.089.539	4.095.926.952	20.029.016.491
7. Nợ phải trả bộ phận	3.322.359.051.363	59.817.280.402	2.817.704.323.286	-	6.199.880.655.051	(1.062.924.892.073)	5.136.955.762.978
Trong đó, nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	4.203.114.017	4.203.114.017

CÁC TỪ VIẾT TẮT



SMC	: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	PTGD	: Phó Tổng Giám Đốc
CTCP	: Công ty cổ phần	TMCP	: Thương mại cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn	VPPD	: Văn phòng đại diện
MTV	: Một thành viên	BKS	: Ban Kiểm soát
LNST	: Lợi nhuận sau thuế	BRVT	: Bà Rịa Vũng Tàu
KCN	: Khu công nghiệp	TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
DHDCD	: Đại hội đồng cổ đông	CP	: Cổ phiếu
SXKD	: Sản xuất kinh doanh	KTT	: Kế toán trưởng
HDQT	: Hội đồng quản trị	CTTV	: Công ty Thành viên
TGD	: Tổng Giám Đốc	TH/KH	: Trực hiệu/ Kế hoạch
CT.HDQT	: Chủ tịch hội đồng quản trị	CBNV	: Cán bộ nhân viên
QTKD	: Quản trị kinh doanh	KQKD	: Kết quả kinh doanh
BCTC	: Báo cáo tài chính	SGDCK	: Sở Giao dịch chứng khoán
VXD	: Vật liệu xây dựng	CBTT	: Công bố thông tin
MSTS	: Marubeni Itochu Sumitaho Techno Steel JNC	MISP	: Marubeni Itochu Steel PTE. Ltd
DDPL	: Đại diện pháp luật	NKG	: CTCP Thiệp Nam Kim

MỤC LỤC

05	THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
07	TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	
09	THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	09
	1. Thông tin chung	
	2. Sản phẩm và dịch vụ cung cấp	10
	3. Lịch sử phát triển và sự kiện nổi bật năm 2020	14
	4. Sơ đồ tổ chức kinh doanh năm 2020	16
20	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
	1. Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	20
	2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	22
	Tình hình vĩ mô và thị trường năm 2020	22
	Đánh giá của HDQT về hoạt động của ban TGD và kết quả SXKD năm 2020	23
	Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết DHDCD năm 2020	23
	Kế hoạch và định hướng của HDQT năm 2021	26
30	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
	1. Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc	30
	2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	32
	Đánh giá các yếu tố tác động và KQKD năm 2020	32
	Đánh giá tình hình tài chính trọng yếu năm 2020	33
	Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2021	38
	Định hướng phát triển giai đoạn 2021 - 2025	40
44	BAN KIỂM SOÁT	
	1. Giới thiệu Ban Kiểm Soát	44
	2. Báo cáo của Ban Kiểm Soát	46
48	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	
	1. Quản trị hoạt động SXKD	48
	2. Quản trị rủi ro	50
	3. Tổ chức và nhân sự	51
	4. Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư	58
	5. Phát triển bền vững	64
70	CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT	
80	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2020	

THÔNGIỆP

của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

KINH THUYA

Quý cổ đông và Nhà đầu tư

Năm 2020 là một năm đầy thách thức, khó khăn và bất ổn do dịch bệnh COVID-19, tạo ra những thay đổi mạnh mẽ tới đời sống xã hội cũng như ảnh hưởng trực tiếp tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu. Là một doanh nghiệp ngành thép, SMC cũng không nằm ngoài tác động của dịch bệnh đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Việc giãn cách xã hội và các biện pháp ứng phó trong mùa dịch gây ra không ít khó khăn cho việc cung ứng hàng hóa, tiếp thị, sản xuất, bán hàng... cũng với tâm lý dè chừng của nhà đầu tư, người tiêu dùng và sự trì hoãn của các dự án là những thách thức mà SMC phải đối mặt. Tuy nhiên việc Chính phủ và toàn thể nhân dân Việt Nam đã và đang kiểm soát rất tốt dịch bệnh trong nước đã góp phần quan trọng giúp Việt Nam trở thành một trong các quốc gia nổi bật trong công tác chống dịch đi đôi với tăng trưởng kinh tế. Kinh tế Việt Nam tuy có giảm tốc nhưng là một trong số ít các quốc gia trên thế giới đạt mức tăng trưởng dương với lạm phát được kiểm soát ở mức thấp và tỷ giá duy trì ở mức ổn định. Vượt qua những khó khăn và thách thức chung của vĩ mô và ngành thép, SMC đã tận dụng tốt những cơ hội thuận lợi, thể hiện sự đột phá và đáng hướng trong chiến lược kinh doanh, quản trị doanh nghiệp chặt chẽ, trên nguồn lực tích lũy từ những năm trước, tạo nên sự ổn định và thành công trong kết quả kinh doanh năm 2020.

qua. Tổng sản lượng tiêu thụ thép các loại đạt 1,35 triệu tấn, hoàn thành 108% kế hoạch. Doanh thu bán hàng đạt gần 15.735 tỷ đồng, hoàn thành 103% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 316 tỷ đồng, hoàn thành 263% kế hoạch. Kết quả đạt được của năm 2020 chính là sự quản trị, điều hành linh hoạt, đúng hướng của Ban lãnh đạo; sự nỗ lực vượt khó của tập thể CNVY người lao động trong toàn hệ thống SMC, thể hiện tinh thần đoàn kết của tập thể, này bên, thích ứng nhanh với chuyển biến của thị trường để có những quyết sách phù hợp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thành công của năm 2020 có ý nghĩa quan trọng khép lại chặng đường kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã qua, và là cơ sở định hướng cho kế hoạch 5 năm 2021-2025 kế tiếp. Trong đó năm 2021 là năm đầu tiên của chặng đường tiếp theo, được dự báo là một năm nhiều thách thức trong công tác vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định hiệu quả, vừa thực hiện nhiều dự án đầu tư nhằm đáp ứng cho định hướng chiến lược và nhu cầu tăng trưởng của doanh nghiệp.

Năm 2021, SMC chuyển mình bước sang chu kỳ kinh doanh mới với định hướng, mục tiêu và chiến lược kinh doanh rõ ràng, vững vàng ở tất cả các lĩnh vực phân phối-gia công- sản xuất thép, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh triển khai các dự án mới nhằm nâng cao giá trị gia tăng và quy mô của doanh nghiệp. SMC cũng phải tích cực củng cố, xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp hiệu quả, nâng cao trình

chuyên nghiệp trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện đặc thù văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực phát triển cho toàn hệ thống, hướng tới sự phát triển ổn định và bền vững.

Phát huy kết quả đã đạt được trong năm 2020, với phương châm hoạt động năm 2021: **"TÂN TÂM - SÁNG TẠO - CHẤT LƯỢNG"**, chúng tôi tin rằng mọi nỗ lực trong công việc sẽ mang lại những thành quả xứng đáng và chính là chiếc chìa khóa vàng mở ra cánh cửa thành công. Vì vậy, mỗi ngày chúng tôi đều không ngừng phấn đấu với tất cả nhiệt huyết kết hợp cùng kiến thức - kinh nghiệm của mình để hoàn thành tốt những hoạch định trong tương lai. Để đạt được những mục tiêu này, đồng hành cùng vượt qua quyết tâm đoàn kết, đồng hành cùng vượt qua khó khăn, thách thức để hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2021 đã đề ra.

Trần trọng,
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTCP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC



NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN



TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tâm Nhìn

Nói đến Thép nghĩ đến SMC. Nói đến SMC nghĩ đến Thép.
SMC - Doanh nghiệp Thép Uy Tín và Chuyên Nghiệp

SMC cam kết thực hiện tốt vai trò uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực phân phối, hoạt động gia công và sản xuất kinh doanh thép, không ngừng hoàn thiện, đổi mới, và phát triển để chất lượng và dịch vụ ngày càng nâng cao, mang lại giá trị gia tăng và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng và thị trường.

Triết Lý KINH DOANH

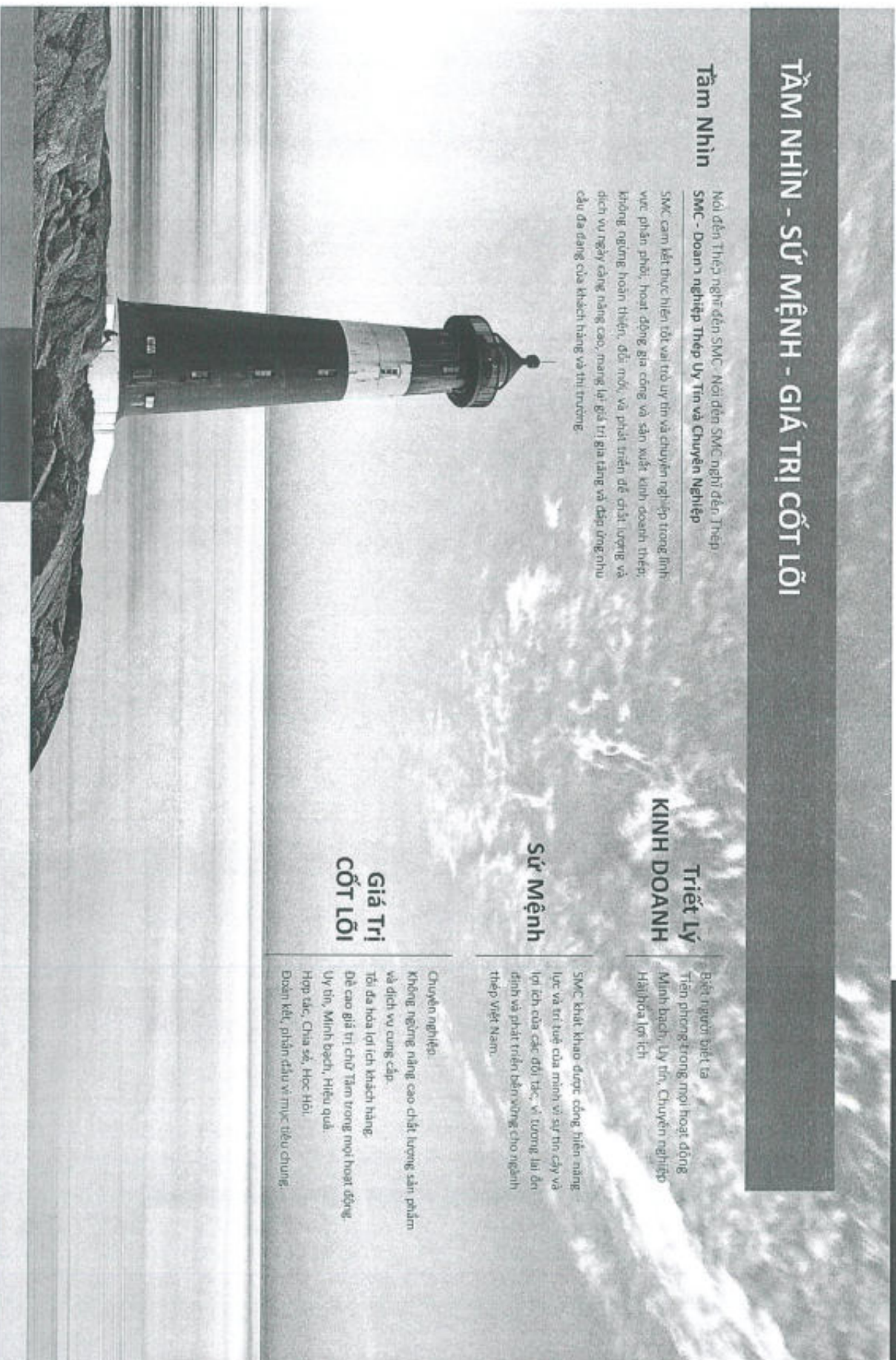
Biệt người biết ta
Tiên phong trong mọi hoạt động
Minh bạch, Uy tín, Chuyên nghiệp
Hài hòa lợi ích

Sứ Mệnh

SMC khát khao được công nhận năng lực và tri tuệ của mình vì sự thịnh vượng và lợi ích của các đối tác, vì tương lai doanh nghiệp và phát triển bền vững cho người thép Việt Nam.

Giá Trị CỐT LÕI

Chuyên nghiệp
Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp.
Tối đa hóa lợi ích khách hàng.
Đề cao giá trị chữ Tâm trong mọi hoạt động.
Uy tín, Minh bạch, Hiệu quả.
Hợp tác, Chia sẻ, Học Hỏi.
Đoàn kết, gắn bó đầu vì mục tiêu chung.



THÔNG TIN CHUNG Về Doanh Nghiệp

1. THÔNG TIN CHUNG

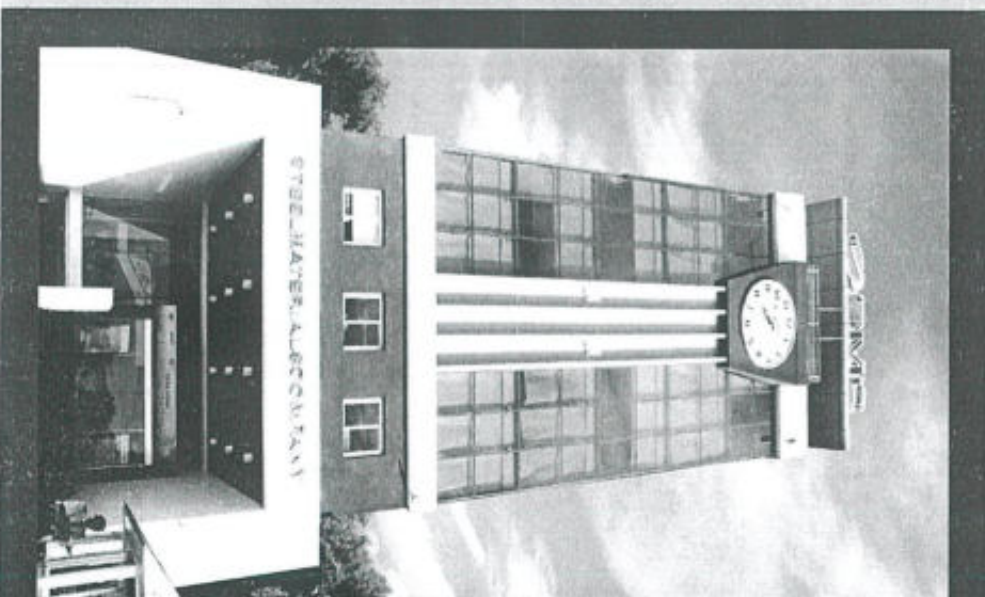
Tên tiếng Việt
Tên tiếng Anh
Tên giao dịch
Tên viết tắt
Tư sở chính
Điện thoại
Website
Vốn đầu tư
Mã chứng khoán
Mệnh giá
Số cổ phiếu niêm yết
Số cổ phiếu đang lưu hành

: Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC
: SMC Trading Investment Joint Stock Company
: Steel Materials Company
: SMC
: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
: (84 - 028) 38 99 22 99 Fax: (84 - 028) 38 98 09 09
: www.smc.vn
: 609.946.910.000 đồng
: SMC - niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán TPHCM (HSX)
: 10.000 đồng
: 60.994.691 cổ phiếu
: 60.922.941 cổ phiếu

Lĩnh vực kinh doanh:

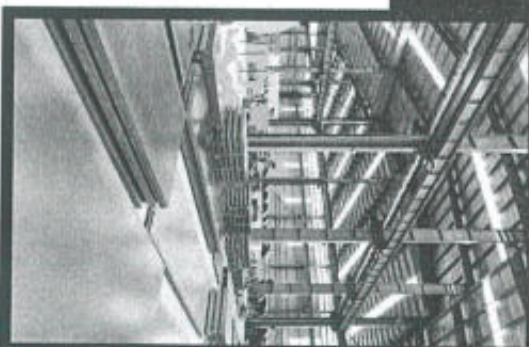
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox; xây dựng, lắp đặt các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; sửa chữa nhà ở, trang trí nội ngoại thất; lắp dự án đầu tư xây dựng, tư vấn, thiết kế và kinh doanh nhà ở; kinh doanh các mặt hàng điện máy kim khí, bách hóa, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm.
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và hàng xuất nhập khẩu, cho thuê xe có động cơ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Bán buôn, chuyên doanh khác.

☉ Tòa Nhà SMC tại 396 Ung Văn Khiêm,
P. 25, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM



2. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

- Sản phẩm thép xây dựng các loại bao gồm thép cuộn kéo dãn, thép tròn trơn, thép gần.
- Sản phẩm thép tấm là các loại bao gồm thép cán nóng, thép cán nguội, thép là mạ kẽm, mạ điện, mạ màu, mạ hợp kim, thép không gỉ.
- Sản phẩm thép hình (H, I, U), thép L, xà gồ, thép cường độ cao, thép không theo quy chuẩn.
- Hệ thống Coil Center, có tổng công suất gia công hơn 400.000 tấn/năm, với các nhà máy đặt tại GRVT, TP.HCM, Đà Nẵng, và Hà Nội được trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Đài Loan, Trung Quốc theo công nghệ Châu Âu, phương pháp quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, chuyên cung cấp dịch vụ gia công và bán, cắt chặt tấm các loại thép tấm cán nóng, thép là cán nguội, thép là mạ kẽm, mạ điện, mạ màu, thép không gỉ với độ chính xác và chất lượng cao.
- Hệ thống sản xuất thép cán nguội và thép là mạ kẽm tại SMC Cơ Khí, có công suất thiết kế 350.000 tấn/năm, chuyên cung cấp các sản phẩm cho hệ thống Coil Center và các nhà máy sản xuất ống thép.
- Hệ thống sản xuất thép ống Việt Nhật Sendo có công suất 200.000 tấn ống thép các loại/năm, bao gồm ống tròn, ống vuông, ống hộp, theo hai dòng sản phẩm ống đen và ống mạ kẽm.
- Hệ thống sản xuất thép hàn Việt Nhật SMC Toarni chuyên sản xuất thép hàn với công nghệ và chất lượng cao.



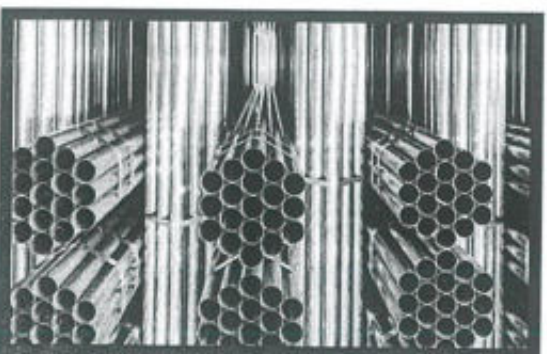
● Thép Tấm Cán Nóng



● Hệ Thống Coil Center



● Thép Là Mạ Kẽm



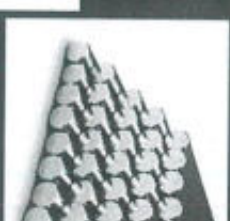
● Ống Thép



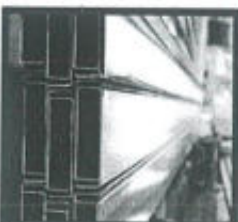
● Cho Thép Kho Bùn



● Thép Cán Nguội



● Thép Tròn Trơn



● Xà Gồ



● Thép Gân



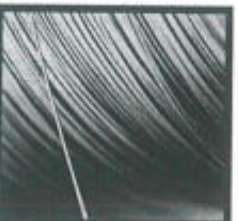
● Lưới Thép Hàn



● Thép Hộp



● Thép Cuộn Cán Nóng



● Thép Cuộn



● Hệ Thống Coil Center



● Thép Mạ Kẽm

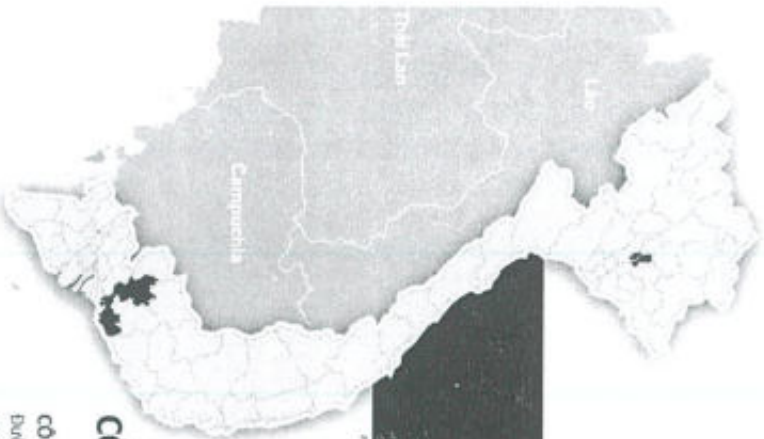


● Hệ Thống Coil Center



TRỤ SỞ CHÍNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
 Điện thoại: (84-028) 3899 2299 - Fax: (84-028) 3898 0909
 Website: <http://www.smc.com.vn>



CÔNG TY THÀNH VIÊN:

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SMC
 Đường số 5, KCN Đồng An, Phường Bình Hòa, Thị xã D'Án, tỉnh Bình Dương
 Điện thoại: (0650) 3769 526 - Fax: (0650) 3783 839
 Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND - Tỷ lệ sở hữu: 100 %

CÔNG TY TNHH THẾP SMC
 Đường 1B - KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
 Điện thoại: (064) 3922 866 - Fax: (064) 3922 469
 Vốn điều lệ: 230.000.000.000 VND - Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THẾP SMC
 Đường 1B - KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
 Điện thoại: (064) 3922 933 - Fax: (064) 3922 499
 Vốn điều lệ: 180.000.000.000 VND - Tỷ lệ sở hữu: 100 %

CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO
 Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP.HCM
 Điện thoại: (08) 3754 7454 - Fax: (08) 3754 5666
 Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VND - Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV SMC ĐÀ NẴNG
 Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
 Điện thoại: 0236 3737 345 - Fax: 0236 3723 345
 Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND - Tỷ lệ sở hữu: 100 %

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỨNG THẾP SENDO (LIÊN DOANH SMC - HANWA CO. LTD)
 Đường 1B - KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
 Điện thoại: (064) 3922 955 - Fax: (064) 3922 969
 Website: <http://www.sendoipipe.com>
 Vốn điều lệ: 175.201.485.313 VND - Tỷ lệ sở hữu: 75%

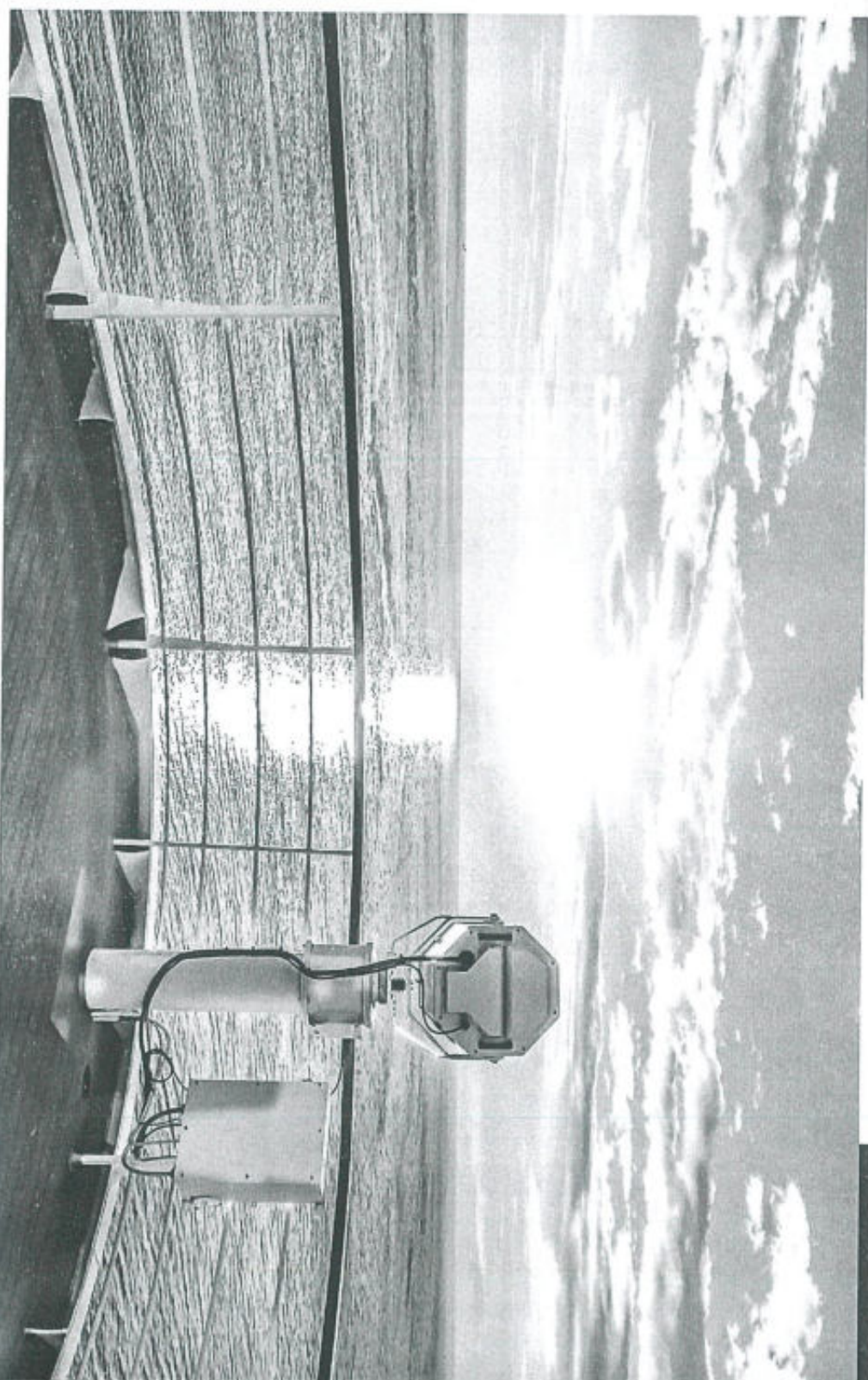
CÔNG TY LIÊN DOANH - LIÊN KẾT:

CÔNG TY TNHH SMC - SUMMIT (LIÊN DOANH SMC - MISTS - MISP)
 Đường 1B - KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
 Điện thoại: (064) 3922 955 - Fax: (064) 3922 969
 VPĐD: 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
 Điện thoại: (08) 3899 2299 - Fax: (08) 3898 0909
 Vốn điều lệ: VND 83.286.000.000 - Tỷ lệ sở hữu: 50%

CÔNG TY TNHH HANWA SMC STEEL SERVICE HÀ NỘI (LIÊN DOANH SMC - TẬP ĐOÀN HANWA)
 Lô số 47, KCN Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội
 Điện thoại: (04) 3525 1522 - Fax: (04) 3525 1526
 Vốn điều lệ: VND 64.369.800.000 - Tỷ lệ sở hữu: 35%

CÔNG TY TNHH SMC - TOAMI (LIÊN DOANH SMC - TẬP ĐOÀN TOAMI - TẬP ĐOÀN HANWA)
 Đường 1B - KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
 Điện thoại: (064) 3924 410 - Fax: (064) 3924 411
 VPĐD: Lô 4 - 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
 Điện thoại: (08) 3899 2299 - Fax: (08) 3898 0909
 Vốn điều lệ: VND 65.217.375.000 - Tỷ lệ sở hữu: 25%





CƠ HỘI & THÁCH THỨC

GIỚI THIỆU Hội Đồng Quản Trị



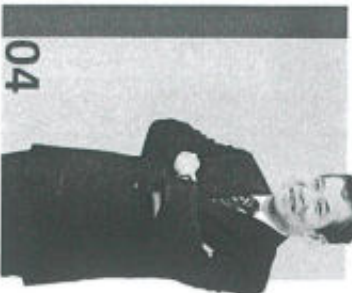
01
Ms. Nguyễn Thị Ngọc Loan
Chủ tịch HĐQT



02
Ms. Nguyễn Ngọc Ý Nhi
Phó Chủ tịch HĐQT



03
Mr. Nakajima Junichi
Thành viên HĐQT



04
Mr. Nguyễn Bình Trọng
Thành viên HĐQT



05
Mr. Ma Đức Tú
Thành viên HĐQT độc lập

01

Ms. Nguyễn Thị Ngọc Loan
Năm sinh: 1961
Chủ tịch HĐQT SMC
Cao đẳng Kinh tế
Chuyên ngành QTKD

04

Mr. Nguyễn Bình Trọng
Năm sinh: 1963
Thành viên HĐQT SMC
Phó TGD Thường trực SMC
Cử nhân Kinh tế
Chuyên ngành TC Kế toán

02

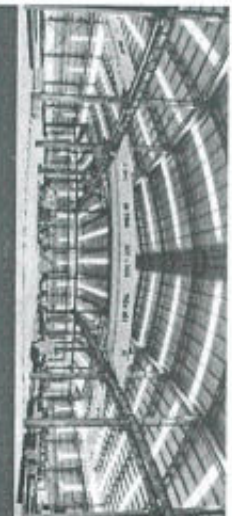
Ms. Nguyễn Ngọc Ý Nhi
Năm sinh: 1983
Phó Chủ tịch HĐQT SMC
Phó TGD Khối TC Kế Toán SMC
Thạc sỹ Kinh tế
Chuyên ngành TC Ngân hàng

05

Mr. Ma Đức Tú
Năm sinh: 1958
Thành viên HĐQT độc lập SMC
Cử nhân ngân hàng
Chuyên ngành TC Tín dụng

03

Mr. Nakajima Junichi
Năm sinh: 1968
Thành viên HĐQT SMC
Giám đốc Điều hành
Công ty TNHH Hamwa Việt Nam
Cử nhân Luật



BÁO CÁO Của Hội Đồng Quản Trị

Tình hình vĩ mô và thị trường năm 2020

Năm 2020 là một năm đặc biệt khi làn sóng đại dịch Covid-19 lan nhanh đã phủ bóng đen bao trùm lên đời sống xã hội, sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế của các quốc gia trên khắp thế giới. Giữa cách xa hội, phòng tòa giao thương, căng thẳng chính trị trong cuộc đua cử tổng thống Mỹ, chiến tranh thương mại tiếp tục diễn ra và xung đột địa chính trị ngày càng căng thẳng giữa nhiều quốc gia lớn, đã đem đến một năm đầy thử thách đối với nền kinh tế thế giới, làm cho thương mại toàn cầu giảm mạnh, thị trường tiền tệ tài chính và hàng hóa có nhiều biến động không ngờ.

Trong nước, nỗ lực và thành công của chính phủ trong việc không chỉ và kiểm soát dịch bệnh đã giúp Việt Nam chịu thiệt hại thấp hơn so với các quốc gia khác, tiếp tục tỏa sáng là một trong những điểm đến hấp dẫn thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài chất lượng. Bên cạnh đó, Việt Nam còn được hưởng lợi từ việc tham gia một số hiệp định thương mại như EVFTA, UKVFTA, RCEP, CPTPP... và các chính sách ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài. Việt Nam là một trong số ít các quốc gia tranh được suy thoái năm 2020, với mức tăng trưởng GDP đạt 2,91%, là một trong số các nền kinh tế phát triển tích cực nhất trong năm 2020. Năm 2020 kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định, lạm phát duy trì ở mức thấp đạt 3,23%, thực đạt tăng trưởng, cân bằng kinh tế được cải thiện. Các chính sách về tiền tệ và tài chính được điều hành nhất quán, linh hoạt, dự trữ ngoại hối tích cực, đảm bảo cho sự ổn định của tỷ giá và lãi suất giúp đời sống sinh hoạt xã hội và kinh doanh sản xuất của cả nước nhanh chóng được ổn định. Mặc dù hoạt động đầu tư, thương mại vẫn phải chịu những ảnh hưởng do Covid-19 gây ra, nhưng với chính sách điều

hành kinh tế đúng đắn, phục hồi nỗ lực và đoàn kết toàn dân, tăng trưởng kinh tế đã đạt ở mức cao trong khu vực và so với thế giới.

Ngành thép cũng đã trải qua năm 2020 với nhiều biến động mạnh bao gồm cả thách thức, khó khăn và cơ hội. Thị trường thép thế giới và trong nước chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi Covid-19 trong những tháng đầu năm, nhưng đã có sự phục hồi đáng khích lệ trong nửa cuối năm 2020. Việc hưởng lợi trực tiếp từ (1) nhu cầu tiêu thụ thép thế giới khi phục hồi trong nỗ lực của chính phủ các nước nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế hậu Covid, đặc biệt là ở Trung Quốc, cũng với (2) căng thẳng địa chính trị và sự gián đoạn, khan hiếm nguồn cung nguyên liệu thô và các sản phẩm thép từ các thị trường sản xuất lớn như Brazil, Úc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc... đã làm cho giá thép tăng và giá thép các loại tăng đột biến trong những tháng cuối năm 2020. Trong nước, ngành thép gặp thất bại được kết quả khá khả quan khi công nghiệp sản xuất tích cực hơn, tiêu thụ dần ổn định ở cả mảng B2B dự án và dân dụng, đầu tư công được đẩy nhanh bên đó, và xuất khẩu thép đạt mức tăng trưởng mạnh mẽ. Kết thúc năm 2020, ngành thép Việt Nam đạt tổng sản lượng sản xuất thép thành phẩm các loại là 25,9 triệu tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ. Tiêu thụ thép thành phẩm các loại đạt hơn 23,4 triệu tấn, tăng 1,4% so với năm trước. Trong đó tiêu thụ thép xây dựng đạt gần 10,5 triệu tấn - tăng 1,2%, tiêu thụ thép cán nóng đạt gần 4,3 triệu tấn - tăng 4,7%, tiêu thụ tôn mạ đạt gần 4 triệu tấn - tăng 4,4%, và tiêu thụ thép hợp kim đạt gần 2,6 triệu tấn - tăng 8,8% so với năm 2019.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ban TGD và kết quả SXKD của SMC năm 2020

Tổng sản lượng tiêu thụ thép các loại của SMC năm 2020 là 1,35 triệu tấn, tăng nhẹ 2,8% so với năm trước đó và đạt 108,3% kế hoạch. Doanh thu hợp nhất 2020 đạt 15.735 tỷ đồng, giảm 6,5% so với năm 2019 và đạt 103,5% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 316,1 tỷ đồng, gấp 3,2 lần so với năm trước và đạt 263,4% kế hoạch năm. SMC luôn quyết liệt, bám sát các biến động mạnh của thị trường, vừa thận trọng trong công tác điều hành quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trước những khó khăn thử thách của thị trường, vừa linh hoạt và có sự chuẩn bị đầy đủ về các nguồn lực và lực thế kinh doanh để bắt nhịp và tận dụng tốt cơ hội thị trường. Do đó với kết quả kinh doanh năm 2020 đạt được khá quan và tích cực đồng đều ở tất cả các ngành hàng trong hệ thống, SMC tiếp tục khẳng định uy tín

thương hiệu và sự ổn định, hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Qua đó, HĐQT đánh giá cao nỗ lực, trách nhiệm, sự linh hoạt và quyết liệt của ban TGD và ban giám đốc các CTTV, đã luôn bám sát chặt chẽ các định hướng và mục tiêu mà HĐQT và ĐHĐCĐ đã đề ra trước những chuyển biến bất thường và biến động mạnh của nền kinh tế và ngành thép trong năm 2020. Sự phối hợp, hỗ trợ, và cải tiến trong công tác điều hành, vận hành của Ban TGD đã góp phần giúp SMC hoàn thành xuất sắc các mục tiêu chủ chốt đã đề ra, đồng thời tiếp tục tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững của toàn hệ thống theo định hướng chiến lược trong những năm tới.

Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu trọng yếu:

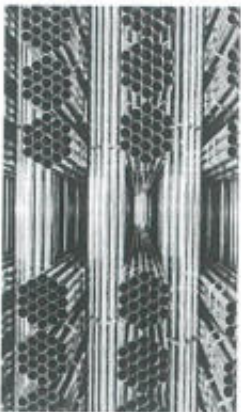
CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% Kế hoạch
		Tấn	Tấn	
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.250.000	1.353.916	108,3%
• Thép dài	Tấn	650.000	678.872	104,4%
• Thép tấm lá mạ đồng	Tấn	600.000	675.044	112,5%
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	15.200	15.735	103,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	120,0	316,1	263,4%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	% mệnh giá	10,0%	10 %	100%

Lựa chọn công ty kiểm toán: HĐQT lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP HCM (AISC)
Thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020

BÁO CÁO Của Hội Đồng Quản Trị (tt)

Trình hình thực hiện đầu tư các dự án trong năm:

- Hoàn thành đầu tư mới thêm 4 dàn máy sản xuất ống thép, lắp ráp và vận hành ổn định trong những tháng đầu năm 2020. Tổng công suất sản xuất ống thép lên 180.000 tấn/năm.
- Hoàn thành đầu tư mới nhà máy Coil Center SMC Đà Nẵng tại KCN Hòa Cẩm, Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng với tổng vốn đầu tư 120 tỷ đồng, công suất 50.000 tấn/năm, đưa vào vận hành sản xuất kinh doanh ổn định từ đầu tháng 3/2020.
- Thực hiện đàm phán và thoả thuận thuê 4,1ha đất tại KCN Phú Mỹ 1 và 9,7ha đất tại KCN Phú Mỹ 2, tỉnh BRVT, chuẩn bị cho các dự án đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh mới của Công ty.



Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm 2020

Từ ngày 25/09/2020, SMC đã miễn nhiệm chức danh TV HĐQT đối với ông Võ Hoàng Vũ. Như vậy, kết thúc năm 2020, cơ cấu HĐQT SMC chỉ bao gồm 5 thành viên, trong đó 1 TV HĐQT độc lập nhưng do năm 2020 là năm cuối kết thúc nhiệm kỳ 5 năm 2016 - 2020 nên Công ty sẽ trình Đại hội bầu thông qua Hội đồng thành viên mới cho nhiệm kỳ 5 năm tiếp theo 2021 - 2025 trong kỳ ĐHĐCĐ gần nhất.

Trong năm qua, HĐQT đã thực hiện đầy đủ các phiên họp định kỳ và bất thường, các phiên họp trực tiếp và dưới hình thức lấy ý kiến các TV HĐQT bằng văn bản, thực hiện đủ và đúng các biên bản họp và nghị quyết HĐQT theo yêu cầu của cơ quan quản lý, bảo vệ các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua để chỉ đạo ban TGD, hoạch định chiến lược, và đưa ra các quyết sách kịp thời đảm bảo cho bộ máy và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, đạt hiệu quả, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông, đối tác, và vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Thành viên và cơ cấu HĐQT

STT	Họ và Tên	Vị trí	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Chức vụ đang giữ tại công ty khác
1	Nguyễn Ngọc Loan	Chủ tịch	8.741.829	14,33	Chủ tịch tại các Đơn vị Thành viên có 100% vốn đầu tư từ Công ty mẹ-CTCP Đầu tư Thương mại SMC
2	Nguyễn Ngọc Ý Nhiu	Phó CT	647.887	1,06	Phó TGD Khối Tài chính kế toán SMC / TV HĐQT CTCP Thiệp Nam Kim
3	Nakajima Junichi	Thành viên	12.013.730	19,70	GĐ điều hành CV TNHH Hanwa VN (Đại diện phần sở hữu CP của Tập đoàn Hanwa)
4	Nguyễn Bình Trọng	Thành viên	161.066	0,26	Phó TGD Thương trực SMC
5	Mã Đức Thọ	TV độc lập	3.432	0,01	Không có

Các cuộc họp/nghị quyết HĐQT trong yêu trong năm 2020



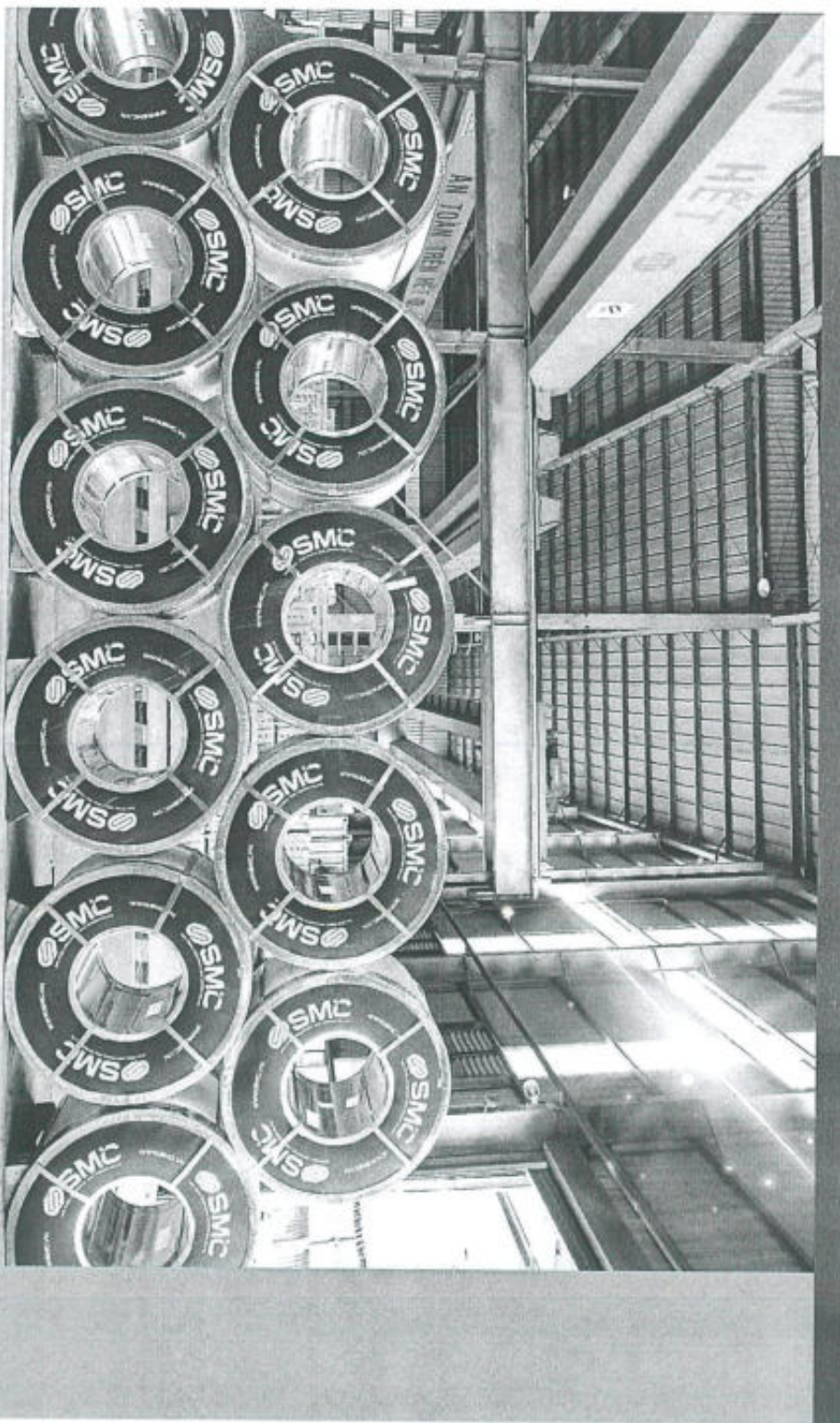
Ngày họp	Thành phần	Nội dung chính của các cuộc họp
20.03.2020	6/6 Thành viên	- Thông qua BCTC SMC năm 2019, thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ năm 2020. - Thông qua việc gia hạn ngày 15 chức ĐHĐCĐ năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.
24.04.2020	6/6 Thành viên	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ năm 2020. - Thông qua việc tạm chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC SMC năm 2020 là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM.
29.05.2020	6/6 Thành viên	- Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ SMC năm 2020 vào ngày 20.06.2020 - Thông qua việc thành lý tài sản thu hồi công nợ của Công ty TNHH MTV Thương mại SMC. - Thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Đà Nẵng cho bà Nguyễn Thị Ngọc Loan- Chủ tịch HĐQT.
22.06.2020	6/6 Thành viên	- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua các từ trình, phương án và kế hoạch chi tiêu cho năm 2019 - 2020.
14.07.2020	6/6 Thành viên	- Thông qua việc đề nghị TT&CKX VN chi nhận TP.HCM điều chỉnh chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện cho 400.000 cổ phiếu ESOP theo chương trình phát hành cho người lao động năm 2018. - Thông qua việc đề nghị TT&CKX VN chi nhận TP.HCM điều chỉnh chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện cho 500.000 cổ phiếu ESOP theo chương trình phát hành cho người lao động năm 2019.
22.07.2020	6/6 Thành viên	- Thông qua việc phân công bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Chủ tịch HĐQT - giữ chức danh Chủ tịch tại các Đơn vị thành viên có 100% vốn đầu tư từ Công ty mẹ là CTCP Đầu tư Thương mại SMC kể từ ngày 22.07.2020
25.09.2020	6/6 Thành viên	- Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 5% mệnh giá- tương đương 500 đồng/cổ phiếu - thời gian thực hiện trong tháng 10.2020 - Thông qua việc miễn nhiệm TV HĐQT đối với ông Võ Hoàng Vũ kể từ ngày 25.09.2020
21.10.2020	5/5 Thành viên	- Thông qua việc bầu ông Đặng Huy Hiệp thay thế cho ông Võ Hoàng Vũ tham gia vào Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội, kể từ ngày 21.10.2020
24.11.2020	5/5 Thành viên	- Thông qua chủ trương thuê đất tại KCN Phú Mỹ 2 để thành lập hai Công ty thành viên: (1) Công ty TNHH Gia Công Thiệp SMC Phú Mỹ và (2) Công ty TNHH Cơ Khí Chính xác SMC Phú Mỹ - Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Chủ tịch HĐQT - đại diện ký hợp đồng thuê đất, thành lập hai công ty thành viên, hoàn tất các công việc nêu trên phù hợp với Quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty.
30.12.2020	5/5 Thành viên	- Thông qua việc miễn nhiệm chức danh KTT đối với bà Đoàn Thị Mỹ Lệ kể từ ngày 02.01.2021 - Thông qua việc bổ nhiệm chức danh KTT đối với ông Nguyễn Văn Lâm kể từ ngày 02.01.2021 - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 của hệ thống SMC với sản lượng tiêu thụ đạt 1.350.000 tấn thép các loại và lợi nhuận sau thuế đạt 160 tỷ đồng. - Thông qua kế hoạch và nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

BÁO CÁO Của Hội Đồng Quản Trị (tt)

Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2021

Năm 2021, mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước được kỳ vọng sẽ khả quan hơn năm 2020, vẫn không thể không thận trọng với các diễn biến và tác động từ các yếu tố bất ngờ và bất lợi như tình hình dịch bệnh Covid vẫn kéo dài chuyển biến khó lường và bất ổn, căng thẳng thương mại chính trị giữa nhiều quốc gia lớn trên thế giới. HĐQT SMC sẽ tập trung chỉ đạo một cách thận trọng, bám sát định hướng đã đề ra, hoạch định các chính sách linh hoạt trong công tác điều hành, nhằm đảm bảo cho sự ổn định và hiệu quả của toàn hệ thống, hướng tới đạt được các mục tiêu đã đề ra, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021 do HĐQT thông qua, với phương châm “Tận tâm - Sáng tạo - Chất lượng”
- Chỉ đạo công tác triển khai đầu tư mới đảm bảo đúng tiến độ, đúng dự toán, an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành các nhà máy khởi gia công sản xuất an toàn, ổn định, tập trung nâng cao dịch vụ, chất lượng, năng suất, và vì thế thương hiệu cho hệ thống sản xuất.
- Chỉ đạo công tác kinh doanh chủ trọng cả về chỉ tiêu sản lượng và hiệu quả kinh doanh.
- Chỉ đạo bám sát và triển khai quyết liệt, có hiệu quả các chủ trương, định hướng, nghị quyết của HĐQT về việc sáp nhập, cơ cấu, kiện toàn bộ máy hoạt động của toàn hệ thống theo hướng hợp lý và hiệu quả hơn; nâng cao năng lực quản trị tại từng CTTV và của toàn hệ thống, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; giám sát các hoạt động SXKD và tài chính kế toán; thực hiện tốt kiểm soát tăng phí và phát huy văn hóa doanh nghiệp.
- Triển khai hoàn thiện công tác sáp nhập, tái cấu trúc theo định hướng và kế hoạch đã đề ra, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch, và chiến lược phát triển của từng CTTV, từng công ty, và toàn hệ thống.



“Tận tâm - Sáng tạo - Chất lượng”

